ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM THỊ NGÂN

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ VÀ MỤC ĐÍCH KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

LUẬN VĂN THẠC SĨ LƯU TRỮ

Hà Nội – 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM THỊ NGÂN

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ VÀ MỤC ĐÍCH KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

Chuyên ngành: Lưu trữ
Mã số : 60 32 24

LUẬN VĂN THẠC SĨ LƯU TRỮ

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS.Nguyễn Liên Hương

Hà Nội - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Trong luận văn có tham khảo luận văn thạc sỹ, báo cáo khoa học và sử dụng một số thông tin trong các văn bản của Nhà nước nhưng đã được chú thích. Công trình này chưa được tác giả nào công bố.

TÁC GIẢ

Phạm Thị Ngân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III 12
1.1. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III và các phông lưu trữ cá nhân 12
1.2. Thân thế và sự nghiệp của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai 14
1.3. Thân thế và sự nghiệp của đồng chí Tôn Quang Phiệt 17
1.4. Thân thế và sự nghiệp của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh 19
1.5. Thân thế và sự nghiệp của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông 22
1.6. Thân thế và sự nghiệp của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn 25
Chương 2: THÀNH PHẦN, NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÀI LIỆU TRONG CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN 29
2.1. Sự hình thành các phông lưu trữ cá nhân 29
2.2. Thành phần tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân 32
2.3. Nội dung của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân 36
2.4. Đặc điểm của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân 41
Chương 3: GIÁ TRỊ VÀ MỤC ĐÍCH KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU TRONG CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN 52
3.1. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai 52
3.2. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt 60
3.3. Giá trị và mục đích khai thác sử dung tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh 64
3.4. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông 70
3.5. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn 77
KẾT LUẬN 91
TÀI LIỆU THAM KHẢO 93

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tài liệu lưu trữ cá nhân là một bộ phận của Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam. Đó là toàn bộ tài liệu được hình thành trong quá trình sống và hoạt động của một cá nhân riêng biệt được đưa vào bảo quản trong một kho lưu trữ nhất định. Phông lưu trữ cá nhân thường được thành lập đối với các nhân vật tiêu biểu, điển hình hoạt động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân có rất nhiều giá trị và ý nghĩa to lớn. Đây là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng, hoạt động khoa học, sáng tác nghệ thuật của các cá nhân tiêu biểu; về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... Đồng thời là đối tượng để nghiên cứu và sử dụng vào các mục đích khác nhau của xã hội như: cung cấp tư liệu cho việc xây dựng các tuyển tập (đối với tài liệu cá nhân trong lĩnh vực văn học), phục vụ trưng bày triển lãm tài liệu tại các buổi hội thảo, hội nghị; phục vụ nhu cầu nghiên cứu của các nhà khoa học... Tuy nhiên, việc tìm hiểu, nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác, sử dụng của chúng thì vẫn còn rất nhiều hạn chế.

Hiện nay, gần 70 phông lưu trữ cá nhân, chủ yếu là của các văn nghệ sĩ và một số nhà hoạt động trên các lĩnh vực khoa học, xã hội khác đang được bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III. Trong số đó thì các phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn là năm phông có số lượng tài liệu lớn và tương đối đầy đủ, đa dạng về thành phần và phong phú về nội dung. Đây đều là những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trên các lĩnh vực hoạt động khác nhau như hoạt động nghệ thuật, hoạt động cách mạng, hoạt động

khoa học. Trong quá trình công tác của mình, họ đã từng đảm nhận những vai trò, vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Cuộc đời và sự nghiệp của họ có tầm ảnh hưởng rộng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực và nhiều cá nhân khác. Vì vậy, chúng tôi đã chọn 5 phông lưu trữ cá nhân này để khảo sát và tìm hiểu về giá trị, mục đích khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân.

GS Đặng Thai Mai là nhà văn hóa, một người thầy giáo giàu tâm huyết, một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc. Ông dạy học từ khi 20 tuổi và đã từng giữ nhiều chức vụ khác nhau trong ngành giáo dục như Bộ trưởng Bộ giáo dục trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, Giám đốc trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Ông dạy học với tấm lòng say mê của "một nhà truyền giáo". Ông thuộc thế hệ những người mở đường, đặt nền móng cho nền văn hóa, giáo dục cách mạng. Đặng Thai Mai còn là một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc. Ông được tôn vinh là "bậc thầy", là người mở đường và có đóng góp lớn cho nhiều chuyên ngành nghiên cứu văn học như lý luận văn học, văn học Việt Nam cận hiện đại, văn học Trung Quốc hiện đại. Có thể nói: "Tình cảm yêu nước mãnh liệt, phẩm chất nhân văn giàu có, niềm say mê văn học và tài năng thiên phú đã giúp ông trở thành nhà lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học có uy tín lớn của Việt Nam thế kỷ XX" [69, tr.1]. Với những cống hiến to lớn của mình, ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì, Huân chương Hồ Chí Minh, giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tôn Quang Phiệt là một nhân sỹ yêu nước, một chiến sỹ cách mạng kiên trung và nhà văn hóa lớn. Sự nghiệp hoạt động cách mạng của ông gắn liền với những sự kiện trọng đại của tiến trình lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. Ông sớm chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước và cũng là người tham gia phong trào cách mạng từ rất sớm (từ những năm 1925, khi ông tham gia thành

lập nhiều nhóm cách mạng ở Hà Nội và ở Vinh). Trước năm 1945, ông đã hoạt động trong nhiều tổ chức cách mạng như: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Hội truyền bá quốc ngữ, Mặt trận dân chủ ở Huế... Khi Cách mạng Tháng 8 năm 1945 diễn ra, ông hoạt động trong Mặt trận Việt Minh và trở thành Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng đầu tiên của tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, ông hoạt động trong Quốc hội và một số tổ chức chính trị - xã hội. Ông liên tục được Đảng giao cho nhiều trọng trách, vị trí, chức vụ quan trọng trong Bộ máy nhà nước.

Có thể nói, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông luôn là: "Một tấm gương sáng của một người trí thức giàu lòng yêu nước, trung thành với cách mạng, với nhân dân, chiến đấu bền bỉ, đã không ngừng tự trau dồi và rèn luyện để đạt tiêu chuẩn người cách mạng chân chính" [82, tr.3]. Bên cạnh sự nghiệp hoạt động cách mạng, Tôn Quang Phiệt còn sáng tác thơ văn và tham gia vào công tác nghiên cứu lịch sử. Ông đã để lại nhiều tác phẩm rất có giá trị. Với những đóng góp to lớn của mình cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Hoài Thanh là một trong số các nhà phê bình văn học hàng đầu của nền văn học Việt Nam thế kỷ XX. Sự nghiệp hoạt động nghệ thuật của ông gắn liền với những hiện tượng văn học lớn của thế kỷ. Hoài Thanh viết văn từ năm 1930. Trong suốt cuộc đời hoạt động nghệ thuật của mình như "con tằm nhả tơ, thong thả nhưng không hề gián đoạn", Hoài Thanh đã để lại một di sản văn học đồ sộ và có nhiều giá trị. Bên cạnh rất nhiều tác phẩm đã được xuất bản ngay từ khi nhà văn còn sống, năm 1998, Nhà xuất bản Văn học (Hà Nội) đã xuất bản trọn bộ "Toàn tập Hoài Thanh" (4 tập), do Từ Sơn sưu tầm và biên soạn.

Trong lời phát biểu khai mạc hội thảo "Hoài Thanh - cuộc đời và sự nghiệp" nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh của nhà văn Hoài Thanh (15/7/1909 -15/7/1999), nhà thơ Hữu Thỉnh - Phó Tổng thư ký thường trực Hội Nhà văn Việt Nam đã viết: "Toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Hoài Thanh cho phép chúng ta đi đến kết luận: ông là một nhân cách lớn, đôn hậu, trung thực và giản dị; một tâm hồn gắn bó với Cách mạng, với Nhân dân và Đất nước; một tài năng phê bình văn học hiếm thấy trong nền văn học Việt Nam ở thế kỷ XX; người có những đóng góp xuất sắc cho sự hình thành và phát triển của nền văn học cách mạng nước ta" [91, tr.7]. Với những đóng góp của mình, tháng 01 năm 2000, nhà văn Hoài Thanh đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật.

GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông có một trí tuệ uyên bác. Ông là một trong những nhà thơ mở đầu cho phong trào thơ mới với các tác phẩm như: Tiếng địch sông Ô, Con voi già… Không chỉ sáng tác văn thơ, Phạm Huy Thông còn nghiên cứu khá nhiều lĩnh vực: Ngôn ngữ, sử học, khảo cổ học, văn học. Trong đó, khảo cổ học là lĩnh vực nghiên cứu mà ông đã đạt được nhiều thành tựu nhất.

Là Viện trưởng đầu tiên của Viện Khảo cổ học, GS Phạm Huy Thông đã chỉ đạo các công trình nghiên cứu về thời kì Hùng Vương dựng nước, về Trống đồng Việt Nam; đồng thời là Tổng Biên tập Tạp chí Khảo cổ học. Ông có những đóng góp to lớn, là người "đặt viên gạch đầu tiên cho sự ra đời của Viện Khảo cổ", đồng thời là người sáng lập ra bộ môn Khảo cổ học Lịch sử Việt Nam. Ông chính là người đã góp phần "làm cho nước ta trở thành một quốc gia có nền Khảo cổ học mạnh nhất Đông Nam Á" [80, tr.5]. Với những đóng góp to lớn của mình, ông đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Kháng chiến hạng nhất, giải thưởng Hồ Chí Minh về nghiên cứu khảo cổ.

GS.VS Nguyễn Khánh Toàn là một nhà khoa học trí tuệ, uyên bác, là người có nhiều công lao trong việc xây dựng ngành giáo dục; cũng là người đặt nền móng cơ bản cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam. Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, ông đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng giao cho việc tổ chức và lãnh đạo ở cả hai lĩnh vực là khoa học và giáo dục với cương vị là Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Phó Chủ nhiệm Uỷ ban khoa học Nhà nước.

Ông là người có công lao to lớn trong hai cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất và lần thứ hai. Có thể nói: "Nguyễn Khánh Toàn là linh hồn của hai cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (năm 1950) và lần thứ hai (năm 1960)" [28, tr4.]. Với tư cách là người lãnh đạo trên lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, Nguyễn Khánh Toàn đã thể hiện tính uyên bác, khoa học trong sự chỉ đạo và một tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng các môn khoa học xã hội của đất nước. Ông chính là người "đã làm vinh dự cho nền khoa học xã hội và nhân văn của nước nhà" [78, tr.23]. Với những đóng góp to lớn của mình cho khoa học ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Sao vàng năm 2008.

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, các phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn đã được thành lập để lưu giữ lại khối tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của các cá nhân; bao gồm các bản viết tay, bản thảo sáng tác, bản đánh máy có bút tích của họ...

Khối tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân này là nguồn sử liệu có nhiều giá trị và có thể được khai thác, sử dụng vào các mục đích khác nhau như: để nghiên cứu về về sự nghiệp nghiên cứu văn học và giáo dục của GS Đặng Thai Mai (với Phông cá nhân của Đặng Thai Mai); về sự nghiệp hoạt động cách mạng và sáng tác của đồng chí Tôn Quang Phiệt (với phông cá

nhân của Tôn Quang Phiệt); cuộc đời của các cá nhân, về những hiện tượng lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XX, sự phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại (với phông cá nhân của Hoài Thanh); về quá trình xây dựng và phát triển của Viện Khảo cổ học và ngành khảo cổ học (với phông cá nhân của Phạm Huy Thông); về sự nghiệp hoạt động khoa học cũng như quá trình xây dựng và phát triển của ngành giáo dục và ngành khoa học xã hội (với phông cá nhân của Nguyễn Khánh Toàn); để phục vụ các cuộc triển lãm, trưng bày tài liệu, phục vụ nhu cầu của các nhà nghiên cứu... Tuy nhiên cho đến thời điểm này, việc nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân nói chung và tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân nói riêng mới được thực hiện bước đầu. Với tất cả những lý do trên, chúng tôi quyết định chọn đề tài: "Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III" làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Mục tiêu của đề tài

Qua đề tài này, chúng tôi muốn giới thiệu thành phần, nội dung, đặc điểm tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân. Đồng thời, chúng tôi nghiên cứu về giá trị cũng như mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân này; góp phần khẳng định giá trị, ý nghĩa to lớn của tài liệu lưu trữ cá nhân trong đời sống xã hội. Từ đó, chúng tôi cũng tìm hiểu về những bất cập, hạn chế trong việc khai thác và sử dụng khối tài liệu này và đưa ra một số đề xuất để có thể tăng cường và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ cá nhân như tinh thần của Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là giá trị và mục đích khai thác, sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

là các Phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn hiện đang được bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đã nêu trên, đề tài của chúng tôi sẽ đi vào thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tìm hiểu, nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp sáng tác, sự nghiệp hoạt động cách mạng, sự nghiệp hoạt động khoa học của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn;

- Khảo sát thành phần tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân;

- Nghiên cứu nội dung và đặc điểm của các khối tài liệu;

- Giới thiệu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu của các phông lưu trữ cá nhân.

- Đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục hạn chế trong khai thác sử dụng tài liệu của các phông lưu trữ cá nhân.

5. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Tài liệu lưu trữ cá nhân đã được nhiều người quan tâm, nghiên cứu; đã được đề cập đến trong nhiều bài viết, tạp chí, sách. Các bài viết, công trình nghiên cứu đã tập trung vào một số hướng nghiên cứu chính như sau:

Hướng đầu tiên là, quá trình hình thành, phát triển của công tác lưu trữ tài liệu cá nhân (với các bài viết như: "Một số nét về công tác lưu trữ tài liệu xuất xứ cá nhân trong thời gian qua" của tác giả Phạm Thị Bích Hài, "Lưu trữ tài liệu văn học nghệ thuật qua chặng đường hình thành và phát triển của tác giả Minh Văn...).

Hướng thứ hai là, vấn đề thu thập, quản lý và bổ sung tài liệu Phông lưu trữ cá nhân (với các khóa luận tốt nghiệp như: "Vấn đề thu thập và quản lý tài liệu Phông lưu trữ cá nhân của Trung tâm lưu trữ Quốc gia III" của tác giả Phạm Thị Hồng Liên, "Công tác bổ sung tài liệu Phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III nhận xét và kiến nghị" của tác giả Nguyễn Lan Chiên; "Thu thập, quản lý tài liệu Phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III - thực trạng và kiến nghị" của tác giả Nguyễn Thị Thùy Linh…).

Hướng thứ ba là, vị trí, giá trị của tài liệu lưu trữ cá nhân (với các bài viết như: "Về khối tài liệu của các cá nhân được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hiện đang bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III"; "Bước đầu tìm hiểu vị trí, ý nghĩa của tài liệu văn học nghệ thuật trong Phông lưu trữ quốc gia" của tác giả Minh Văn; Giá trị sử liệu của một số phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III của tác giả Phạm Thị Ngân...).

Hướng thứ tư là, ý thức lưu giữ tài liệu cá nhân của các gia đình, dòng họ (với các báo cáo khoa học như: " Khảo sát ý thức của các gia đình trong việc lưu giữ các tài liệu thuộc sở hữu cá nhân" của tác giả Đỗ Thị Lan Anh và Nguyễn Thị Thơm; "Khảo sát ý thức của một số dòng họ tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh trong việc lưu trữ các tài liệu thuộc sở hữu cá nhân" của tác giả Ngô Thị Thuyên…).

Chúng ta có thể nhận thấy ở các bài viết và các công trình nghiên cứu trước đó, các tác giả đã khái quát được các vấn đề: quá trình hình thành và phát triển của công tác lưu trữ tài liệu cá nhân; vấn đề thu thập và quản lý cũng như việc bổ sung tài liệu phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (nhất là việc đã đưa ra được một số nhận xét, kiến nghị); vị trí, giá trị của tài liệu cá nhân nói chung (nhất là tài liệu văn học nghệ thuật); ý thức lưu giữ tài liệu cá nhân của các gia đình, dòng họ. Đó là những kết quả nghiên cứu rất đáng được chúng ta ghi nhận. Tuy nhiên, vấn đề tìm hiểu,

nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ trong các phông lưu trữ cá nhân thì vẫn chưa nhận được sự quan tâm của nhiều tác giả.

Như vậy, trước đó mới chỉ có một số công trình của chúng tôi đi sâu vào nghiên cứu giá trị sử liệu của phông lưu trữ cá nhân. Vì thế, đề tài luận văn thạc sĩ của chúng tôi vừa có tính kế thừa, vừa mở rộng để làm rõ và sâu hơn vấn đề mà chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu.

6. Tài liệu tham khảo

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã tham khảo một số nhóm tài liệu.

Một là, nhóm tài liệu lý luận như Giáo trình Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, các bài giảng của giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) về các vấn đề liên quan.

Hai là, nhóm tài liệu liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, đồng chí Tôn Quang Phiệt, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai và GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông như: Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh - Về tác gia và tác phẩm, Toàn tập Hoài Thanh (4 tập); Nguyễn Khánh Toàn năm tháng - cuộc đời; Đặng Thai Mai - Về tác gia và tác phẩm, Hội thảo kỷ niệm 80 năm ngày sinh cố GS Viện sĩ Phạm Huy Thông (1916- 1996); Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam...

Ba là, nhóm tài liệu liên quan đến tài liệu lưu trữ cá nhân như bài viết: Hoài Thanh và những tài liệu sáng tác của ông đang bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III; Bước đầu tìm hiểu vị trí, ý nghĩa của tài liệu văn học nghệ thuật trong Phông lưu trữ Quốc gia; Hồ sơ Mục lục tài liệu của: GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn...

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tham khảo một số báo cáo khoa học và khóa luận tốt nghiệp liên quan đến tài liệu lưu trữ nhân dân, đến vấn đề thu thập và quản lý tài liệu phông lưu trữ cá nhân của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, đến công tác bổ sung tài liệu phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, đến giá trị sử liệu của một số phông lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III...

7. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, tôi đã sử dụng những phương pháp sau: phương pháp khảo sát, phương pháp thu thập và xử lý thông tin, phương pháp phân tích, tổng hợp…

8. Đóng góp của đề tài

Đề tài có những đóng góp sau:

- Giới thiệu phông lưu trữ cá nhân, thành phần, nội dung và đặc điểm của tài liệu một số phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III (cụ thể là Phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn);

- Giới thiệu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu của các phông lưu trữ cá nhân này;

- Phát hiện ra những bất cập trong việc khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân, lý giải nguyên nhân của những bất cập này và đưa ra một số đề xuất để có thể phát huy được giá trị của tài liệu lưu trữ cá nhân.

9. Bố cục của đề tài

Ngoài Mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm các phần chính sau:

- Chương 1: Khái quát về các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

- Chương 2: Thành phần, nội dung và đặc điểm của tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân.

- Chương 3: Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân.

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả cũng nhận được sự giúp đỡ của các cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III; gia đình các cá nhân có tài liệu đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III; thầy, cô Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, các bạn đồng nghiệp. Đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của TS. Nguyễn Liên Hương. Qua đây cho phép tác giả gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc đến sự giúp đỡ quý báu đó.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn khi tìm kiếm, liên hệ với chủ sở hữu của các phông lưu trữ cá nhân, đề tài chưa có nhiều người nghiên cứu, tài liệu tham khảo còn hạn chế. Do vậy luận văn không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các nhà nghiên cứu, các bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2015

Học viên

Phạm Thị Ngân

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

1.1. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III và các phông lưu trữ cá nhân

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III là một trong 4 trung tâm lưu trữ quốc gia trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước; có trụ sở tại số 34, Phan Kế Bính, Ba Đình, Hà Nội. Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 118/QĐ - BTTCBCP ngày 10/6/1995 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ). Trung tâm có chức năng thu thập, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ có ý nghĩa toàn quốc từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Có thể nói, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III là nơi lưu giữ những kỷ vật quá giá, bảo quản an toàn và trưng bày những tài liệu quý hiếm của quốc gia; từ tài liệu của những cá nhân nổi tiếng hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội đến những công trình toàn quốc.

Hiện tại, Trung tâm có 12 phòng chức năng và nghiệp vụ, hơn 100 viên chức. Trung tâm đang bảo quản hơn mười lăm ngàn mét giá tài liệu (tương đương hơn 15 cây số tài liệu) của gần 300 cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể trung ương và các nhân vật tiêu biểu, bao gồm 4 khối tài liệu. Đó là tài liệu hành chính, tài liệu khoa học kỹ thuật, tài liệu nghe nhìn và tài liệu xuất xứ cá nhân. Khối tài liệu hành chính hình thành trong quá trình hoạt động của gần 300 cơ quan nhà nước ở trung ương như: Quốc hội, Chính phủ, các Bộ và ủy ban hành chính các khu, liên khu đã giải thể... có thời gian từ năm 1945 đến nay. Khối tài liệu khoa học kỹ thuật bao gồm tài liệu thiết kế, thi công các công trình trọng điểm như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quảng trường Ba Đình, Nhà máy thủy điện Hòa Bình, đường dây 500KV Bắc Nam, cầu Thăng Long; hồ sơ bản đồ, địa giới hành chính các cấp... Khối tài liệu nghe nhìn

gồm khoảng trên 4000 cuộn băng ghi âm, hơn 150000 ảnh phi âm. Đặc biệt trong khối tài liệu này có khối tài liệu về Paris với khoảng 4.000 giờ chưa công bố. Khối tài liệu xuất xứ cá nhân gồm các tài liệu tiểu sử, tài liệu riêng của cá nhân, bản thảo các công trình nghiên cứu, sáng tác của các nhà khoa học, văn nghệ sỹ, các nhà hoạt động chính trị, xã hội nổi tiếng... Khối tài liệu cá nhân, gia đình, dòng họ nổi tiếng này do Trung tâm sưu tầm hoặc do cá nhân tự nguyện hiến tặng. Bên cạnh đó, Trung tâm còn lưu giữ hơn 7 vạn hồ sơ cá nhân cùng một số kỷ vật của các cán bộ đi B trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Theo Giáo trình Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ thì Phông lưu trữ cá nhân được định nghĩa là: "Toàn bộ tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của một nhân vật riêng biệt được đưa vào bảo quản trong một kho lưu trữ nhất định" [75, tr.60]. Hiện nay, Nhà nước vẫn chưa có một quy định cụ thể về việc thành lập phông lưu trữ cá nhân. Tuy nhiên, các cơ quan lưu trữ đang rất chú ý đến việc thu thập và chỉnh lý khối tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của những nhà hoạt động chính trị, xã hội, khoa học kỹ thuật nổi tiếng. Sau khi Luật Lưu trữ được Quốc hội ban hành ngày 11/11/2011, việc quản lý tài liệu của cá nhân, gia đình dòng họ đã được quy định. Theo Điều 5 của Luật Lưu trữ, những tài liệu sau đây của cá nhân, gia đình, dòng họ có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử đối với quốc gia, xã hội được đăng ký thuộc Phông lưu trữ quốc gia Việt Nam: Gia phả, tộc phả, bằng, sắc phong, tài liệu về tiểu sử; bản thảo viết tay, bản in có bút tích, công trình nghiên cứu khoa học, sáng tác, thư từ trao đổi; phim ảnh, băng, đĩa ghi âm, ghi hình, tài liệu điện tử; công trình, bài viết về cá nhân; ấn phẩm, tài liệu do cá nhân sưu tầm được.

Đối với phông lưu trữ cơ quan, các yếu tố dùng để xác định giới hạn thời gian của Phông như: sự thay đổi về chế độ chính trị, sự thay đổi về chức

năng và nhiệm vụ của cơ quan, sự thay đổi địa giới hành chính... Khác với phông lưu trữ cơ quan, giới hạn của phông lưu trữ cá nhân lại không hề bị ảnh hưởng bởi các yếu tố trên. Tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân có thể kéo dài từ thời kỳ lịch sử này sang thời kỳ lịch sử khác, tùy thuộc vào quá trình sống và hoạt động của người hình thành phông. Vì thế, khi chúng ta xác định giới hạn thời gian phông lưu trữ cá nhân thì chủ yếu là xác định thời gian sống và hoạt động của cá nhân ấy. Trong thành phần của phông lưu trữ cá nhân, còn bao gồm cả những tài liệu nói về người hình thành phông sau khi người đó đã qua đời như: tài liệu tang lễ, các bài báo, bản nhạc, hồi ký... Tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân là những khối tài liệu đa dạng về thành phần và phong phú về nội dung. Những khối tài liệu này được chỉnh lý, sắp xếp theo những nguyên tắc nghiệp vụ cơ bản được áp dụng cho phông lưu trữ có xuất xứ cá nhân. Cụ thể, tài liệu được phân loại và hệ thống hóa theo các nhóm chủ yếu phản ánh được các mặt đời sống riêng tư và các hoạt động chính trong cuộc đời của các cá nhân.

Hiện nay, gần 70 phông lưu trữ cá nhân, chủ yếu là của các văn nghệ sĩ và một số nhà hoạt động trên các lĩnh vực khoa học, xã hội khác đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III như: nhạc sỹ Văn Cao, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, đồng chí Tôn Quang Phiệt, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông, nhà nghiên cứu lịch sử Trần Văn Giáp, nhà văn Tô Hoài, Sơn Tùng, nhà thơ Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh... Khối tài liệu này đã góp phần làm phong phú thêm Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam

1.2. Thân thế và sự nghiệp của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

Giáo sư nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai sinh ngày 25 tháng 12 năm 1902 tại làng Lương Điền (nay là Thanh Xuân), huyện Thanh Chương, tỉnh

Nghệ An. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, có lòng yêu nước tha thiết. Thân phụ ông là cụ phó bảng Đặng Nguyên Cẩn, làm Đốc học, tham gia phong trào Duy Tân cùng với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh nên đã bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Sau khi phụ thân bị bắt, ông về quê nội sống từ năm sáu tuổi và được bà nội nuôi giáo dục lòng yêu nước, học chữ Hán và chữ quốc ngữ theo chương trình Đông Kinh nghĩa thục.

Năm 1925, khi đang theo học tại trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương tại Hà Nội, ông tham gia các phong trào yêu nước của sinh viên như đòi ân xá Phan Bội Châu, truy điệu Phan Chu Trinh, đồng thời gia nhập Đảng Tân Việt. Năm 1928, ông trở thành giáo sư trường Quốc học Huế. Năm 1929, khi Đảng Tân Việt tan vỡ, ông bị kết án một năm tù treo. Năm 1930, ông lại bị bắt vì tham gia phong trào Cứu tế đỏ ở Huế và bị tù một năm. Năm 1932, Đặng Thai Mai ra Hà Nội sống và dạy học tại Trường tư thục Gia Long.

Đến năm 1935, Đặng Thai Mai cùng với các bạn là Phan Thanh, Hoàng Minh Giám, Võ Nguyên Giáp… lập ra Trường Tư thục Thăng Long. Năm 1936, ông cùng một số trí sỹ yêu nước thành lập ra hội truyền bá chữ Quốc ngữ. Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), ông bắt đầu hoạt động văn hóa công khai, viết bài cho các báo Le travail (Lao động), En avant (Tiến lên); viết một số truyện ngắn bằng tiếng Pháp để tố cáo tội ác của đế quốc thực dân và nêu gương các chiến sĩ cách mạng. Năm 1939, Ông ứng cử Viện Dân biểu Trung Kỳ và đã trúng cử. Năm 1944, ông cho ra đời tác phẩm Văn học khái luận. Đây là cuốn sách đầu tiên trình bày có hệ thống nhiều vấn đề lý luận văn học theo quan điểm tiến bộ, như điển hình và cá tính, nội dung và hình thức, truyền thống và hiện đại. Đặng Thai Mai cũng là người có công giới thiệu văn học hiện đại Trung Quốc qua các công trình Lỗ Tấn (1944), Tạp văn Trung Quốc (1944), các bản dịch kịch Lôi Vũ, Nhật Xuất của Tào Ngu.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ông giảng dạy ở bậc đại học và nghiên cứu phê bình văn học. Năm 1946, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương; được bầu làm đại biểu quốc hội khóa I, Bộ trưởng Bộ giáo dục trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến thành lập năm 1946. Trong các giai đoạn về sau, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ khác nhau trong lĩnh vực văn hóa và giáo dục như Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa; Hội trưởng Hội văn hóa Việt Nam, Giám đốc Trường dự bị đại học và sư phạm cao cấp Liên khu IV; Giám đốc trường đại học sư phạm Hà Nội; Viện trưởng Viện văn học; Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Trong suốt thời gian này, Đặng Thai Mai cũng dành nhiều tâm huyết nghiên cứu phê bình văn học. Ông tiếp tục nghiên cứu thơ văn Lý - Trần, Văn thơ cách mạng đầu thế kỷ XX, Văn thơ Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh và giới thiệu văn học nước ngoài vào Việt Nam.

Giáo sư Đặng Thai Mai mất ngày 25/9/1984 tại Hà Nội, thọ 82 tuổi.

Đặng Thai Mai là một nhà văn hóa, một người thầy giáo tâm huyết, một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc. Những thế hệ học trò đều có chung tình cảm kính yêu trân trọng đối với ông. Ông là một thầy giáo có kiến thức sâu rộng, dạy học với tấm lòng say mê và tình yêu với học trò. Ông là một tấm gương sáng về người thầy giáo và đã được nhiều thế hệ tôn vinh là "bậc sư biểu quốc gia". Đặng Thai Mai hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhưng đóng góp lớn nhất của ông là nghiên cứu văn học. Ông là một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc, đạt được nhiều thành tựu trong các chuyên ngành văn học như lý luận văn học, văn học Việt Nam, văn học Trung Quốc. Ông là một nhà nghiên cứu văn học "có uy tín lớn của Việt Nam thế kỷ XX".

Với những cống hiến to lớn của mình, ông đã được Nhà nước tặng thưởng Lao động hạng Nhì, Huân chương Hồ Chí Minh năm 1982. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và

nghệ thuật cho cụm tác phẩm nghiên cứu văn học Việt Nam và văn học thế giới. Tên ông cũng được đặt cho một con đường thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.3. Thân thế và sự nghiệp của đồng chí Tôn Quang Phiệt

Tôn Quang Phiệt sinh ngày 4 tháng 11 năm 1900, trong một gia đình nhà nho tại xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Hồi nhỏ, ông học ở Vinh, rồi sau đó học bậc Thành Chung tại Trường Quốc học Vinh. Năm 1923, ông ra Hà Nội học Cao đẳng Sư phạm Đông Dương.

Do truyền thống của quê hương, gia đình, ngay từ nhỏ, ông đã sớm chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước và cũng sớm tham gia phong trào cách mạng. Ông đã từng tham gia thành lập nhiều nhóm cách mạng ở Hà Nội, ở Vinh. Ông được bầu làm Hội trưởng Hội Phục Việt.Năm 1925, ông cùng Đặng Thai Mai, Phạm Thiều... sáng lập tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn và tham gia đấu tranh đòi thực dân Pháp thả cụ Phan Bội Châu.

Vào đúng ngày Quốc khánh nước Pháp, một số chiến sĩ yêu nước trung kiên của tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn, trong đó có ông đã cùng với Nhóm chính trị Phạm Trung Kỳ tuyên bố thành lập Hội Phục Việt. Tôn Quang Phiệt được cử làm Hội trưởng. Đến tháng 11 năm 1925, Hội Phục Việt đổi tên thành Hội Hưng Nam và đến năm 1928 thì đổi tên thành Đảng Tân Việt (một trong những tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 6 năm 1926, ông cùng cùng với Trần Phú, Vương Thúc Oánh... sang Trung Quốc gặp các đồng chí trong Việt Nam Cách mạng Đảng. Ông đã bị thực dân Pháp bắt ở Móng Cái, rồi bị đem về giam tại Hà Nội. Một thời gian sau, ông được trả tự do. Ông tiếp tục bí mật hoạt động và dạy tại trường trung học tư thục Thăng Long. Năm 1927, ông tham gia Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập thì ông đã gia nhập Đảng. Cũng trong thời gian này, ông lại bị bắt, bị kết án tù 7 năm và đày

đi Buôn Ma Thuột. Năm 1934, ông ra tù và bị quản thúc. Ông đã xin dạy học tại một trường tư thục ở Vinh, rồi ông vào Huế mở trường tư thục Thuận Hoá đồng thời bắt liên lạc với phong trào cách mạng ở đây. Từ năm 1936 đến năm 1945, ông tham gia vào Mặt trận Dân chủ, phong trào Đông Dương đại hội, Hội truyền bá Quốc ngữ và sau đó hoạt động trong Thành bộ Việt Minh Nguyễn Tri Phương ở Huế.

Sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban kháng chiến đầu tiên của tỉnh Thừa Thiên. Năm 1946, ông là Đại biểu Quốc hội khóa I và tham gia vào Uỷ ban dự thảo Hiến pháp Việt Nam năm 1946. Ông đã từng đảm nhận nhiều chức vụ trong Quốc hội như Đại biểu Quốc hội khóa I-IV, Phó trưởng ban Thường trực Quốc hội khóa I, Uỷ viên Uỷ ban Thường vụ và Tổng Thư ký Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa III, IV. Ông còn là Chủ tịch Uỷ ban đoàn kết nhân dân Á - Phi của Việt Nam, Phó hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Trung, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội hữu nghị Việt - Xô.

Sau năm 1954, ông tham gia vào Ban nghiên cứu Sử, địa, văn và tập trung nghiên cứu về lịch sử và văn học. Về sử học, ông đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị như: Lịch sử Việt Nam dưới thời Pháp thuộc (1948), Trên đường tranh đấu của nhân dân Việt Nam (1950), Tìm hiểu Hoàng Hoa Thám qua một số tài liệu và truyền thuyết... cùng nhiều bài viết đăng trên các tạp chí. Về văn học, người ta còn biết đến Tôn Quang Phiệt như là một nhà thơ, nhà văn với các tác phẩm như: Thanh khí tương cầu (thơ lục bát), truyện thơ Khách không nhà, tiểu phẩm Bẻ nạng chống trời, Duyên nợ bên hồ, Một ngày ngàn thu (Nhà in Đắc Lập, Huế, 1937)...

Ông mất ngày 01 tháng 12 năm 1973 trong một chuyến công tác tới Bắc Kinh, Trung Quốc.

Có thể nói, ông là một nhà hoạt động chính trị, một nhân sỹ yêu nước, một chiến sỹ cách mạng kiên cường. Trong Điếu văn của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội đọc tại buổi tang lễ của ông có đoạn viết khẳng định về ông với tư cách là một người chiến sỹ cách mạng kiên trung của Đảng, Nhà nước và của nhân dân ta: "Trong suốt cuộc đời mình, lúc bị tù đày cũng như lúc đi dạy học, lúc hoạt động cũng như lúc đã giành được chính quyền, đồng chí luôn luôn khiêm tốn, đoàn kết với đồng chí và đồng nghiệp, cố gắng hoàn thành mọi nhiệm vụ mà nhân dân, Đảng và Nhà nước giao phó. Là đại biểu Quốc hội, đồng chí luôn luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đã góp phần xứng đáng của mình vào những thành tích của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất... Đồng chí không còn nữa, nhưng tinh thần của đồng chí còn sống mãi trong lòng chúng tôi" [82, tr.3]. Ngoài ra, ông còn là một nhà sử học, nhà thơ, nhà giáo Việt Nam.

Với những đóng góp to lớn của mình cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng cao quý khác. Ông là người đã được tôn vinh trong Cuốn sách "100 chân dung - một thế kỷ Đại học Quốc gia Hà Nội", xuất bản năm 2006 nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Đại học Quốc gia. Ông cũng là một trong những nhân vật được ghi danh tại Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh cùng với các nhân vật như: Nguyễn Duy Trinh, Phùng Chí Kiên, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai... Hiện nay, tên ông đã được đặt cho những con đường ở Huế và thành phố Hồ Chí Minh. Có một Trường Trung học cơ sở ở Khối 8, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã mang tên ông.

1.4. Thân thế và sự nghiệp của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên (ngoài ra ông còn sử dụng các bút danh khác như Văn Thiên, Le Nhà Quê). Ông sinh ngày 15 tháng 7 năm 1909, ở thôn Song Xuân, xã Cẩm Trường, nay là xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo, có tham gia phong trào chống Pháp của nhà yêu nước Phan Bội Châu.

Năm 1920 đến 1923, Hoài Thanh học ở Trường Sơ học Pháp-Việt ở huyện Nghi Lộc. Năm 1926, Hoài Thanh học ở Cao đẳng Vinh và có tham gia phong trào đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu và làm lễ truy điệu cho cụ Phan Chu Trinh. Năm 1927, ông gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1928, ông tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học, rồi ra học ở Trường Bưởi (Hà Nội) và vẫn tiếp tục hoạt động trong Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1930, khi ông đang học ở Trường Bưởi thì bị bắt, bị giam ở Sở Mật thám Hà Nội rồi bị giải về Vinh; bị kết án treo và trở lại học tiếp ở Trường Bưởi.

Hoài Thanh bắt đầu sự nghiệp hoạt động nghệ thuật của mình từ năm 1930 khi ông xin vào làm việc ở Tòa soạn Phổ Thông. Trong thời gian này, ông đã cùng với Đặng Nguyên Quang ra tờ báo tiếng Pháp Le People (Nhân dân), mỗi tuần ra hai kỳ. Đây là tờ báo đầu tiên của người Việt Nam bằng tiếng Pháp ở miền Bắc. Hoài Thanh đã viết nhiều bài đả kích chính quyền thực dân trên báo này. Khi báo đang in số 4 thì ông bị bắt và bị giải về quê. Năm 1931, ông vào Huế làm người chữa morát trong nhà in Đắc Lập của Bùi Huy Tín, rồi gặp gỡ và kết bạn với nhà thơ Lưu Trọng Lư. Năm 1936, ông dạy học tư ở Trường Phú Xuân của Cao Văn Chiểu, rồi dạy ở Trường Thuận Hóa của Tôn Quang Phiệt.

Năm 1932, ở nước ta bắt đầu diễn ra một cuộc Cách mạng trong thơ ca, bắt đầu từ ngày 10-3-1932, ngày xuất bản tờ Phụ nữ tân văn số 122 trong đó có đăng bài "Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ". Cuộc cách mạng này phát triển với sự ra đời của phong trào Thơ Mới (1932 - 1941). Hoài Thanh là một người yêu thơ Mới ngay từ ngày những ngày đầu. Ông chăm chú theo dõi và say sưa nghiên cứu về thơ Mới với rất nhiều bài viết về thơ Mới. Năm 1941 khi phong trào Thơ Mới kết thúc, Hoài Thanh cùng em trai mình là Hoài Chân biên soạn sách "Thi nhân Việt Nam" (1932- 1941, Thụy Kí, Hà Nội).

Năm 1945, ông tham gia Tổng khởi nghĩa ở Huế rồi được cử làm Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc Huế; sau đó ông ra Hà Nội dạy đại học. Sau năm

1945, ông liên tục giữ những chức vụ rất quan trọng. Năm 1946, ông trở về Huế, được giao phụ trách tờ Le Jeune Việt Nam của ủy ban hành chính Trung Bộ rồi ra Hà Nội dạy trường Phan Châu Trinh do Đặng Thai Mai làm hiệu trưởng, đồng thời làm tổng thư kí Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam. Năm 1947, ông công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam. Ông được kết nạp đảng ngày 31- 07- 1947.

Sau Đại hội Văn hóa toàn quốc tháng 7-1948, ông được chuyển về làm công tác văn hóa nghệ thuật với danh nghĩa là Bí thư Ban thường vụ Hội Văn hóa Việt Nam. Năm 1950, ông làm Giám đốc Vụ Văn hóa nghệ thuật thuộc Bộ Giáo dục. Năm 1951, ông tham gia phái đoàn đại diện cho nhân dân Việt Nam đi thăm Trung Quốc và Triều Tiên. Cũng trong năm này, ông cho in cuốn sách "Nói chuyện thơ kháng chiến" (Văn Nghệ, Việt Bắc). Năm 1952, ông làm Trưởng tiểu ban văn nghệ của Ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1953, ông tham gia vào việc chỉnh huấn văn nghệ và vận động cải cách ruộng đất.

Năm 1954, ông làm Phó trưởng đoàn phái đoàn Trung ương vào thăm đồng bào Nam Bộ; rồi làm Trưởng phái đoàn Quốc hội và mặt trận đi thăm đồng bào Liên khu V. Từ sau năm 1955, ông có rất nhiều bài viết có giá trị về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tố Hữu... Năm 1956, ông làm Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật, ủy viên đảng đoàn Bộ Văn hóa. Năm 1957, ông giảng dạy văn hóa ở Đại học và làm ủy viên tiểu ban Văn nghệ của Ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1858, ông làm trưởng đoàn đại biểu nhà văn Việt Nam dự hội nghị các nhà văn Á - Phi ở Tasken, đồng thời đảm nhiệm chức vụ Tổng thư kí Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam và tham gia Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa I và II.

Từ năm 1959 đến năm 1969, ông giữ chức Phó Viện trưởng Viện Văn học kiêm Thư ký tòa soạn Tạp chí Nghiên cứu văn học của Viện. Năm1960, ông dẫn đoàn cán bộ của Viện Văn học đi trao đổi kinh nghiệm với Sở

Nghiên cứu văn học Trung Quốc. Trong thời gian này, ông được bầu làm đại biểu quốc hội tỉnh Thanh Hóa, khóa II. Năm 1967, ông đi thăm Triều Tiên và làm trưởng đoàn đại biểu nhà văn Việt Nam đi thăm Trung Quốc. Từ năm 1969 đến năm 1970, ông giữ chức Chủ nhiệm tuần báo văn nghệ.

Nhà văn Hoài Thanh qua đời ngày 14 - 03 - 1982 tại Hà Nội.

Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học xuất sắc và đã để lại nhiều dấu ấn độc đáo trong nền văn học Việt Nam. Dấu ấn đó thể hiện trong quan niệm nghệ thuật, phương pháp phê bình và tính cách phê bình của Hoài Thanh. Năm 1935, ông cho in bài "Tìm cái Đẹp trong tự nhiên là nghệ thuật, tìm cái Đẹp trong nghệ thuật là phê bình" (Tiểu thuyết thứ bảy, số 35, ngày 21-01). Trong sự nghiệp hoạt động nghệ thuật của Hoài Thanh, bài viết này có giá trị tuyên ngôn về quan điểm nghệ thuật của ông.

Ông là một trong những nhà phê bình văn học xuất sắc của Việt Nam trong thế kỷ XX. Sáng ngày 9 - 7 - 2009, Hội nhà văn Việt Nam và Viện Văn học phối hợp tổ chức Lễ tưởng niệm 100 năm ngày sinh của Hoài Thanh tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam. Qua các bài tham luận, phát biểu, các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học đều đánh giá cao những đóng góp của ông đối với sự phát triển của nền văn học Việt Nam. Với những đóng góp của mình, nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương Độc lập hạng ba, Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật... Tên của ông đã được đặt cho con đường ở thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh (phường 14, quận 8).

1.5. Thân thế và sự nghiệp của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông

GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông sinh ngày 23 tháng 6 năm 1916 tại Hà Nội. Quê gốc ông ở làng Đào Xá, xã Bãi Xậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Ông xuất thân trong một gia đình tư sản dân tộc yêu nước, có

điều kiện ăn học, đỗ đạt và có bằng cấp. Cha ông là nhà tư sản Phạm Chân Hưng, chủ hiệu vàng Chân Hưng ở 86 phố Hàng Bạc và là chủ nhiệm tờ Nông Công Thương báo.

Sau khi tốt nghiệp cử nhân luật tại Trường Đại học Luật Đông Dương, năm 1937 ông sang Pháp du học, đậu tiến sĩ luật khoa (1942) và thạc sĩ sử, địa (1944). Năm 1946, Ông được cử làm thư kí cho chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn ngoại giao của ta tại Hội nghị Phongtenơblo. Ông còn là Tổng cố vấn phái đoàn thường trực nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp. Năm 1947, ông được Chính phủ Pháp phong hàm học vị giáo sư và giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Giáo dục tối cao của Pháp.

Năm 1952, ông phụ trách tổ chức Việt kiều hải ngoại, cũng trong năm đó ông bị trục xuất khỏi Pháp, bị giam giữ tại các nhà tù ở Sài Gòn. Năm 1953, ông được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam. Sau đó, ông đã tham gia và có nhiều đóng góp cho hoạt động của phong trào hòa bình ở miền Nam Việt Nam. Ông đảm nhiệm nhiều chức trách mà Nhà nước giao phó. Năm 1955, ông công tác tại Bộ Văn hóa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Năm 1956 đến 1967, ông là Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Sau khi thoát khỏi nhà tù đế quốc, Giáo sư đảm nhiệm nhiều chức trách mà Nhà nước giao phó. Tháng 8/1967, ông được giao cho phụ trách ngành khảo cổ học, làm Đội trưởng Đội Khảo cổ thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam. Năm 1968, Viện Khảo cổ học được thành lập, ông trở thành Viện trưởng đầu tiên và đã có những đóng góp to lớn cho ngành khảo cổ học nước ta. Năm 1976, ông được cử làm phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam. Năm 1987, ông được Viện Hàn lâm Khoa học của Cộng hòa dân chủ Đức bầu làm tiến sĩ.

Phạm Huy Thông say mê sáng tác văn học từ nhỏ và là một trong những nhà thơ mở đầu cho phong trào thơ mới. Ông đã có nhiều tác phẩm

thơ, kịch thơ được đánh giá cao: Tiếng địch song Ô, Anh Nga, Con voi già, Yêu đương…

Thơ ca không phải là niềm hứng thú duy nhất, mặc dù ông đã thành đạt ngay từ bước đi ban đầu. Những cái mốc về một trí tuệ uyên bác đã được ghi nhận từ cuối những năm 30 của thế kỉ này Không chỉ sáng tác văn thơ, Phạm Huy Thông còn nghiên cứu khá nhiều lĩnh vực: Ngôn ngữ, sử học, khảo cổ học, văn học, đề tựa cho sách dẫn luận nghiên cứu văn học dân gian. Ông đã chỉ đạo biên soạn những bộ ngữ pháp tiếng Việt từ điển tiếng Pháp cùng các công trình nghiên cứu tư tưởng xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, lĩnh vực nghiên cứu mà ông đạt được nhiều thành tựu nhất là khảo cổ học. Từ năm 1995, phần lớn các công trình của ông là nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học.

Khi phụ trách Viện khảo cổ học, ông đã chỉ đạo các công trình nghiên cứu về thời kì Hùng Vương dựng nước, về Trống Đồng Việt Nam và cũng là Tổng biên tập Tạp chí Khảo cổ học. Có thể nói ông là "một học giả tiên phong của nền khảo cổ học hiện đại (…) đã luôn luôn định hướng cho khảo cổ học lịch sử theo sát nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. Hàng loạt các đề tài khoa học như: Thời đại An Dương Vương, Khảo cổ học 10 thế kỷ sau Công nguyên, Khảo cổ học với văn minh thời Trần,… không chỉ bổ sung nguồn sử liệu vật chất dồi dào cho sử học Việt Nam mà còn góp phần cổ vũ động viên hàng triệu chiến sĩ, đồng bào trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc yêu dấu của chúng ta" [80, tr.75].

Phạm Huy Thông cũng là một nhà hoạt động quốc tế xuất sắc. Ông từng tham gia nhiều hội nghị quốc tế về khảo cổ học tổ chức ở nhiều nước (Liên Xô, Trung Quốc, CHDC Đức, Ba Lan, Mỹ, Pháp, Úc, Thái Lan…). Trong các hội nghị đó, ông đã nói chuyện và viết bài về khảo cổ học Việt Nam nói chung, đặc biệt về thời đại kim khí ở Việt Nam. Nhờ đó, giới khảo cổ học thế giới đã biết đến và đánh giá cao những thành tựu của ngành khảo

cổ học Việt Nam. Uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao hơn. Ông là người đã có những đóng góp to lớn cho nền khảo cổ học nước ta.

Với những đóng góp to lớn của mình, ông đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Kháng chiến hạng nhất. Đặc biệt năm 2000, ông được truy nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về nghiên cứu khảo cổ (cho công trình nghiên cứu về Hang Con Moong, Trống đồng Đông Sơn và 4 bài dẫn luận thời đại Hùng Vương). Tên ông đã được đặt cho một con đường vòng quanh hồ Ngọc Khánh tại thành phố Hà Nội.

1.6. Thân thế và sự nghiệp của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Nguyễn Khánh Toàn sinh ngày 01 tháng 8 năm 1905 tại thành phố Vinh, Nghệ An, trong một gia đình công chức nghèo. Năm 1926, sau khi tốt nghiệp Trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương tại Hà Nội, ông đã vào Sài Gòn và viết bài cho báo L'Annam. Cũng trong thời gian này, ông đứng ra làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút tờ báo Le Nhà quê. Khi báo mới ra được số đầu thì bị thống đốc Nam kỳ ra lệnh cấm và ông bị bắt giam. Năm 1927, ông bị xử án treo. Sau đó luật sư Phan Văn Trường mời ông làm chủ bút cho tờ báo L'Annam, nhưng ông lại tiếp tục bị xử án treo 2 tháng. Năm 1928, ông gửi đơn lên Thống đốc Trung kỳ để xin đi Pháp. Từ Pháp, ông sang Liên Xô học Trường Đại học Đông Phương và được giữ lại làm giảng viên.

Năm 1930, Quốc tế cộng sản giới thiệu ông làm nghiên cứu sinh sử học với đề tài "Chiến tranh nông dân ở Đông Dương vào thế kỷ XVIII - khởi nghĩa Tây Sơn". Sau đó, ông được nhận học vị tiến sĩ tại Khoa Sử, Đại học Phương Đông (Liên Xô). Trong thời gian này, ông đã tham gia những công tác của Quốc tế cộng sản (được Quốc tế cộng sản giao trọng trách là Phó ban Đông Dương và Công hội đỏ. Năm 1939, ông về Trung Quốc cà hoạt động với nhóm Cộng sản Việt Nam ở Diên An. Tại đây, ông tham gia giảng dạy

Khoa Lịch sử cách mạng thế giới và Khoa tiếng Nga với bí danh Hoàng Chính Quang.

Năm 1945, ông trở về nước và đã có rất nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của nước ta. Sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, ông đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho việc tổ chức và lãnh đạo ở cả hai lĩnh vực là Khoa học và Giáo dục. Năm 1946, ông được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1960, ông được cử làm Phó chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học Nhà nước. Ông là Uỷ viên dự khuyết trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (1951-1960) và khóa III (1960 - 1976). Ông còn là đại biểu Quốc hội các khóa II và III (1960 - 1971). Từ năm 1965 đến năm 1982, sau khi Ban Khoa học Xã hội tách khỏi Uỷ ban Khoa học Nhà nước, đồng thời đổi tên thành Viện Khoa học Xã hội rồi Uỷ ban Khoa học Xã hội và hiện nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, ông đã được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm cơ quan nghiên cứu khoa học này cho đến ngày nghỉ hưu. Trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, tác giả Nhật Hồng đã có bài viết về đóng góp của ông và trong đó khẳng định: "Sự cống hiến của ông gắn liền với tên tuổi, tên Nguyễn Khánh Toàn nổi lên từ ngày Ban Khoa học Xã hội tách khỏi Ủy ban Khoa học nhà nước để thành Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Trong những năm 1960 đến 1970 của thế kỷ trước, người ta gọi ông là linh hồn của ngành Khoa học Xã hội" [78, tr.23].

Ông từng là người chỉ đạo biên soạn đề cương các bộ sách có giá trị như: Lịch sử Việt Nam (Nguyễn Khánh Toàn (chủ biên), Nguyễn Công Binh, Văn Tạo, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971-1989); Lịch sử văn học Việt Nam (tập I); Tổng tập văn học (trọn bộ 42 tập); Ngữ pháp tiếng Việt (1983)... Bên cạnh đó, ông còn có rất nhiều công trình nghiên cứu như: Vài nhận xét về thời kỳ từ cuối Lê đến đầu nhà Nguyễn Gia Long" (1954), Đại cương về văn học sử Việt Nam (1954), Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản (1960), Xung quanh một số vấn đề về văn học và giáo dục (1972)...

Ông được bầu làm viện sĩ của Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô và Viện Hàn Lâm Khoa học CHDC Đức. Ông mất năm1993. Mặc dù, Nguyễn Khánh Toàn "không để lại một bộ sách đồ sộ nào theo dạng nào đó, hoặc có ý nghĩa đánh dấu giai đoạn về bất cứ lĩnh vực chuyên môn cụ thể nào. Sự nghiệp viết được tính ở ông là trên 500 bài báo theo sưu tầm và thống kê của nhà nghiên cứu Đặng Việt Ngoạn (trong sách "Cho cây đời xanh tươi", NXB Khoa học Xã hội, 1993, trang 20) (...) nhưng tư cách học giả của ông vẫn cứ được khẳng định mà không ai có chút nghi ngờ, qua các ý kiến sâu sắc và có giá trị định hướng của ông cho nhiều lĩnh vực Khoa học nhân văn cụ thể" [79, tr.177].

Ông chính là người người có rất nhiều đóng góp trong cuộc Cải cách giáo dục lần 1 năm 1950 và lần 2 năm 1960; là người đầu tiên đề xuất nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, ông là một học giả uyên thâm với kiến thức vừa bao quát, vừa chuyên sâu trong các lĩnh vực Sử học, Triết học, Văn học, Dân tộc học, Luật học, Giáo dục học, Ngôn ngữ học..., với nhiều công trình nghiên cứu và các bài viết bằng nhiều thứ tiếng (như tiếng Anh, tiếng Nga...). Có thể nói, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn chính là người đặt nền móng cơ bản cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Năm 1996, ông đã được Chính phủ truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học cho "Cụm những công trình thuộc lĩnh vực sử học", trong đó nổi bật 2 cuốn Vài nhận xét về thời kỳ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long (năm 1954) và Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản (năm 1960). Với những đóng góp to lớn của mình cho khoa học, năm 2008, ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Sao vàng. Ông là người đã được tôn vinh trong Cuốn sách "100 chân dung - một thế kỷ Đại học Quốc gia Hà Nội, xuất bản năm 2006 nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Đại học Quốc gia. Ngày 5 tháng 8 năm 2005, HĐND Thành phố Hà Nội đã thông qua Nghị quyết về việc đặt tên cho 29 tuyến đường, phố trên địa bàn thủ đô, trong đó có con

đường mang tên Nguyễn Khánh Toàn. Tên của ông đã được đặt cho con đường từ cầu Dịch Vọng cắt ngang đường Nguyễn Văn Huyên đến phố Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy.

Tiểu kết chương 1: Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Hoài Thanh, Phạm Huy Thông và Nguyễn Khánh Toàn đều là các cá nhân tiêu biểu. Chúng ta biết đến Đặng Thai Mai là một nhà văn hóa, một người thầy giáo tâm huyết, một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc. Tôn Quang Phiệt là đại điện cho những nhân sỹ yêu nước, chiến sỹ cách mạng kiên cường, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng, đấu tranh giải phóng nước nhà. Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học đầy tài năng, luôn tìm kiếm và trân trọng cái đẹp trong cuộc sống. Phạm Huy Thông là người có trí tuệ uyên bác, đã có những đóng góp to lớn và đáng ghi nhớ đối với ngành khảo cổ học của nước ta. Nguyễn Khánh Toàn là một nhà khoa học uyên bác, là người đã lao động không biết mệt mỏi để xây dựng và phát triển nền giáo dục và khoa học xã hội nhân văn nước nhà. Qua đó, chúng ta có thể thấy những cá nhân được thành lập Phông lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đều là những người tiêu biểu, xuất sắc trên các lĩnh vực hoạt động của mình. Họ đã có những đóng góp to lớn trong sự hình thành, phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực nói riêng cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam nói chung.

Chương 2
THÀNH PHẦN, NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÀI LIỆU TRONG CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN

2.1. Sự hình thành các phông lưu trữ cá nhân

Tài liệu lưu trữ cá nhân là một bộ phận của Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam. Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam bao gồm Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam. Tại Điều 9 của Luật Lưu trữ, Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam được định nghĩa là "toàn bộ tài liệu lưu trữ được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, nhân vật lịch sử tiêu biểu và tài liệu khác được hình thành qua các thời kỳ lịch sử của đất nước". Đây là căn cứ quan trọng để xác định các cá nhân có tài liệu cần được thu thập, sưu tầm vào lưu trữ lịch sử. Là một trong bốn Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đã xác định cần phải sưu tầm, thu thập tài liệu của các cá nhân tiêu biểu; các nhà hoạt động chính trị có nhiều cống hiến cho đất nước; nhà khoa học đạt giải thưởng lớn trong nước và quốc tế; anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; nhà văn, nhà báo, cá nhân nổi tiếng hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu điện ảnh, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc…

Dù có nhiều giá trị tuy nhiên tài liệu xuất xứ cá nhân đứng trước nguy cơ mất mát, hư hỏng cao. Khối tài liệu này thuộc sở hữu của cá nhân và được bảo quản trong các gia đình. Một số gia đình chưa có ý thức giữ gìn tốt, bảo quản đầy đủ tài liệu. Ngay cả khi có ý thức bảo quản tài liệu tốt thì các gia đình cũng không có đủ điều kiện, kiến thức để thực hiện công việc này; vì nơi bảo quản tài liệu lưu trữ cần được vệ sinh thường xuyên, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy điều họa, hệ thống hút ẩm được vận hành, bảo dưỡng để

đảm bảo được nhiệt độ và độ ẩm thích hợp. Nhiều tài liệu cá nhân không được bảo quản tốt và dần dần sẽ bị hư hỏng hoặc bị lãng quên theo thời gian. Vì thế, tài liệu xuất xứ cá nhân cần được đưa vào các lưu trữ lịch sử để được bảo quản tốt hơn. Để thực hiện được vấn đề này, Nhà nước đã có chính sách "khuyến khích tổ chức, cá nhân hiến tặng, ký gửi, bán tài liệu lưu trữ của mình cho Nhà nước" [83, tr.3].

Thấy rõ tầm quan trọng và nguy cơ hư hỏng của nguồn tài liệu này, ngày 31/5/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 644/QĐ-TTg phê duyệt nội dung Đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam"; trong đó đã xác định một trong những mục tiêu của Đề án này là: "Trợ giúp các cá nhân, gia đình, dòng họ… trong việc bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ quý, hiếm - một bộ phận di sản quý giá của dân tộc trước nguy cơ ngày càng bị xuống cấp do không được bảo quản đúng chế độ". Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động sưu tầm, thu thập và bổ sung tài liệu xuất xứ cá nhân. Trung tâm đã tiến hành nhiều phương pháp và hình thức sưu tầm, thu thập khác nhau.

Trung tâm tiến hành thu thập khối tài liệu này qua hình thức tổ chức các hội nghị. Trong năm 2000, 2008, Trung tâm đã tổ chức Hội nghị "Thu thập tài liệu xuất xứ cá nhân". Có nhiều cá nhân đã đến tham dự hội nghị, qua đó giúp bổ sung thêm tài liệu của gần 20 cá nhân. Từ năm 2007, Trung tâm tiến hành thu tài liệu cá nhân (hình thức truyền miệng) bằng một phương pháp mới là ghi âm, ghi hình. Trung tâm ghi lại các buổi nói chuyện, phỏng vấn của các nhân vật lịch sử tiêu biểu gắn với sự kiện của đất nước như: Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; phỏng vấn các cá nhân nổi tiếng hoạt động trong lĩnh vực lịch sử, văn học… Với phương pháp này, Trung tâm đã phỏng vấn Đại tá Hoàng Đăng Vinh -

người bắt sống tướng De Castries, Trung tướng Đồng Sĩ Nguyễn, nhà văn Chu Lai, nhà thơ Trần Đăng Khoa, nhà sử học Lê Văn Lan…

Một hình thức thu thập mới mà Trung tâm Lưu trữ quốc gia III trong những năm qua đã thực hiện đó là việc phối hợp giữa Trung tâm với cơ quan nơi cá nhân công tác và gia đình cá nhân trong việc thu thập tài liệu. Thời gian qua, Trung tâm đã phối hợp với Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và gia đình cá nhân trong việc thu tài liệu của GS.TSKH.VS Nguyễn Duy, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn. Đây là hai trong số những nhà lãnh đạo đầu tiên của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đã tự nguyện hiến tặng toàn bộ khối tài liệu nghiên cứu khoa học của mình vào Trung tâm Lưu trữ quốc gia. Các khối tài liệu này trước kia được bảo quản tại Viện và hiện giờ đã được chuyển vào bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III trong điều kiện môi trường nhiệt độ, độ ẩm tốt nhất nhằm bảo quản an toàn lâu dài và tổ chức khai thác tài liệu hiệu quả. Với mong muốn ngày càng thu thập được nhiều tài liệu xuất xứ cá nhân, ngày 08/6/2015, Trung tâm đã tổ chức Tọa đàm "Nâng cao hiệu quả công tác sưu tầm tài liệu cá nhân".

Thực hiện Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đã tiến hành khảo sát tình hình tài liệu của nhiều cá nhân tiêu biểu ở một số tỉnh, thành phố để có kế hoạch sưu tầm, thu thập tài liệu. Sau đó, các cán bộ làm công tác thu thập đã kiên trì vận động, thuyết phục; kết quả nhiều cá nhân, gia đình đã tự nguyện hiện tặng hoặc ký gửi toàn bộ khối tài liệu trong sự nghiệp sáng tác cũng như hoạt động nghiên cứu của bản thân (hoặc của cha ông mình) cho Lưu trữ Quốc gia. Sau khi tài liệu của các cá nhân được đưa vào Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm đã tập hợp, sắp xếp các khối tài liệu đó để lập thành các phông lưu trữ cá nhân. Phông lưu trữ cá nhân thường được thành lập đối với những nhà hoạt động xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật…, mà tài liệu hình

thành trong quá trình sống và hoạt động của họ có ý nghĩa chính trị, văn hóa và các ý nghĩa khác. Tiếp đến, các cán bộ nghiệp vụ tiến hành phân loại, xác định giá trị tài liệu, lập công cụ thống kê tra cứu cho từng phông. Đến nay, Trung tâm đã thu thập và thành lập được hơn 70 phông lưu trữ cá nhân của các các nhân tiêu biểu.

2.2. Thành phần tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân

2.2.1. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

Tài liệu trong phông có thời gian bắt đầu từ năm 1880 và kết thúc vào năm 1991. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS Đặng Thai Mai bao gồm 4 nhóm lớn, đó là nhóm tài liệu tiểu sử, tài liệu nghiên cứu, tài liệu công vụ và tài liệu tham khảo.

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này bao gồm: giấy tờ cá nhân, hồi kí, sổ ghi chép, thư từ trao đổi của bạn bè và người thân.

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu

Nhóm này bao gồm tài liệu nghiên cứu về: các vấn đề văn học, nghệ thuật, lịch sử văn học (văn học nghệ thuật nói chung, văn học Việt Nam, văn học nước ngoài) và các vấn đề văn hóa, triết học, chính trị, xã hội.

c. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm này bao gồm tài liệu của GS Đặng Thai Mai trong thời gian làm việc tại Viện Văn học, Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam; tài liệu đại hội, hội nghị, thư từ trao đổi.

d. Nhóm tài liệu tham khảo

Nhóm này bao gồm các tài liệu, báo, tạp chí tham khảo về các vấn đề văn học nghệ thuật nói chung; văn học, lịch sử, triết học nước ngoài; chính trị, xã hội văn hóa Việt Nam và nước ngoài.

2.2.2. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt

Tài liệu trong phông có thời gian bắt đầu từ năm 1946 và kết thúc vào năm 1973. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt bao gồm 4 nhóm lớn, đó là nhóm tài liệu tiểu sử; tài liệu công vụ; tài liệu nghiên cứu, sáng tác và tài liệu tham khảo.

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này bao gồm: lý lịch Đảng viên khai năm 1952 và được bổ sung năm 1966, sổ sách, nhật ký công tác, thư từ của bạn bè gửi đồng chí Tôn Quang Phiệt, tài liệu về tang lễ của đồng chí Tôn Quang Phiệt...

b. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm này bao gồm tài liệu về một số hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á Phi, Hội Việt Hoa hữu nghị…

c. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm tài liệu này bao gồm các nghiên cứu, sáng tác về lịch sử và văn học.

d. Nhóm tài liệu tham khảo

2.2.3. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh có thời gian bắt đầu từ năm 1934 và kết thúc vào năm 2000. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của Hoài Thanh bao gồm 5 nhóm lớn, đó là: nhóm tài liệu tiểu sử; nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác; nhóm thơ do nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh sưu tầm; nhóm thơ, thư từ của các tác giả gửi Hoài Thanh; nhóm bài viết của các tác giả khác về Hoài Thanh.

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này bao gồm: Giấy kết hôn, Chứng minh thư, những tài liệu về đề bạt và thuyên chuyển…

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm tài liệu này bao gồm: tài liệu của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, những bài viết của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh về Hồ Chủ Tịch, những bài viết về thơ Sóng Hồng (tức Trường Chinh), thơ Lê Anh Xuân và những bài viết khác.

c. Nhóm thơ do nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh sưu tầm

Nhóm này bao gồm một số bài thơ của 2 nhà thơ trẻ là Hồng Kiên và Cẩm Thơ.

d. Nhóm thơ, thư từ của các tác giả gửi nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Nhóm tài liệu này bao gồm nhiều bức thư và sáng tác thơ của nhiều tác giả gửi đến cho Hoài Thanh như thư của tác giả Mai Ngọc Phách, nhà văn Thanh Tịnh…

e. Nhóm bài viết của các tác giả khác về nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Nhóm này bao gồm bài viết của các tác giả Vũ Quần Phương, Lưu Trọng Lư, Thanh Tịnh, Vũ Tú Nam, Phong Lê… về nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh.

2.2.4. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông

Tài liệu trong phông có thời gian bắt đầu từ năm 1946 và kết thúc vào năm 1990. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS Phạm Huy Thông bao gồm 4 nhóm lớn, đó là nhóm tài liệu tiểu sử; tài liệu nghiên cứu, sáng tác; tài liệu ảnh, thư từ trao đổi, tài liệu về thân nhân, bài viết của các tác giả khác về GS Phạm Huy Thông; tài liệu công vụ; tài liệu của các tác giả khác (xin ý kiến và sưu tầm) và tài liệu khác.

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này bao gồm: giấy tờ cá nhân, hồi kí, sổ ghi chép, thư từ trao đổi của bạn bè và người thân.

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm này bao gồm các bài viết nghiên cứu về lịch sử khảo cổ; ngôn ngữ; văn hóa, xã hội

c. Nhóm tài liệu ảnh, thư từ trao đổi, tài liệu về thân nhân, bài viết của các tác giả khác về GS Phạm Huy Thông

Nhóm này bao gồm các bức ảnh chụp GS Phạm Huy Thông cùng gia đình, bạn bè; thư từ trao đổi; bài viết của một số tác giả về ông.

d. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm này bao gồm tài liệu của một số cơ quan mà GS Phạm Huy Thông từng làm việc như: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Giáo dục, Viện Khảo cổ học.

e. Nhóm tài liệu của các tác giả khác

Nhóm này bao gồm bài viết của các tác giả khác như: Nguyễn Đức Tùng, Trần Đình Luyện, Lê Xuân Diêm…

f. Tài liệu khác

Nhóm này bao gồm báo, tạp chí và một số tài liệu tham khảo.

2.2.5. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Tài liệu trong phông có thời gian bắt đầu từ năm 1926 và kết thúc vào năm 2006. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn bao gồm 6 nhóm lớn, đó là nhóm tài liệu tiểu sử; nhóm các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn về các lĩnh vực và các tài liệu liên quan; nhóm tài liệu về hoạt động xã hội; nhóm thư từ trao đổi; những bài viết về GS.VS Nguyễn Khánh Toàn và nhóm tài liệu ảnh.

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này gồm có hồi ký và sổ tay.

b. Nhóm các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn về các lĩnh vực và các tài liệu liên quan

Nhóm tài liệu này bao gồm: Những bài viết về công tác xây dựng ngành giáo dục Việt Nam, về công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục, về Đảng cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh, về quan hệ Việt-Xô, về văn hóa, ngôn ngữ học…

c. Nhóm tài liệu về hoạt động xã hội

Nhóm này bao gồm: tài liệu hoạt động của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn ở Ủy ban Khoa học xã hội, Ủy ban Cải cách giáo dục.

d. Nhóm thư từ trao đổi

Nhóm tài liệu này bao gồm: thư từ và công văn trong nước và nước ngoài; điện thư của các nhà khoa học quốc tế gửi GS.VS Nguyễn Khánh Toàn và thư điện của ông gửi cho các nhà khoa học.

e. Những bài viết về GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Nhóm tài liệu này gồm những bài viết của các tác giả khác về Nguyễn Khánh Toàn.

f. Nhóm tài liệu ảnh

Nhóm này bao gồm những bức ảnh chụp Nguyễn Khánh Toàn khi ông tham dự các hoạt động.

2.3. Nội dung của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân

2.3.1. Nội dung tài liệu phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm này đã khái quát được nhiều nét trong cuộc đời ông như: tiêu chuẩn lương thực gia đình ông được cấp trong thời kỳ bao cấp, thời gian ông bắt đầu viết văn, các mối quan hệ, bạn bè của ông…

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu

Nhóm này thể hiện quan điểm, phương pháp dạy văn trong nhà trường của ông và phản ánh quá trình nghiên cứu và phê bình văn học của ông, cũng như những nội dung, giá trị của các nghiên cứu này.

c. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm tài liệu công vụ phản ánh một phần hoạt động của GS Đặng Thai Mai ở các cơ quan, tổ chức mà ông từng làm việc như: Hội Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Văn học, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam…

d. Nhóm tài liệu tham khảo

Nhóm này thể hiện việc sưu tầm, thu thập tài liệu phục vụ cho công việc nghiên cứu phê bình văn học của ông.

2.3.2. Nội dung tài liệu phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm này đã khái quát được nhiều nét trong cuộc đời ông như: lý lịch đảng viên của ông, thành tích công tác của ông trong 8 năm kháng chiến, tình trạng sức khỏe, quá trình công tác của ông...

b. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm này đã thể hiện được những hoạt động của Quốc hội trong các kỳ họp và sau đó; cũng như vị trí, vai trò và những đóng góp của Tôn Quang Phiệt trong hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á Phi, Hội Việt Hoa hữu nghị, Hội Việt Xô hữu nghị...

c. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm này góp phần phản ánh quá trình sáng tác lịch sử (lịch sử Việt Nam và lịch sử Trung Quốc) và văn học (văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc) của Tôn Quang Phiệt, cũng như những nội dung, giá trị của các sáng tác này.

d. Nhóm tài liệu tham khảo

Nhóm này thể hiện quá trình thu thập, sưu tầm các tư liệu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, sáng tác của Tôn Quang Phiệt.

2.3.3. Nội dung tài liệu phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm tài liệu này đã khái quát được nhiều nét cơ bản về cuộc đời của Hoài Thanh giai đoạn sau Cách mạng tháng 8-1945 như: thời gian ông kết hôn, trình độ văn hóa và nghiệp vụ của ông, những chức vụ, vị trí công tác mà ông từng đảm nhiệm, các tổ chức xã hội mà ông đã tham gia...

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm tài liệu này chủ yếu thể hiện quá trình phê bình và sáng tác của Hoài Thanh. Ông đã có nhiều nghiên cứu, bài viết về các nhà văn, nhà thơ lớn của nền văn học cách mạng như Hồ Chủ tịch, Sóng Hồng và nhiều nhà thơ trẻ như Lê Anh Xuân, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thi, Thanh Hải… Điều này thể hiện sự nâng đỡ và khuyến khích những tài năng trẻ mới vào nghề của ông. Ở nhóm tài liệu này, các quan điểm, ý kiến của Hoài Thanh còn được thể hiện qua các bài phát biểu, bản báo cáo, bài nói chuyện, bài diễn văn, bài tham luận.

Nhóm tài liệu này còn bao gồm một số tài liệu thể hiện hoạt động của Hội Văn nghệ dân gian trong thời gian Hoài Thanh công tác ở đây.

c. Nhóm thơ do nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh sưu tầm

d. Nhóm thơ, thư từ của các tác giả gửi nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Nhóm này bao gồm nhiều bức thư và sáng tác thơ của nhiều tác giả gửi đến cho Hoài Thanh biểu lộ tình cảm yêu quý, sự ngưỡng mộ đối với nhà văn Hoài Thanh và xin ông góp ý cho sáng tác đầu tay của họ. Phần lớn những tài liệu này là những bản viết tay của các tác giả và bản nào cũng có ý kiến nhận xét của Hoài Thanh.

e. Nhóm bài viết của các tác giả khác về nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Nhóm này bao gồm bài viết của các tác giả thể hiện tình cảm của họ đối với Hoài Thanh sau khi ông qua đời; đồng thời khẳng định những đóng góp to lớn của Hoài Thanh đối với sự nghiệp phê bình văn học nước nhà.

2.3.4. Nội dung tài liệu phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm này đã khái quát được nhiều nét trong cuộc đời ông như: trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn; thời điểm ông tham gia hoạt động cách mạng…

b. Nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác

Nhóm này phản ánh các lĩnh vực mà ông nghiên cứu (khảo cổ học, ngôn ngữ học, văn hóa, xã hội) cũng như những nội dung, giá trị của các nghiên cứu này.

c. Nhóm tài liệu ảnh, thư từ trao đổi, tài liệu về thân nhân, bài viết của các tác giả khác về GS Phạm Huy Thông

Nhóm này đã thể hiện được mối quan hệ của ông với gia đình, bạn bè; sự ghi nhận, khẳng định những đóng góp to lớn của ông đối với một số ngành, lĩnh vực.

d. Nhóm tài liệu công vụ

Nhóm này ghi lại quá trình công tác, hoạt động của ông khi làm việc tại các cơ quan như: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Giáo dục, Viện Khảo cổ học.

e. Tài liệu của các tác giả khác

Nhóm này thể hiện sự trân trọng của một số tác giả đối với ông khi gửi các bài nghiên cứu của mình đến để xin được ông góp ý kiến

f. Tài liệu khác

Nhóm này phản ánh việc thu thập tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc của ông.

2.3.5. Nội dung tài liệu phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

a. Nhóm tài liệu tiểu sử

Nhóm này về đã khái quát những nét cơ bản về cuộc đời của ông từ lúc thơ ấu cho đến khi ông mất vào năm 1993; những nét chính trong cuộc đời hoạt động khoa học của ông; những vị trí, chức vụ mà ông từng đảm nhận...

b. Nhóm các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn về các lĩnh vực và các tài liệu liên quan

Nhóm này thể hiện quá trình hoạt động khoa học của ông. Trong thời gian này, ông đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết thể hiện sự quan tâm đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là giáo dục và khoa học xã hội nhân văn (từ lịch sử, triết học, văn học, đến xã hội học, ngôn ngữ...)

c. Nhóm tài liệu về hoạt động xã hội

Nhóm này đã phản ánh hoạt động, công tác của ông ở Ủy ban Khoa học Xã hội và Ủy ban Cải cách giáo dục với tư cách là một trong những người lãnh đạo chủ chốt. Chúng thể hiện những đóng góp của ông trong các lĩnh vực này.

d. Nhóm thư từ trao đổi

Nhóm tài liệu này chủ yếu góp phần thể hiện mối quan hệ công tác cũng như cá nhân của ông với nhiều cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; với đồng nghiệp và bạn bè...

e. Những bài viết về GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Nhóm này thể hiện những tình cảm, sự ghi nhận của các cơ quan, các cá nhân, các nhà khoa học, bạn bè của ông về những đóng góp của ông đối với nền giáo dục và nền khoa học nhân văn nước nhà, cả khi ông còn sống và sau khi ông đã mất.

f. Nhóm tài liệu ảnh

Nhóm này ghi lại một số hình ảnh của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn khi bị thực dân Pháp bắt giam, dự hội nghị, ký kết hợp tác khoa học và đi tham quan các địa phương…

2.4. Đặc điểm của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân

2.4.1. Đặc điểm tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

Trong Phông gồm nhiều loại tài liệu khác nhau như: tài liệu đánh máy và có bút tích sửa chữa của GS Đặng Thai Mai, tài liệu viết tay có bút tích sửa chữa của ông, tài liệu viết bằng tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh...

2.4.1.1. Hình thức

- Toàn bộ tài liệu trong phông là tài liệu viết gồm lý lịch, thư từ, các công văn, báo cáo, bài phát biểu, kế hoạch, nghị quyết...

Ví dụ: + Báo cáo của Tiểu Ban giáo dục - Hội Nhà văn Việt Nam về sự cộng tác với Bộ Giáo dục trong việc cải tiến giảng dạy văn học ở nhà trường.

+ Bài viết " Điều kiện chủ quan trong công trình sáng tác" của GS Đặng Thai Mai.

Trong Phông này, có rất nhiều loại tài liệu có hình thức khác nhau.

- Có tài liệu đánh máy có bút tích sửa chữa của GS Đặng Thai Mai.

Ví dụ: Bài viết "Tiến bộ trong ký thuật đang mở ra cho văn học nghệ thuật những chân trời mới" của GS Đặng Thai Mai.

- Có tài liệu là bản đánh máy.

Ví dụ: Bài viết nghiên cứu về vấn đề lịch sử chính trị Việt Nam cuối thế kỉ XIX của GS Đặng Thai Mai.

- Có tài liệu về bản viết tay

+ Ví dụ: Một số ghi chép về Phan Bội Châu của GS Đặng Thai Mai.

- Có tài liệu là bản viết tay bằng tiếng Pháp

+ Ví dụ: Những ghi chép nghiên cứu về văn học Pháp của GS Đặng Thai Mai.

- Có tài liệu bằng chữ Hán:

+ Sổ ghi chép của GS Đặng Thai Mai, tập 1

2.4.1.2. Vật mang tin

- Toàn bộ tài liệu trong Phông được chế tác trên vật liệu là giấy. Các tài liệu này được viết trên nhiều loại giấy như: giấy dó, giấy A4... Có những tài liệu được viết trên một mặt giấy (các bản đánh máy), có tài liệu được viết trên cả hai mặt giấy (một số tài liệu viết tay).

Các nhóm tài liệu này được bảo quản trong cùng một điều kiện với cùng một phương pháp tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

2.4.2. Đặc điểm tài liệu phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt

Vì đây là những tài liệu có xuất xứ cá nhân nên chúng không có tính thống nhất, chuẩn mực như các tài liệu hình thành từ các hoạt động của các cơ quan. Chúng được đưa về từ nhiều nguồn khác nhau, gồm nhiều loại tài liệu khác nhau với kích thước khác nhau. Trong Phông gồm nhiều loại tài liệu khác nhau như: tài liệu bằng chữ Hán, tài liệu đánh máy và có bút tích sửa chữa của đồng chí Tôn Quang Phiệt, tài liệu viết tay có bút tích sửa chữa của ông, tài liệu viết bằng tiếng Pháp...

2.4.2.1. Hình thức

- Phần lớn là tài liệu viết gồm lý lịch đảng viên, thư từ, các công văn, báo cáo, bài phát biểu, kế hoạch, nghị quyết...

Ví dụ: + Bản báo cáo của thành tích công tác trong 8 năm kháng chiến của đồng chí Tôn Quang Phiệt năm 1954.

+ Kế hoạch tổ chức kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước VNDCCH khóa I, tháng 3.1955.

+ Báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội về tình hình công tác trong 7 năm từ 1946-1953.

- Có 01 tài liệu thuộc nhóm I có hình thức là ảnh.

Ví dụ: Ảnh của bà Trần Thị Tỵ - vợ của đồng chí Tôn Quang Phiệt

Trong Phông này, có rất nhiều loại tài liệu có hình thức khác nhau.

- Có tài liệu đánh máy có bút tích sửa chữa của đồng chí Tôn Quang Phiệt.

Ví dụ: + Dự thảo Sắc luật ruộng đất và dự thảo Luật ruộng đất trong thời kỳ kháng chiến tháng 01.1953.

+ Báo cáo về tình hình công tác và tư tưởng của chi bộ cơ quan văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tháng 3.1960).

- Có tài liệu là bản đánh máy.

Ví dụ: + Công văn của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị cho kỳ họp Quốc hội thứ 6 Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa I từ tháng 12 năm 1956 đến tháng 1 năm 1957.

+ Công văn của Bộ Giáo dục gửi đồng chí Tôn Quang Phiệt về việc tham gia ý kiến thảo luận bản dự thảo chương trình dạy sử ở các trường phổ thông (kèm bàn dự thảo chương trình dạy sử), tháng 4 năm 1950.

- Có tài liệu là bản viết tay

Ví dụ: Bài viết "Cuộc khởi nghĩa ở Huế và Thừa Thiên" của đồng chí Tôn Quang Phiệt năm 1961.

+ Bản ghi chép của đồng chí Tôn Quang Phiệt tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa I tháng 3 năm 1955.

- Có tài liệu bằng chữ Hán:

Ví dụ: Gia phả dòng họ Tôn Quang Phiệt từ đời tổ phụ là Lỗ Xuyên Công

- Có tài liệu là bản tiếng Pháp, có bút tích sửa chữa của đồng chí Tôn Quang Phiệt.

Ví dụ: Báo cáo của đồng chí Tôn Quang Phiệt, trưởng đoàn đại biểu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Đại hội đoàn kết nhân dân Á Phi lần thứ 4 họp ở Ga na từ ngày 9 tháng 5 đến 16 tháng 5 năm 1965.

2.4.2.2. Vật mang tin

- Phần lớn các tài liệu được chế tác trên vật liệu là giấy (gồm nhóm tài liệu liên quan tiểu sử, hoạt động sáng tác của đồng chí Tôn Quang Phiệt... Các tài liệu này được viết trên nhiều loại giấy như: giấy dó, giấy A4... Có những tài liệu được viết trên một mặt giấy (các bài đánh máy có bút tích của tác giả), có tài liệu được viết trên cả hai mặt giấy (tài liệu viết tay của tác giả).

- Tài liệu ảnh là tài liệu được chế tác trên vật liệu là phim ảnh.

Các nhóm tài liệu này được bảo quản trong những điều kiện khác nhau với phương pháp bảo quản khác nhau. Nhóm tài liệu phim ảnh được lưu giữ riêng ở phân kho phim ảnh của Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

2.4.3. Đặc điểm của tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

Trong phông có nhiều loại tài liệu khác nhau như: tài liệu đánh máy, in rôneo, có tài liệu đánh máy và có bút tích sửa chữa của tác giả, có tài liệu do tác giả viết tay...

2.4.3.1. Hình thức

- Phần lớn tài liệu trong phông là tài liệu viết (gồm giấy khai kết hôn, các quyết định, nghị quyết, giấy giới thiệu...).

Ví dụ: + Thông báo của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam về hoạt động 6 tháng, tổng kết công tác, tổng kết thi đua kết hợp với Hội nghị công nhân viên của cơ quan năm 1971.

+ Báo cáo về công tác của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trong đợt học tập Nghị quyết 225 ngày 08-10.12.1973.

- Có 01 tài liệu trong phông có hình thức là phim ảnh. Đó là bức ảnh chân dung của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh chụp năm 1970.

Tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh bao gồm cả bản chính, bản gốc và bản sao. Do đây là tài liệu lưu trữ cá nhân cho nên số lượng bản chính không nhiều (chủ yếu thuộc nhóm tài liệu về tiểu sử cá nhân); phần lớn tài liệu là bản gốc.

- Bản chính là bản có đầy đủ các yếu tố thông tin (như số ký hiệu của văn bản, ngày tháng ban hành văn bản, chữ ký, dấu đóng...). Trong phông này có một số tài liệu là bản chính, có chữ ký của tác giả.

Ví dụ: + Giấy khai kết hôn của Nguyễn Đức Nguyên (Hoài Thanh) do UBHC Khu phố Hoàn Kiếm, Hà Nội cấp ngày 18-4-1957.

+ Báo cáo về công tác của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trong đợt học tập Nghị quyết 225 ngày 08-10.12.1973

- Đối với tài liệu của cá nhân, bản gốc là bản thảo, bản viết tay. Trong Phông này có rất nhiều tài liệu là bản gốc.

Ví dụ: + Đề cương bài nói chuyện của Hoài Thanh nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Hồ Chủ Tịch 19-5-1960.

+ Những ghi chép trong chuyến đi thăm Triều Tiên của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh năm 1967.

- Nhiều tài liệu trong Phông là bản sao.

Ví dụ: + Quyết định số 11/TCTH ngày 3-3-1972 của Ban Tuyên huấn về Ban phụ trách tuần báo văn nghệ (thuộc Hội LHVHNT) do Hoài Thanh làm chủ nhiệm.

+ Giấy giới thiệu số 327 ĐĐ/VN ngày 30-10-1975 của Đảng Đoàn văn nghệ về việc Hoài Thanh vào miền Nam an dưỡng và công tác.

- Rất nhiều tài liệu trong Phông là tài liệu đánh máy và có chữ ký, có bút tích sửa chữa của Hoài Thanh.

Ví dụ : + "Thơ chúc tết của Bác" của Hoài Thanh năm 1971.

+ "Thơ Lê Anh Xuân" - Bài nói ở Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam của Hoài Thanh, ngày 21-7-1971.

- Trong Phông còn có những tài liệu được đánh máy, in rôneo.

Ví dụ: + Một số bài thơ của Hồ Chủ Tịch và bài thơ "Bác ơi" của Tố Hữu (bản đánh máy)

+ Phụ lục bản tin miền Bắc ngày 25-9-1969 in những bài thơ của Bác Hồ gửi cho các cháu trong những Tết trung thu (in rôneo)

- Có một tài liệu là bản đánh máy, có bút tích sửa chữa của Hoài Thanh và bị mất trang đầu, đó là: "Bài viết về phụ nữ miền Trung trong những ngày đánh Mỹ của Hoài Thanh (tháng 6-1969).

2.4.3.2. Vật mang tin

- Phần lớn các tài liệu được chế tác trên vật liệu là giấy (gồm nhóm tài liệu liên quan sáng tác, thư và thơ gửi Hoài Thanh...). Các tài liệu này được viết trên nhiều loại giấy như: giấy dó, giấy ô li, giấy A4. Có những tài liệu được viết trên một mặt giấy (các bài đánh máy có bút tích của tác giả), có tài liệu được viết trên cả hai mặt giấy (tài liệu viết tay của tác giả).

- 01 tài liệu ảnh (thuộc nhóm I) được chế tác trên vật liệu là phim ảnh.

Các nhóm tài liệu này được bảo quản trong những điều kiện khác nhau với phương pháp bảo quản khác nhau. Nhóm tài liệu phim ảnh được lưu giữ riêng ở phân kho phim ảnh của Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

2.4.4. Đặc điểm tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông

Trong phông gồm nhiều loại tài liệu khác nhau như: tài liệu đánh máy và có bút tích sửa chữa của GS Phạm Huy Thông, tài liệu viết tay có bút tích sửa chữa của ông, tài liệu viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh... Nhiều tài liệu trong phông không rõ thời gian hình thành tài liệu.

2.4.4.1. Hình thức

- Phần lớn là tài liệu viết gồm lý lịch, thư từ, các công văn, báo cáo, bài phát biểu, kế hoạch, nghị quyết...

Ví dụ: + Báo cáo về thành tích kháng chiến chống thực dân Pháp của GS Phạm Huy Thông ngày 25/5/1976.

+ Quyết định, thông báo của Ban chấp hành Trung ương v/v ban hành quy chế, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức làm việc của các Ban của Trung ương; Đảng bộ, chi bộ cơ quan và chuẩn chỉnh tổ chức các hội văn học, nghệ thuật năm 1982 - 1983.

- Một phần tài liệu thuộc nhóm III là những tài liệu có hình thức là ảnh.

Ví dụ: Ảnh chân dung GS Phạm Huy Thông và vợ người Pháp.

Trong Phông này, có rất nhiều loại tài liệu có hình thức khác nhau.

- Có tài liệu đánh máy có bút tích sửa chữa của GS Phạm Huy Thông.

Ví dụ: + Bài viết "Hang Con Moong: Một bước ngoặt của văn minh" của GS Phạm Huy Thông nhân khai quật ở vườn quốc gia Cúc Phương.

- Có tài liệu là bản đánh máy bằng tiếng Pháp.

Ví dụ: Tóm tắt báo cáo tham luận về hang Con Moong, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam của GS Phạm Huy Thông tại Hội nghị ÚIPP lần thứ 9 được tổ chức tại Nice, Pháp.

- Có tài liệu là bản viết tay.

Ví dụ: Báo cáo về thành tích trong công tác xây dựng ngành khảo cổ học Việt Nam và trong hợp tác khoa học khảo cổ với Công Hòa dân chủ Đức của GS Phạm Huy Thông.

- Có tài liệu là bản tiếng Pháp, có bút tích sửa chữa của GS Phạm Huy Thông.

Ví dụ: Bài viết "Tổng kết sơ bộ về hoạt động khảo cổ ở Việt Nam" của GS Phạm Huy Thông, giám đốc khảo cổ Việt Nam được đăng trên báo thông tấn xã Vn ngày 02/09/1976.

- Có tài liệu không xác định rõ thời gian hình thành tài liệu.

Ví dụ: Bài viết "Sự thiết tha với hòa bình của chúng tôi không phải bắt đầu từ ngày hôm nay" của GS Phạm Huy Thông.

2.4.4.2.Vật mang tin

- Phần lớn các tài liệu được chế tác trên vật liệu là giấy (gồm nhóm tài liệu tiểu sử, tài liệu nghiên cứu, sáng tác của GS Phạm Huy Thông...). Các tài liệu này được viết trên nhiều loại giấy như: giấy dó, giấy A4... Có những tài liệu được viết trên một mặt giấy (các bài đánh máy có bút tích của tác giả), có tài liệu được viết trên cả hai mặt giấy (một số tài liệu viết tay của tác giả).

- Một phần tài liệu thuộc nhóm III là các tài liệu được chế tác trên vật liệu là phim ảnh.

Các nhóm tài liệu này được bảo quản trong những điều kiện khác nhau với phương pháp bảo quản khác nhau. Nhóm tài liệu phim ảnh được lưu giữ riêng ở phân kho phim ảnh của Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

2.4.5. Đặc điểm tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Trong phông gồm nhiều loại tài liệu khác nhau như: tài liệu viết tay của Nguyễn Khánh Toàn, tài liệu viết tay của vợ ông là bà Đào Ngọc Bích, bản viết tay bằng tiếng Nga; tài liệu đánh máy; tài liệu đánh máy có chữ ký của tác giả, tài liệu có cả bút tích sửa chữa và chữ ký của tác giả; tài liệu in rôneo và có chữ ký của tác giả, bản viết tay, tài liệu bằng tiếng Nga, tiếng Anh...

2.4.5.1. Hình thức của tài liệu

- Phần lớn tài liệu trong phông là tài liệu viết (gồm các quyết định, nghị quyết, giấy giới thiệu...).

Ví dụ: + Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng v/v xếp lương chuyên viên bậc 9 cho GS.VS Nguyễn Khánh Toàn năm 1982.

+ Giấy chứng nhận xác nhận GS.VS Nguyễn Khánh Toàn đã từng là Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ khóa đầu tiên (1947-1948).

- Tài liệu thuộc nhóm VI (nhóm tài liệu ảnh của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn) là các tài liệu có hình thức là phim ảnh, băng ghi âm.

Ví dụ: Bức ảnh số 80: GS Nguyễn Khánh Toàn - Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam dự lễ ký kết hợp tác khoa học và tiếp đoàn Viện Hàn lâm khoa học Đức sang thăm Việt Nam từ ngày 08 - 14/6/1971.

- Trong Phông này có nhiều tài liệu là bản gốc. Bản gốc là bản thảo, bản viết tay.

Ví dụ: + GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: "Về phương hướng chấn chỉnh công tác của các ngành KHXH năm 1970"

+ GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: Nền giáo dục quốc dân ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, một dân tộc hiếu học.

- Có tài liệu là bản viết tay của bà Đào Ngọc Bích (vợ của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn).

Ví dụ: Bản ghi chép của bà Đào Ngọc Bích theo lời kể của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn về Hồ Chủ Tịch và thời gian GS.VS. Nguyễn Khánh Toàn hoạt động ở Nga năm 1937.

- Có tài liệu là bản viết tay bằng tiếng Pháp.

Ví dụ: GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: "Chủ nghĩa Mác Lênin với sự phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam"

- Có tài liệu bản đánh máy.

Ví dụ: GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: Dự thảo phương hướng nghiên cứu KHXHVN của Ủy ban KHXH năm 1969.

- Có tài liệu là bản đánh máy có bút tích tác giả

Ví dụ: GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: Tập bản thảo lịch sử Việt Nam tập II, từ chương 1 - 10.

- Có tài liệu được đánh máy bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.

Ví dụ: Tập tiểu sử, lý lịch của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn.

- Có tài liệu được đánh máy bằng tiếng Nga.

Ví dụ: Chương trình tham quan Tiệp Khắc của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn từ 10-18/7/1978.

- Có tài liệu bị rách:

Ví dụ: Tư liệu về hoạt động của Hội Văn nghệ dân tộc Việt Nam do GS.VS Nguyễn Khánh Toàn làm Chủ tịch từ 1985-1989.

- Có tài liệu là bản in rôneo và có bút tích sửa chữa của tác giả.

Ví dụ: Dự thảo cải cách giáo dục đại học và chuyên nghiệp của Ban Nghiên cứu cải cách giáo dục đại học và chuyên nghiệp năm 1973.

- Có nhiều tài liệu là bản chụp từ báo Le Peuple.

Ví dụ: GS.VS Nguyễn Khánh Toàn: Gửi đồng bào Nam bộ (số 50 ngày 22/9/1946).

2.4.5.2. Vật mang tin

- Phần lớn các tài liệu được chế tác trên vật liệu là... Các tài liệu này được viết trên nhiều loại giấy như: giấy dó, giấy A4... Có những tài liệu được viết trên một mặt giấy (các bài đánh máy có bút tích của tác giả), có tài liệu được viết trên cả hai mặt giấy (tài liệu viết tay của tác giả).

- Tài liệu thuộc nhóm VI (nhóm tài liệu ảnh của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn) là các tài liệu được chế tác trên vật liệu là phim ảnh.

Các nhóm tài liệu này được bảo quản trong những điều kiện khác nhau với phương pháp bảo quản khác nhau. Nhóm tài liệu phim ảnh được lưu giữ riêng ở phân kho phim ảnh của Trung tâm lưu trữ Quốc gia III.

Tiểu kết chương 2: Thông qua việc khảo sát các phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, đồng chí Tôn Quang Phiệt, GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông; chúng tôi nhận thấy nhiều phông lưu trữ cá nhân đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III có khối lượng tài liệu lớn, thành phần đa dạng và nội dung phong phú. Thành phần tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân rất đa dạng, với các nhóm chủ yếu như: tài liệu tiểu sử; tài liệu về hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội, sáng tác văn

học; thư từ trao đổi; tài liệu của người khác viết về người hình thành phông cả khi người đó còn sống và sau khi đã qua đời... Nội dung của các tài liệu đó khá phong phú, phản ánh về tiểu sử, sự nghiệp, đóng góp, thành tựu hoạt động cũng như mối quan hệ của các cá nhân. Tài liệu có xuất xứ cá nhân không có tính thống nhất, chuẩn mực như các tài liệu hình thành từ các hoạt động của các cơ quan. Chúng được đưa về từ nhiều nguồn khác nhau, gồm nhiều loại tài liệu khác nhau với kích thước và chất liệu khác nhau. Ngôn ngữ của tài liệu cũng phong phú gồm tiếng Việt, Hán Nôm, Pháp, Anh, Nga, Nhật, Trung Quốc. Phần lớn tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân là bản chính, bản gốc, bản thảo viết tay, bản đánh máy có bút tích sửa chữa của tác giả... Những tài liệu này có khả năng cung cấp thông tin cần thiết, có độ chính xác và độ tin cậy cao cho người nghiên cứu.

Chương 3
GIÁ TRỊ VÀ MỤC ĐÍCH KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI LIỆU TRONG CÁC PHÔNG LƯU TRỮ CÁ NHÂN

3.1. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

3.1.1. Nghiên cứu về cuộc đời của Đặng Thai Mai

Toàn bộ tài liệu trong phông của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, nhất là nhóm tài liệu tiểu sử là nguồn tư liệu có giá trị giúp chúng ta có thể tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời của ông.

Những tài liệu này giúp chúng ta hiểu thêm về nhiều nét riêng trong đời sống riêng của ông. Qua bản tự kê khai (của người được cấp lương thực theo hộ gia đình) do ông khai ngày 10/6/1976, chúng ta biết tiêu chuẩn lương thực gia đình ông được cấp trong thời kỳ bao cấp (14kg50), cửa hàng ông thường xuyên mua lương thực thời kỳ này (cửa hàng Tôn Đản thuộc Phòng Lương thực cung cấp đặc biệt)... Trong phông này, các tập thư từ (thuộc nhóm tài liệu tiểu sử) còn giúp chúng ta có được những hiểu biết về mối quan hệ, những người bạn của ông.

Chúng ta có thể biết được quá trình rèn luyện nghề viết văn của GS Đặng Thai Mai. Tình yêu của ông với văn chương nghệ thuật được bồi đắp từ lâu, được nuôi dưỡng từ môi trường giáo dục của gia đình và nhà trường. Trong Hồi ký của mình, ông có viết: "Tôi đã lớn lên trong một môi trường yêu thích văn chương. Dưới ảnh hưởng của giáo dục gia đình, của thế hệ cha chú, của thầy của bạn tôi cũng đã biết những giờ phút mê ly khi được đọc một bài thơ hay, một tập sách tốt. Tôi sẽ không nói rằng trên quá trình nhận thức và thưởng thức giá trị văn chương, khẩu vị thẩm mĩ của mình không hề có chỗ lệch lạc, sai trái. Nhưng về mặt này, cái may mắn đặc bệt với tôi là đã gặp

được những người thầy, những người bạn luôn luôn sẵn sàng góp cho tôi những đính chính, bổ sung cần thiết"[9, tr.2].

Dù ông yêu thích văn chương từ sớm, tuy nhiên ông lại bắt đầu công việc viết văn của mình khá muộn. Ngoài 30 tuổi ông mới viết và cho đăng tải những bài đầu tiên bằng tiếng Pháp trên các tờ báo của Đảng Cộng sản Đông Dương, ngoài 40 tuổi tác phẩm đầu tay của ông mới được xuất bản. Dù vậy, ông "không hề cảm thấy tiếc rẻ hay ăn năn về sự chậm trễ ấy" bởi vì thời kỳ đó, các nhà văn mà trong đó có ông đã được bồi dưỡng trong những điều kiện khác với các nhà văn trẻ ngày nay. Ông nhận thấy: "Chúng tôi không hề được cái may mắn là ngay từ đầu đã có thể chỉ học tiếng mẹ đẻ, chỉ chuyên chủ về một việc học tập tiếng Việt (Hồi ấy tiếng Pháp là tiếng chính trong các nhà trường). Hồi ấy các bạn trẻ ngày nay có học tiếng ngoại ngữ. Riêng về phần tôi trước khi về với văn học dân tộc, tôi đã phải học nghề qua văn học Trung Quốc và văn học Pháp"[9, tr.1].

Nhóm tài liệu công vụ cho chúng ta biết về các cơ quan, tổ chức mà ông từng làm việc như: Hội Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Văn học, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam… Chúng còn giúp chúng ta nắm được những vị trí, trọng trách, cương vị mà GS Đặng Thai Mai đã từng đảm nhận như: Hội trưởng Hội Văn hóa Việt Nam, Giám đốc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện trưởng Viện Văn học Hà Nội, Chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam…

3.1.2. Nghiên cứu về sự nghiệp phê bình và sáng tác văn học nghệ thuật của Đặng Thai Mai

Đặng Thai Mai hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhưng đóng góp lớn nhất của ông là nghiên cứu văn học. Ông là một nhà nghiên cứu văn học xuất sắc, có uy tín lớn của Việt Nam thế kỷ XX. Nhóm tài liệu nghiên cứu trong Phông lưu trữ cá nhân của GS Đặng Thai Mai có giá trị cao và có thể khai thác sử dụng chúng để nghiên cứu về sự nghiệp phê bình văn học của ông.

Trước tiên, Đặng Thai Mai quan tâm đến các vấn đề mang tính lý luận, phương pháp luận trong văn học. Trong Phông lưu trữ cá nhân của ông có các bài viết nghiên cứu về văn học nghệ thuật nói chung như: "Điều kiện chủ quan trong công trình sáng tác", "Xây dựng văn nghệ dân tộc", "Một quan niệm về vấn đề chất liệu trong nghệ thuật", "Quán triệt tinh thần của Hồ Chủ tịch vào công tác nghiên cứu văn học"… Ông cho rằng: "Trong công trình sáng tác văn nghệ chủ quan có một địa vị một công dụng rất quan trọng. Trước mọi sự thành công của văn học và nghệ thuật tưởng không ai có thể phủ nhận phần công lao của cá tính của thiên tài. Trái lại một tác phẩm thất bại, thì trách nhiệm của tác giả cũng không thể chối cãi được"[6, tr.2]. Với các tài liệu này, chúng ta có thể biết thêm về những quan tâm, trăn trở của ông nhằm góp phần nâng cao chất lượng của các sáng tác văn học nghệ thuật; thể hiện qua tư duy khoa học có ý nghĩa chỉ đạo "về quan điểm và phương pháp luận nghiên cứu văn học" [69, tr.46].

Trong sự nghiệp của mình, Đặng Thai Mai tập trung nhiều tâm huyết và thời gian nghiên cứu về văn học Việt Nam. Ông có nhiều bài nghiên cứu về những nhà văn, nhà thơ lớn của nền văn học dân tộc như đại thi hào Nguyễn Du và Truyện Kiều, chủ tịch Hồ Chí Minh và văn thơ của Người… Bên cạnh đó, ông còn nghiên cứu về nhiều tác giả khác như: Đoàn Thị Điểm, Phạm Nhân Khanh, Doãn Ân Phủ, Nguyễn Bích Châu, Trần Công Cẩn, Bà huyện Thanh Quan… Thành tựu nghiên cứu văn học Việt Nam của Giáo sư Đặng Thai Mai rất phong phú đa dạng. Tuy nhiên, hai công trình được đánh giá là thành công nhất của Đặng Thai Mai và cũng là đỉnh cao trong sự nghiệp phê bình văn học của ông là Văn thơ Phan Bội Châu và Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Trong phông lưu trữ cá nhân này, có các tài liệu nghiên cứu về Phan Bội Châu như: bản chép tay các phần dịch sang tiếng Việt tác phẩm của Phan

Bội Châu do GS Đặng Thai Mai dịch; tập ghi chép dịch thơ Phan Bội Châu; bản thảo cuốn nghiên cứu về thơ văn Phan Bội Châu của GS Đặng Thai Mai; một số ghi chép về Phan Bội Châu của GS Đặng Thai Mai. Ông cho rằng cần phải nhanh chóng sưu tầm và nghiên cứu về thơ văn Phan Bội Châu vì: "Nếu không bắt tay vào việc ngay từ giờ, thì rồi đây vài ba mươi năm nữa, công cuộc lại chỉ có thể khó khăn hơn (…) Thời gian là một lực lượng phá hoại, và cũng là chúa quên"[3, tr.45].

Đối với việc nghiên cứu nền văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong Phông này, có các bài viết nghiên cứu như: "Tình hình văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945; "Tình hình xã hội và văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945"; bản viết tay cuốn sách "Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX"… Qua các tài liệu này, chúng ta có thể thấy để nghiên cứu về nền văn học đầu thế kỷ XX, ông đã sưu tầm nhiều tư liệu liên quan, tìm hiểu kỹ lưỡng về tình hình văn hóa, xã hội giai đoạn này. Vì thế mà công trình nghiên cứu về văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX có giá trị cao, được cho là "đã dựng lại được không khí và chân dung tinh thần của một thời đại [69, tr.36].

Cùng với văn học Việt Nam, Đặng Thai Mai nghiên cứu về văn học Trung Quốc. Trong khoảng thời gian từ năm 1942 - 1945, ông đã tập trung thời gian và tâm huyết để dịch, giới thiệu và khảo luận về văn học hiện đại Trung Quốc. Trong phông lưu trữ cá nhân của GS Đặng Thai Mai hiện đang bảo quản, lưu giữ một số bài viết nghiên cứu của ông về văn học Trung Quốc và mối quan hệ giữa văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam; giáo trình bài giảng và các bài nói chuyện về các vấn đề trong văn học Trung Quốc cùng một số ghi chép nghiên cứu về văn học Trung Quốc…Những tài liệu này giúp chúng ta tìm hiểu thêm về văn học Trung Quốc, đồng thời thấy được những đóng góp của GS Đặng Thai Mai đối với việc nghiên cứu văn học Trung

Quốc. Giáo sư Trương Chính cho rằng việc giới thiệu văn học hiện đại Trung Quốc của GS Đặng Thai Mai "có tính chất mở đường" đi tiên phong vào "một mảnh đất chưa ai khai phá" [69, tr.47].

Khi nghiên cứu về văn học Trung Quốc, Đặng Thai Mai nhận thấy Lỗ Tấn không phải chỉ là một nhân vật, đằng sau Lỗ Tấn còn là cả một trào lưu văn học, cả một cuộc đấu tranh và nhiều nhà văn khác nữa. Ông đã viết: "Tinh thần tranh đấu trong sáng tác của Lỗ Tấn lại có một giá trị đặc biệt. Trước Lỗ Tấn tiểu thuyết chỉ là một thứ sách tiêu khiển - nhàn thư - Nhưng với Lỗ Tấn, tiểu thuyết Bạch Thoại, mặc dầu là những tập sách "viết theo mệnh lệnh người khác", đã thành hẳn một vũ khí tranh đấu cho tổ quốc, cho nhân dân" [10, tr.137]. Ông đã dành nhiều thời gian tìm hiểu, nghiên cứu về Lỗ Tấn. Trong Phông lưu trữ cá nhân này có tập hợp các ghi chép và bài viết có giá trị về Lỗ Tấn (cả bản viết tay và đánh máy) của ông. Công trình nghiên cứu về Lỗ Tấn trở thành một trong những tác phẩm tiêu biểu của GS Đặng Thai Mai.

3.1.3. Nghiên cứu về sự nghiệp giáo dục của GS Đặng Thai Mai

Đặng Thai Mai không chỉ là một nhà nghiên cứu, phê bình văn học xuất sắc mà ông còn là một nhà giáo giàu trí tuệ, tâm huyết, được nhiều thế hệ học trò tin yêu. Những tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của Đặng Thai Mai giúp chúng ta nghiên cứu về sự nghiệp giáo dục của ông.

Đặng Thai Mai bắt đầu nghề thầy giáo từ khi mới hai mươi tuổi. Ông nhớ lại "Năm ấy tôi bắt đầu bước vào nghề dạy học. Hai mươi sắc tuổi xuân… và xanh!" [2, tr.4]. Từ đó, ông gắn bó với nghề thầy giáo, với sự nghiệp giáo dục cho đến tận khi cuối đời. Ông đã từng giữ nhiều vị trí khác nhau trong ngành giáo dục: Giáo sư đại học, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Giám đốc Sở Giáo dục Liên khu IV, Hiệu trưởng Trường Dự bị Đại học và Sư phạm cao cấp Liên khu IV, Giám đốc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Chủ

nhiệm lớp Đại học Hán học. Ông dạy học với vốn kiến thức uyên bác và tấm lòng của một nhà giáo hết lòng vì học trò; đồng thời cũng luôn miệt mài học tập nghiên cứu để tự nâng cao vốn hiểu biết, trình độ chuyên môn.

Ông là người có nhiều đóng góp cho công tác giảng dạy văn học trong nhà trường. Ông đã đề xuất một phương pháp giảng văn đem lại hiệu quả cao. Trong những bài giảng của mình, để học trò "khỏi phải ngáp lên ngáp xuống, thỉnh thoảng tôi đã đệm vào bài giảng một vài mẫu chuyện riêng tây… Và các cậu nghe hình như cũng thấy bùi bùi tai" [14, tr.4]. Cuốn sách Giảng văn Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm của ông đang được lưu giữ trong Phông này đã thể hiện phương pháp giảng văn của ông. Ông thấy rằng: "Mục đích giảng văn trong tinh thần cấp học chuyên khoa không phải chỉ là ngồi nhận định và dẫn chứng với học sinh về nghĩa đen của một chữ hay là về "xuất xứ" của một điển tích của một hình tượng, một câu văn mà thôi… Giảng văn không phải là một phương tiện thôi miên vô ý thức để làm cho học sinh ngáp sai ca quai hàm! Trong từ ngữ các nước phương Tây, từ nguyên của chữ explication - giảng văn - là do chữ chữ pli mà ra. Giảng văn trước hết là theo dõi trong nếp (pli) áng văn, tất cả cái tinh về tư tưởng, cái độc đáo về nghệ thuật của một tác giả. Hiểu như vậy, giảng văn trước hết là chỉ rõ sự thống nhất giữa hình thức và nội dung, giữa kĩ thuật và tư tưởng trong một tác phẩm văn chương" [8, tr.12]. Phương pháp giảng văn này được nhiều đồng nghiệp, nhà giáo đánh giá cao; nâng cao hiệu quả của việc dạy văn. GS Trần Đình Sử cho rằng với Giảng văn Chinh phụ ngâm "Đặng Thai Mai đã đề xuất một phương pháp giảng văn mới mẻ theo hướng văn hóa học, thi pháp học" và "con đường Đặng Thai Mai một mình đã sớm dấn bước, lẻ loi từ bốn mươi năm trước, hôm nay đã bắt đầu mở rộng và tấp nập" [69, tr.47].

Cùng với việc đề xuất phương pháp giảng văn, ông đã luôn quan tâm, trăn trở với việc làm thế nào để có thể nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy văn học. Trong phông này, GS Đặng Thai Mai có các bài viết thể hiện điều này: "Về việc dạy văn học nhà trường"; "Suy nghĩ về việc dạy và học văn học trong nhà trường" thể hiện suy nghĩ về phương pháp giảng dạy văn học trong nhà trường… Với bài viết "Về việc dạy văn học nhà trường", GS Đặng Thai Mai cho rằng các nguyên nhân chính khiến cho việc dạy môn văn chưa đạt được kết quả như mong muốn là: chương trình dạy văn chưa thật sự hợp lý, nhiều thầy giáo cũng chưa có phương pháp để dìu dắt học sinh học văn và tập luyện viết văn cho hiệu quả, sách giáo khoa cũng chưa đầy đủ. Ông thấy: "Sách hướng dẫn cho giáo viên chưa có. Sách đọc của học sinh cũng chưa có nội dung thích hợp. Bài tập đọc là thế! Bài làm cũng thế! Thường học sinh phổ thông của chúng ta phải đọc những bài văn không có "văn" phải ngốn nhiều thuật ngữ quá trừu tượng, nhiều bản thuyết lý khô khan và dài dòng. Do đó bài học buồn tẻ, học sinh không thích" [14, tr.26]. Ông cũng rất coi trọng vai trò của người thầy giáo; "làm cho các em yêu văn thích văn, bồi dưỡng cho các em một "khẩu vị" lành mạnh, một nếp suy nghĩ và một cách viết, cách nói chính xác, giản dị, thật sự có giá trị văn chương. Tôi nhấn mạnh ở đây một lần nữa: đào tạo thầy giáo là điều căn bản" [14, tr.27]. Theo Đặng Thai Mai, muốn nâng cao hiệu quả của công tác dạy văn trong nhà trường thì cần phải tiến hành một số công việc chính là "soạn chương trình, viết sách giáo khoa và bồi dưỡng lập tức, bồi dưỡng đầy đủ những con người sẽ thực hiện chương trình ấy" [14, tr.27].

Đặng Thai Mai là một nhà quản lý, một hiệu trưởng mẫu mực đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của nước ta. Ông đã cùng với các đồng nghiệp của mình tạo ra cơ sở vững chắc cho sự phát triển của Trường Đại học Sư phạm, một nơi đào tạo giáo viên có chất lượng cho cả nước. Có

thể nói "Với tầm nhìn chiến lược, Giáo sư Đặng Thai Mai chỉ đạo nhà trường không chỉ đạo tạo giáo viên cấp ba mà còn có nhiệm vụ chuẩn bị cán bộ phục vụ các ngành cao cấp và đào tạo những người làm công cuộc kiến thiết đất nước cho hiện tại và tương lai. Hầu hết cho các giáo sư văn học của đất nước trong nửa thế kỷ XX đều là học trò của Giáo sư" [69, tr.46].

3.1.4. Phục vụ nhu cầu của các nhà nghiên cứu

Nhiều tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS Đặng Thai Mai là các bản viết tay, bản có bút tích có tác giả nên chúng là nguồn từ liệu có độ tin cậy cao ; có thể được khai thác sử dụng để phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học. Thực tế, khối tài liệu này đã được khai thác để phục vụ cho mục đích này. Thời gian qua, chúng tôi đã khai thác tài liệu phông lưu trữ cá nhân của GS Đặng Thai Mai để làm Luận văn thạc sĩ đề tài : "Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III".

Không chỉ phục vụ nhu cầu nghiên cứu của độc giả trong nước, tài liệu trong phông cá nhân của GS Đặng Thai Mai còn phục vụ nhu cầu của độc giả nước ngoài. Năm 2014, độc giả Peter Zinoman đọc Mục lục phông cùng nhiều hồ sơ trong phông để làm tư liêu nghiên cứu. Theo số liệu mà chúng tôi thống kê tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, anh Peter đã đọc 28 hồ sơ trong phông thuộc nhóm tài liệu công vụ (cụ thể là tài liệu tổng hợp, tài liệu tổ chức - cán bộ, tài liệu về các vấn đề văn hóa, văn nghệ, giáo dục). Anh đã nghiên cứu khá kỹ tài liệu của Ban Chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam về cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại " Nhân văn - Giai phẩm " trên mặt trận văn nghệ năm 1958 (hồ sơ số 237) để làm tư liệu phục vụ cho các vấn đề nghiên cứu của mình. Có thể nói, cùng với tài liệu của các cơ quan, tổ chức, tài liệu của các cá nhân đã giúp các nhà nghiên cứu có được một cái nhìn toàn diện hơn về một vấn đề, một sự kiện.

3.2. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt

3.2.1. Nghiên cứu về cuộc đời của Tôn Quang Phiệt

Toàn bộ tài liệu trong phông cá nhân của ông, nhất là tài liệu về tiểu sử, tài liệu về hoạt động trong các cơ quan và hội đoàn là nguồn tư liệu có giá trị để nghiên cứu về cuộc đời của ông. Chúng ta biết được về lý lịch đảng viên của ông (khai vào năm 1952 và một số điểm được bổ sung cho bản lý lịch này vào năm 1966); lý do và nội dung đồng chí Trường Chinh tuyên bố truy nhận ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương; thành tích công tác của ông trong tám năm kháng chiến... Trong bản thành tích này, ông có nhận xét về quá trình hoạt động cách mạng của mình trong thời gian đó: "Trong 8 năm kháng chiến, tôi làm việc được liên tục, không khi nào gián đoạn, công việc mà tôi phụ trách đều làm được tương đối đầy đủ, không có gì trỗi mà cũng không phạm sai lầm khuyết điểm gì rõ rệt. Nói về lập trường quan điểm thì lúc trước chưa vững, về sau mới được tiến bộ dần dần"[20, tr.4].

Bên cạnh đó, những tài liệu này còn giúp chúng ta hiểu thêm về nhiều nét trong đời sống riêng của ông như tình trạng sức khỏe của ông năm 1966, việc ông được cấp hộ chiếu ngoại giao vào năm 1954, việc cấp giấy chứng nhận của ông cho những người hoạt động cách mạng (từ năm 1967 đến năm 1973), mối quan hệ của ông với các cơ quan cũng như đồng nghiệp, bạn bè (qua tập thư từ, thiếp mời gửi cho ông, qua việc ông được tặng thơ chúc thọ năm 70 tuổi...). Đặc biết, chúng ta còn hiểu được nhiều nét cơ bản trong quá trình công tác của ông từ năm 1953 đến năm 1973 qua 14 quyển sổ sách và nhật ký công tác của ông.

Với các tập thẻ và tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của ông trong các cơ quan và hội đoàn, chúng ta biết được những cơ quan, tổ chức mà ông đã công tác, tham gia hoạt động; cũng như những vị trí, trọng

trách mà ông đã đảm nhận. Ví dụ, ông là đại biểu thành phố Huế tại đại hội đại biểu toàn quốc, đại biểu Quốc hội, Tổng thư ký Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Uỷ ban đoàn kết nhân dân Á - Phi của Việt Nam, Phó hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Trung, ủy viên Ban Nghiên cứu Văn - Sử - Địa... Như vậy, ông là một người đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Bộ máy tổ chức của Nhà nước.

3.2.2. Nghiên cứu về hoạt động của đồng chí Tôn Quang Phiệt ở Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và một số tổ chức

Trước năm 1945, Tôn Quang Phiệt đã tham gia vào nhiều tổ chức cách mạng và đã nhiều lần bị bắt, bị tù đày. Khi cuộc Cách mạng tháng 8 năm 1945 nổ ra, ông hoạt động trong mặt trận Việt Minh và tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế. Ông chính là Chủ tịch Ủy ban cách mạng nhân dân đầu tiên của tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, ông đã được Đảng giao phó cho nhiều công tác quan trọng và ở nhiều nơi, quan trọng nhất là ở Quốc hội. Ông đã công tác và đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong Quốc hội từ khóa I đến khóa IV. Ông liên tục là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa IV, là Phó trưởng Ban Thường trực Quốc hội khóa I, Ủy viên Ban Thường vụ và Tổng thư ký Ủy ban thương vụ Quốc hội khóa III và IV...

Trong phông cá nhân của ông, có rất nhiều tài liệu là các chương trình, kế hoạch để tổ chức các kỳ họp của Quốc hội; các bản báo cáo, bản thảo, bản dự thảo báo cáo, bản dự thảo nội quy trong các kỳ họp (có bút tích của ông). Ví dụ, Chương trình và kế hoạch kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thư của cụ Bùi Bằng Đoàn, Trưởng ban Thường trực Quốc hội gửi đại biểu Quốc hội dự kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH); bản dự thảo báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội, bản thảo danh sách các tiểu ban của Quốc hội, danh sách đề nghị Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước VNDCCH khóa I tháng 3

năm 1955; bản ghi chép của ông tại kỳ họp của Quốc hội;... Những tài liệu này là căn cứ, cơ sở để chúng ta nghiên cứu về các hoạt động của Quốc hội trong một kỳ họp, từ khâu chuẩn bị, đến khi kỳ họp chính thức diễn ra và cả một số nội dung cơ bản được bàn luận trong kỳ họp đó.

Chúng ta còn biết được trong quá trình hoạt động của mình, Quốc hội (cụ thể là Ủy ban thường trực Quốc hội) luôn tìm hiểu về tình hình thế giới và trong nước và căn cứ vào thực tế đó để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể của đất nước, góp phần quan trọng vào sự thắng lợi trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Ông còn có những bài viết tổng kết lại quá trình hoạt động của Quốc hội qua từng chặng đường để khẳng định vai trò quan trọng của Quốc hội đối với hoạt động của đất nước. Những tài liệu này còn giúp chúng ta đánh giá được phần nào công lao của đồng chí Tôn Quang Phiệt đối với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, tạo sự tín nhiệm của nhân dân đối với Quốc hội.

Không chỉ hoạt động trong Quốc hội mà đồng chí Tôn Quang Phiệt còn tham gia vào một số tổ chức chính trị - xã hội như: Uỷ ban đoàn kết nhân dân Á - Phi của Việt Nam, Hội hữu nghị Việt - Trung, Ban Chấp hành Trung ương Hội hữu nghị Việt - Xô... Trong các hội nghị, cuộc họp liên quan đến vấn đề của các nước Đông Nam Á và các nước Á - Phi, ông tham dự với tư cách là Chủ tịch Uỷ ban đoàn kết nhân dân Á - Phi của Việt Nam. Tại đây, ông luôn có những bài phát biểu có giá trị. Ông cũng luôn sâu sát, quan tâm đến hoạt động của Hội Việt hoa hữu nghị. Điều này được thể hiện một phần qua các bản báo cáo công tác của Hội tại đại hội đại biểu toàn quốc Hội Việt hoa hữu nghị. Khi làm việc, ông luôn rất cẩn thận, trách nhiệm và luôn ghi chép lại các hoạt động đã diễn ra; như khi ông sang thăm Liên Xô nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (ngày 2/9/1965).

Những bản thảo, kế hoạch, bài phát biểu, bản báo cáo, sổ ghi chép này là một khối tài liệu có số lượng lớn (hơn 70 tài liệu) hiện vẫn đang được lưu giữ trong phông cá nhân của ông tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III. Chúng là nguồn tư liệu quý giá để tìm hiểu, nghiên cứu và đánh giá về những đóng góp của ông đối với hoạt động của Quốc hội và trong việc xây dựng mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước Trung Quốc, Liên Xô, các nước Á - Phi.

3.2.3. Nghiên cứu về hoạt động sáng tác văn học và nghiên cứu lịch sử của đồng chí Tôn Quang Phiệt

Tôn Quang Phiệt không những là một nhà hoạt động cách mạng kiên trung, lỗi lạc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà, mà ông còn là một nhà nghiên cứu lịch sử và một nhà văn, nhà thơ có nhiều tác phẩm rất có giá trị. Trong phông cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt có lưu giữ nhiều sáng tác thơ văn có giá trị. Qua những sáng tác này, chúng ta có thể tìm hiểu về những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ý chí của ông trong quá trình hoạt động cách mạng. Đồng thời, đây cũng là nguồn tư liệu có giá trị để nghiên cứu về nhiều nhà thơ, nhà văn như: Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...

Về lĩnh vực nghiên cứu lịch sử thì: "Tôn Quang Phiệt là người có thiên hướng về đề tài lịch sử. Ông giảng dạy lịch sử và làm báo. Từ chỗ viết những bài báo rút từ Nam sử để nêu gương yêu nước, anh hùng, chống giặc của tiền nhân... tiến tới nghiên cứu những chuyên đề, chuyên luận về lịch sử và nhân vật lịch sử" [93, tr.536]. Hiện nay, trong phông cá nhân của ông có hơn 70 bài viết, nghiên cứu về lịch sử. Trong phông này, bài viết về lịch sử sớm nhất là bài "Thanh niên ta có ai biết buồn đâu" khi ông còn là sinh viên của Trường Cao đẳng Sư phạm. Bài viết này giúp chúng ta hiểu về lòng yêu nước, những trăn trở của ông với vận mệnh nước nhà, ngay khi còn là sinh viên. Sau đó, ông có nhiều tác phẩm có giá trị như: Lịch sử cách mạng Việt Nam dưới thời

Pháp thuộc (1862 - 1945), Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, Trên đường đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Tìm hiểu Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh... Trong Phông này đang lưu giữ cả bản thảo của những tác phẩm này. Chúng là nguồn tư liệu quý giá để nghiên cứu về các tác phẩm này.

3.2.4. Phục vụ triển lãm, trưng bày tài liệu

Trưng bày, triển lãm tài liệu đang là một hình thức khai thác sử dụng tài liệu chủ động và diễn ra thường xuyên, liên tục với số lượng ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng cao. Tài liệu lưu trữ các phông lưu trữ cá nhân đã xuất hiện trong các cuộc trưng bày tài liệu do các trung tâm lưu trữ quốc gia tổ chức. Ngày 05 tháng 3 năm 2008, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đã tổ chức Trưng bày tài liệu của các cá nhân, gia đình, dòng họ. Cùng với một số phông lưu trữ cá nhân khác, phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt đã được lựa chọn để trưng bày. Bản thảo các công trình nghiên cứu, thư từ, sách báo, sổ ghi chép… hình thành trong quá trình sống và hoạt động, cống hiến của đồng chí Tôn Quang Phiệt đã được trình bày đẹp và trang trọng tại khu trưng bày tài liệu. Đây là nguồn tài liệu phong phú, lượng thông tin lớn, độ chính xác cao, giúp người xem hiểu rõ hơn về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Tôn Quang Phiệt cũng như của các tác giả khác.

3.3. Giá trị và mục đích khai thác sử dung tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh

3.3.1. Nghiên cứu về cuộc đời của Hoài Thanh

Toàn bộ tài liệu trong phông cá nhân của Hoài Thanh, nhất là nhóm tài liệu tiểu sử, thư và thơ gửi Hoài Thanh, nhóm tài liệu ảnh góp phần giúp chúng ta tìm hiểu về cuộc đời của ông (nhất là trong thời gian từ năm 1957 đến năm 1982).

Chúng ta có thể biết được về thời gian ông kết hôn (ngày 18/4/1957), trình độ văn hóa của ông... Trong nhóm tài liệu tiểu sử của ông có các loại thẻ

và những tài liệu đề bạt thuyên chuyển như: thẻ Công đoàn số 125 của Hoài Thanh - Viện phó Viện Văn học do UBKHXH Nhà nước cấp ngày 15/3/1960; Nghị quyết về việc thành lập Đảng đoàn Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật của BCHTW Đảng lao động Việt Nam, ngày 38/8/1968 (trong danh sách có Hoài Thanh là ủy viên Thường vụ Hội, làm ủy viên); Quyết định số 54/LH-QĐ ngày 25/4/1972 của Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật về việc đề bạt Hoài Thanh làm Chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ... Những tài liệu này giúp chúng ta biết được những cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội mà ông đã từng tham gia như: Viện Văn học, Tuần báo Văn nghệ, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật, Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam... Đồng thời biết được những vị trí, chức vụ mà ông từng đảm nhận như: Viện phó Viện Văn học, Chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ...

Chúng ta còn biết được nhiều nét về đời riêng của ông như mức lương, về việc ông được xếp chuyên viên bậc 7, tiền nhuận bút của Nhà xuất bản Văn học trả cho ông năm 1971, việc mua sắm đồ dùng trong gia đình, việc gia đình ông sử dụng nhà và điện thoại, bệnh viện mà ông đã nằm chữa bệnh trong năm 1960 (bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô) cũng như những đơn thuốc mà ông đã sử dụng năm 1976... Đây là những thông tin mà chúng ta thường không thể biết được qua các cuốn sách, bài báo viết về ông. Đặc biệt, trong nhóm tài liệu tiểu sử còn có tài liệu: "Di bút của Hoài Thanh (viết từ 3/3/1979 đến 27/4/1981). Tập di bút này do Từ Sơn, con trai đầu của Hoài Thanh ghi chép và chú thích những chỗ cần thiết. Đây là một tài liệu quý cho chúng ta biết về những suy nghĩ, trăn trở của ông khi nằm trên giường bệnh.

Trong phông này, phần thư và thơ gửi Hoài Thanh là những tư liệu cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết về mối quan hệ của ông với các đồng nghiệp, những tình cảm và sự ngưỡng mộ của các nhà thơ, nhà văn trẻ và của bạn đọc dành cho ông. Có nhiều bức thư của các nhà thơ trẻ gửi cho ông kèm

theo những tập thơ của họ để xin được ông góp ý kiến (như bức thư viết tay của Trương Công Khóa gửi ngày 30/3/1969) và ông đều viết ý kiến nhận xét của mình để trả lời cho họ. Có những bức thư gửi cho ông là để mong được học hỏi cách viết thơ văn (như thư và một số bài thơ của Nguyễn Văn Thú, Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Tây gửi ngày 5/3/1970, bản viết tay của tác giả và có bút tích của Hoài Thanh). Bên cạnh đó, còn có những bức thư gửi cho ông để đề nghị được duyệt và cho đăng báo (như thư và tập thơ về Bác Hồ của Mai Ngọc Phách, cán bộ hưu trí ở Nga Điện, Nga Sơn gửi ngày 19/5/1970, bản viết tay).

3.3.2. Nghiên cứu về sự nghiệp phê bình và sáng tác văn học nghệ thuật của Hoài Thanh

Nhóm tài liệu sáng tác trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh có giá trị rất cao. Chúng là nguồn tư liệu quý giá để nghiên cứu về nền văn học Việt Nam trong nhiều giai đoạn: văn học trung đại, văn học hiện đại (nhất là giai đoạn sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945), văn học dân gian. Đồng thời cũng giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu về tâm huyết, tình yêu và niềm say mê của ông đối với văn học nghệ thuật nói chung và phê bình văn học nói riêng.

Đối với văn học Việt Nam trung đại, Hoài Thanh đã có rất nhiều bài viết hay và có giá trị về những đỉnh cao của nền văn học nước nhà như: Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Đình Chiểu và cả một số tác phẩm của nền văn học trung đại như Chinh phụ ngâm, Văn chiêu hồn... Ông say mê tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm Truyện Kiều và khẳng định Nguyễn Du là "một trái tim lớn, một nghệ sỹ lớn"; là một người với tài năng, tâm huyết, trái tim yêu thương con người, yêu cái đẹp tha thiết, trân trọng phẩm giá con người và luôn mong muốn cho họ có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Nguyễn Du đã để lại những kiệt tác bất hủ

cho hậu thế. Qua những bài viết của Hoài Thanh, các nhà nghiên cứu cũng có thể tìm hiểu về thơ Nôm cũng như con người của Nguyễn Trãi; về thơ văn và con người của Phan Bội Châu; về Nguyễn Đình Chiểu (một nhà thơ lớn, một con người yêu nước, kiên cường, bất khuất). Họ đều là những tấm gương sáng ngời vẻ đẹp về trí tuệ và nhân cách của dân tộc Việt Nam.

Đối với văn học Việt Nam hiện đại, Hoài Thanh tập trung nhiều tâm huyết, say mê viết về những hiện tượng nổi bật của nền văn học thế kỷ XX như thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Sóng Hồng (Trường Chinh). Từ Cách mạng Tháng 8-1945, sau khi viết "Nói chuyện thơ kháng chiến" năm 1951, Hoài Thanh đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để nghiên cứu thơ văn Hồ Chí Minh. Trong Phông cá nhân của Hoài Thanh, có một khối lượng lớn tài liệu viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, gồm cả bản viết tay và đánh máy. Nội dung bao trùm toàn bộ những bài viết này là thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu những vẻ đẹp trong thơ Bác để thấy được vẻ đẹp trong con người, trong trí tuệ, tâm hồn và nhân cách của Bác. Từ đó giúp cho mọi người có thể "học tập Bác qua thơ Bác". Đó cũng chính là nhan đề một bài viết của Hoài Thanh về thơ Bác năm 1970. Trong bài này, Hoài Thanh viết: "Chúng ta lại còn may mắn được học Bác qua thơ Bác. Nói thơ là nói con người. Thơ Bác có thể đưa ta đi sâu vào tâm tư tình cảm, vào phẩm chất của một con người vĩ đại"[37, tr.1]. Qua nghiên cứu về thơ, văn của Bác cũng như thơ, văn viết về Bác, ông nhận thấy tấm gương đạo đức của Bác được thể hiện ở những điểm sau: tình yêu thương vô bờ bến; tinh thần lạc quan, yêu đời; tinh thần chủ động, sáng tạo và tác phong bình dị. Như vậy, trong Phông này, những bài viết của Hoài Thanh về Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn tư liệu có giá trị cao giúp các chúng ta tìm hiểu về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh qua các bài nghiên cứu về thơ, văn của Bác.

Trong phông lưu trữ cá nhân của ông, bên cạnh những bài viết về những nhà thơ lớn, ông còn có nhiều bài viết về các nhà thơ trẻ như: Lê Anh Xuân (với bài "Tiếng gà gáy hay tâm sự của một người thanh niên miền Nam tập kết" vào tháng 9 năm 1968, bài Thơ "Lê Anh Xuân" vào tháng 7 năm 1971); Trần Đăng Khoa, Hồng Kiên, Cẩm Thơ, (với những bản ghi chép, biên tập, lựa chọn cho đăng các tập thơ của họ); Nguyễn Duy (với bài "Về một vài bài thơ của Nguyễn Duy"); Lưu Quang Vũ, Giang Nam, Thanh Hài và các tác phẩm Hòn Đất của Anh Đức, truyện ngắn "Đi bước nữa" của Nguyễn Thế Phương... Các bài viết này không những giúp chúng ta tìm hiểu về thơ văn của họ, mà còn biết được về sự quan tâm của Hoài Thanh đến các tác giả trẻ của nền văn học cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh đó, qua các tài liệu trong phông cá nhân của Hoài Thanh, chúng ta còn có thể tìm hiểu, nghiên cứu về sự quan tâm của ông đối với lĩnh vực văn học nghệ thuật nói chung, cũng như lĩnh vực phê bình văn học nói riêng. Trong các buổi Đại hội về văn hóa, văn nghệ, ông luôn có những bài phát biểu, tham luận có giá trị. Ví dụ, tại Đại hội thành lập văn nghệ Việt Bắc ngày 26 tháng 1 năm 1961, ông đã có bài phát biểu "Một vài ý kiến phát biểu về công tác văn nghệ ở miền núi" hay tại Đại hội các nhà văn lần thứ II vào tháng 1 năm 1963, ông đã có bài tham luận "Một vài ý kiến về công tác phê bình văn học"... Với các tư liệu này, chúng ta có thể tìm hiểu về những quan tâm, trăn trở của ông để góp phần nâng cao chất lượng của công tác văn nghệ nói chung và của công tác nghiên cứu văn học nói riêng. Ông luôn cố gắng để có thể cùng với các đồng nghiệp góp phần xây dựng một nền văn học nghệ thuật xứng đáng với sự nghiệp anh hùng của nhân dân ta.

3.3.3. Cung cấp tư liệu để xây dựng các tuyển tập

Hiện nay, nhiều tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh đã được khai thác một cách hiệu quả. Trong các nhóm tài

liệu thì nhóm tài liệu sáng tác là nhóm đã được khai thác, sử dụng nhiều, cụ thể đã được in trong nhiều cuốn sách có giá trị.

Ví dụ: Tài liệu "Di bút của Hoài Thanh" viết từ 3-3-1969 đến 27-4-1971 (Tập di bút này do Từ Sơn, con trai đầu của Hoài Thanh ghi chép và chú thích những chỗ cần thiết; bản đánh máy) đã được in trong cuốn sách Di bút và di cảo của Hoài Thanh (Nxb Văn học, 1993). Tài liệu "Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn một tấm gương chói ngời tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam" (bản đánh máy có bút tích sửa chữa của Hoài Thanh) đã được in trong cuốn sách Mấy vấn đề về cuộc đời thơ văn Nguyễn Đình Chiểu (Nxb Khoa học, 1969)

Nhiều bài phê bình và tiểu luận của tác giả đã đã được in trong cuốn sách Phê bình và tiểu luận như các bài: "Một vài ý kiến về công tác văn nghệ miền núi", "Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu văn học của chúng ta", "Thơ Lê Anh Xuân hay tâm tình của một người thanh niên trên tiền tuyến lớn", "Sức hấp dẫn lạ lùng của Người mẹ cầm súng". Nhiều bài viết trong nhóm tài liệu sáng tác đã được in trong cuốn sách Tuyển tập Văn học Hoài Thanh (02 tập, Nxb Văn học, Hà Nội, 1982).

Qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng tài liệu của các cá nhân nhất là các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học xuất sắc là nguồn tư liệu có giá trị có thể phục vụ hiệu quả cho việc biên soạn, xây dựng các cuốn sách, tuyển tập văn học.

3.3.4. Phục vụ nhu cầu của các nhà nghiên cứu

Tài liệu trong phông cá nhân của Hoài Thanh gồm nhiều bản viết tay và bản đánh máy có bút tích sửa chữa của tác giả nên phục vụ hiệu quả cho nhu cầu của các nhà nghiên cứu vì tính chính xác và độ tin cậy cao.

Thời gian qua, khối tài liệu này đã được khai thác phục vụ cho mục đích viết báo, làm tư liệu để viết báo cáo khoa học, luận văn. Tác giả Phạm

Bích Hải đã khai thác khối tài liệu này và có bài viết: "Hoài Thanh và những tài liệu sáng tác văn học của ông đang bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III" đăng trên Tạp chí Văn thư - Lưu trữ số 5 tháng 12/1999. Chúng tôi cũng đã khai thác tài liệu trong phông cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh để làm báo cáo khoa học, luận văn thạc sĩ. Kết quả, chúng tôi đã có báo cáo: Phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh - nguồn sử liệu về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh qua các bài nghiên cứu thơ, văn của Bác (BCKH tại Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ XIII, H.2009 (Tư liệu khoa lưu trữ học và quản trị văn phòng). Chúng tôi cũng khai thác khối tài liệu này để viết luận văn thạc sĩ với đề tài: "Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III".

Không chỉ phục vụ nhu cầu nghiên cứu của độc giả trong nước, tài liệu trong phông cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh còn phục vụ nhu cầu của độc giả nước ngoài. Năm 2014, độc giả Peter Zinoman đọc Mục lục phông cùng nhiều hồ sơ trong phông để làm tư liệu nghiên cứu.

3.4. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông

3.4.1. Nghiên cứu về cuộc đời của Phạm Huy Thông

Toàn bộ tài liệu trong Phông cá nhân của Phạm Huy Thông, nhất là nhóm tài liệu tiểu sử, tài liệu công vụ góp phần giúp chúng ta tìm hiểu về cuộc đời của ông.

Trong phông lưu trữ cá nhân này, có lưu giữ Bản tóm tắt lý lịch của GS Phạm Huy Thông. Tài liệu này cho chúng ta biết nhiều thông tin về hoàn cảnh gia đình, bản thân ông. Chúng ta biết được về thành phần gia đình của ông là tư sản dân tộc (công thương nghiệp - làm vẽ bản đồ vàng bạc từ khi xuất thân); trình độ chuyên môn của ông (khảo cứu sử và văn học, viết báo, làm

văn dịch Pháp, đánh máy chữ bằng tiếng Pháp và tiếng Anh); trình độ văn hóa của ông (thạc sĩ sử địa, tiến sĩ luật bằng tiếng Pháp tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật). Trong thời kỳ kháng chiến từ năm 1949 - 1952, ông còn sử dụng tên khác để liên lạc; ông từ Pháp "thư từ với cơ quan kháng chiến ở tại phường Chợ Lớn dùng tên Đường trong một số thư từ" (Bản tóm tắt lý lịch của GS Phạm Huy Thông, hồ sơ số 01, tờ số 01). Ông đã từng sống ở nhiều nơi, ở Hà Nội (đến năm 1937), ở Pháp (từ năm 1937 - 1952), ở Nam Bộ (từ năm 1953 - 1955), trở lại Hà Nội từ ngày 4/5/1955. Chúng ta còn biết được một vài nét về gia đình riêng của ông. Ông có người vợ Pháp tên là Dunisa Lavombe, sinh ngày 30/6/1919, là cán bộ Đài Phát thanh, sống ở ngoại ô Pháp và các con của ông. Trong phông này hiện có bảo quản một bức ảnh chân dung GS Phạm Huy Thông và người vợ Pháp của ông.

Bên cạnh đó, một số tài liệu trong phông còn giúp chúng ta xác định được thời điểm Phạm Huy Thông đến với cách mạng. Từ năm 1943 - 1944, ông đi khảo cứu sử ở Pháp và biết đến hoạt động cách mệnh. Ông "đã biết được hoạt động cách mệnh từ một năm trước ngày cách mệnh tháng 8 thành công: từ tháng 8/1944, đã tham gia công việc phái đoàn quốc hội (Trưởng đoàn Phạm Văn Đồng), tháng 4 và tháng 5/1945 ở Pari giúp việc phái đoàn Chính phủ (Trưởng đoàn Phạm Văn Đồng). Từ tháng 6 - 10/1946 ở Pari và Phông-ten-bơ-lô…" [42, tr.2]. Chúng ta còn biết được thành tích của ông trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thành tích trong xây dựng ngành khảo cổ học.

Nhóm tài liệu công vụ giúp chúng ta biết được những cơ quan mà ông từng làm việc như: Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học... Đồng thời biết được những vị trí, chức vụ mà ông từng đảm nhận như: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện trưởng Viện Khảo cổ học…

Trong phông này, nhóm tài liệu ảnh, thư từ trao đổi, tài liệu về thân nhân và các bài viết của các tác giả khác về GS Phạm Huy Thông giúp chúng ta tìm hiểu về mối quan hệ của ông với bạn bè, đồng nghiệp. Cùng với những người bạn Việt Nam, ông còn có nhiều người bạn nước ngoài như: Pensri Duke (Trường Đại học Chulalongkarn, Thái Lan), Helen Tarvis (Giám đốc Dự án BISA, Trường Đại học Sydney), những người bạn Pháp và nhiều học giả nước ngoài. Cùng với thông tin về bạn bè, trong Phông lưu trữ cá nhân này có lưu giữ bức ảnh chụp GS Phạm Huy Thông tại Hội nghị quốc tế năm 1982. Điều này giúp chúng ta tìm hiểu thêm về các hoạt động, đóng góp của Phạm Huy Thông với ngành khảo cổ học Việt Nam. Ông đã tham dự nhiều hội nghị quốc tế về khảo cổ học, trình bày nhiều chuyên đề khảo cổ học ở nước ngoài giúp cho thế giới biết đến khảo cổ học Việt Nam.

3.4.2. Nghiên cứu về lĩnh vực khảo cổ học Việt Nam

Tháng 8 năm 1967, GS Phạm Huy Thông được giao cho phụ trách ngành khảo cổ học, làm Đội trưởng Đội Khảo cổ thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam. Năm 1968, Viện Khảo cổ học được thành lập, ông trở thành Viện trưởng đầu tiên và đã có nhiều công lao xây dựng ngành khảo cổ học Việt Nam. Tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của ông, nhất là nhóm tài liệu nghiên cứu, sáng tác giúp chúng ta tìm hiểu về sự phát triển của Viện Khảo cổ học, ngành khảo cổ học cũng như những đóng góp to lớn của ông đối với ngành khảo cổ nước ta.

Khi GS Phạm Huy Thông được giao phụ trách Viện Khảo cổ học, nhận thức của mọi người về ngành khảo cổ học còn rất mơ hồ. Khảo cổ học thường bị lẫn với Cổ sử học hoặc Tiền sử học. Giáo sư là người đã định nghĩa về Khảo cổ học (theo cách hiểu khoa học chính xác của thế giới) là "tìm và nghiên cứu vết tích vật chất của những cuộc sống con người đã qua; có nghĩa là nghiên cứu văn minh là chính" [43, tr.1]. Giáo sư cho rằng khảo cổ học

hiện đại "không chỉ quan sát và suy luận như trước đây nữa, mà dùng mọi phương pháp, kể cả những biện pháp khoa học tự nhiên và ky thuật hiện đại nhất. Điển hình là vận dụng nguyên tử học và khoa học về những hiện tượng phóng xạ, phương pháp xác định niên đại giá C14…" [43, tr.1].

Vào thời kỳ đó, đội ngũ những người nghiên cứu khảo cổ nước ta còn ít và đang rất lúng túng trong việc xác định nhiệm vụ, phương hướng công tác của Viện Khảo cổ. Trong bối cảnh như thế, GS Phạm Huy Thông đã thể hiện là một người đặc biệt có tài về lãnh đạo, tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự. Thông qua các tài liệu của ông hiện đang được bảo quản trong Phông như: Bản báo cáo thành tích trong công tác xây dựng ngành khảo cổ học Việt Nam và trong hợp tác khoa học khảo cổ với Cộng hòa Dân chủ Đức; Bản tự nhận xét, tự kiểm điểm về công tác lãnh đạo Viện khảo cổ và Ủy ban khoa học xã hội; bài viết "Tổng kết sơ bộ về hoạt động khảo cổ ở Việt Nam"…, người đọc biết được những đóng góp, công lao của ông trong quá trình xây dựng Viện Khảo cổ học.

Sau khi thành lập Viện Khảo cổ, Phạm Huy Thông đã nhanh chóng bắt tay vào việc tập hợp lực lượng trong và ngoài Viện, trong và ngoài ngành, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, tập trung vào việc nghiên cứu thời đại của các vua Hùng dựng nước và sau đó là nhiều đề tài nghiên cứu có giá trị khác như: Khảo cổ học 10 thế kỷ sau công nguyên, khảo cổ học với văn minh thời Trần…Viện khảo cổ học dưới sự lãnh đạo của Giáo sư đã nhanh chóng trưởng thành. Tạp chí Khảo cổ học ra đời do Giáo sư làm Tổng biên tập. Tạp chí phát hành từ năm 1969, có chất lượng khoa học và giá trị thông tin cao. Ông chính là người khởi xướng cuộc gặp gỡ thường niên của những của những người làm công tác nghiên cứu, bảo tồn các di sản văn hóa của cả nước, có tên là: Hội nghị thông báo những phát hiện mới về Khảo cổ học. Chính nhờ sự nỗ lực đó mà "Viện Khảo cổ học đã nhanh chóng trở thành cơ quan khoa học

trung tâm của toàn ngành, đã có những cống hiến to lớn trong nghiên cứu khoa học, cũng như trong sự nghiệp cách mạng của đất nước, góp phần làm cho nước ta trở thành một quốc gia có nền Khảo cổ học mạnh nhất Đông Nam Á" [80, tr.5].

GS Phạm Huy Thông cũng là người đã có công giới thiệu về khảo cổ học nước ta với bạn bè quốc tế. Ông từng tham gia nhiều hội nghị quốc tế về khảo cổ học tổ chức ở nhiều nước (Liên Xô, Trung Quốc, CHDC Đức, Ba Lan, Mỹ, Pháp, Úc, Thái Lan…). Trong các hội nghị đó, ông đã nói chuyện và viết bài về khảo cổ học Việt Nam nói chung, đặc biệt về thời đại kim khí ở Việt Nam. Phông lưu trữ cá nhân của ông hiện vẫn đang lưu giữ những bài viết khi tham dự các hội nghị đó như: Dự thảo báo cáo "Thời đại kim khí Việt Nam và văn minh sông Hồng" tại hội nghị CHDC Đức từ ngày 14 - 16/11/1978; Tham luận "Thời kỳ tiền gốm tại Đông Nam Á, những vấn đề, những mắc míu và những chiều hướng tương lai" tại Hội nghị lần thứ 8 Hội nghị quốc tế những Nhà sử học Châu Á tổ chức tại Malaysia, từ ngày 25 - 29/8/1980; Tóm tắt báo cáo tham luận về hang Con Moong, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam tại hội nghị UISPP lần thứ 9 được tổ chức tại Nice, Pháp... Qua những bài viết này của GS Phạm Huy Thông, giới khảo cổ học thế giới đã biết đến và đánh giá cao những thành tựu của ngành khảo cổ học Việt Nam. Uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao hơn.

GS Phạm Huy Thông đã dành nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu khảo cổ học và đã có bài viết, công trình nghiên cứu giá trị về thời kỳ Hùng Vương dựng nước, Trống đồng, Trống Đông Sơn, Văn hóa Hòa Bình, người cổ ở Việt Nam… Những bài viết, công trình này hiện đang được bảo quản trong Phông lưu trữ cá nhân của ông. Trong số đó, những nghiên cứu về hang Con Moong, Trống đồng Đông Sơn, thời đại Hùng Vương rất có giá trị.

Trong phông có các bài viết nghiên cứu của ông về hang Con Moong như: "Hang Con Moong: Một bước ngoặt của văn minh" nhân khai quật ở Vườn quốc gia Cúc Phương; Tóm tắt báo cáo tham luận về Hang Con Moong, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam tại Hội nghị UISPP lần thứ 9 được tổ chức tại Nice, Pháp; bản thảo cuốn "Con Moong - di chỉ khảo cổ học thời đại đá" (ông viết cùng tác giả Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Khắc Sử năm 1987)… Ông cho rằng hang Con Moong quan trọng vì thuộc văn hóa Hòa Bình (một cái nôi văn hóa của người Việt cổ) và có thể giúp chúng ta tìm hiểu về nguồn gốc của văn hóa này. Hang Con Moong đã "chứng kiến bước ngoặt của lịch sử của loài người từ cuộc sống hái trái, bắt ốc, nhờ trời, sang cuộc sống sử dụng thiên nhiên, sản xuất bước đầu. Một bước chuyển vĩ đại" [46, tr.1].

Trong phông có các bài viết nghiên cứu của ông về Trống đồng Đông Sơn như: "Thừa khai sinh nền văn minh Việt Nam: Văn hóa khảo cổ Đông Sơn"; "Thời tiền sử và truyền thống đúc đồng ở Việt Nam";…Ông có bài viết về Trống đồng Đông Sơn bằng tiếng Pháp, trong đó có đoạn viết: "Nos efforts ont jusquà présent porté essenti ellement sur létude de la culture Đông Sơn dont le site éponyme avait été découvert en 1924 sur la rive droite de Sông Mã, non loin du chef-lieu de la province Thanh Hóa" [49, tr.1].

Trong phông có các bài viết nghiên cứu của ông về thời kỳ Hùng Vương như: "Tìm hiểu thời Hùng Vương dựng nước, một hành trình khoa học đầy thơ mộng"; "Đất nước các vua Hùng: Một trung tâm văn minh" (nhân giỗ tổ Hùng Vương); "Văn minh thời Hùng Vương và những chặng đường lịch sử của văn minh Việt Nam"… Tìm hiểu về thời kỳ Hùng Vương không phải chỉ là một nhiệm vụ khoa học mà còn thể hiện tình cảm dân tộc, tình yêu quê hương đất nước. Tìm về thời kỳ này là tìm về nguồn gốc, truyền thống uống nước nhớ nguồn, khơi gọi niềm tự hào dân tộc nhằm xây dựng cuộc sống mới, con người mới phồn vinh. Ông cho rằng khảo cổ học có vai trò quan trọng

trong việc nghiên cứu thời kỳ Hùng Vương, "công lao đang làm hiện dần lên thời đại Hùng Vương như hai nghìn năm nảy sinh, phát triển và khai hoa rực rỡ, trên khoảng đất đai miền Bắc nước ta ngày nay, của một nền văn minh nông nghiệp cổ xưa đặc sắc, của một dân tộc đầy sức sống, của một con người bản lĩnh, công lao đó thuộc về tất cả những ngành khoa học khác nhau vừa đây chung sức nghiên cứu những thế kỷ Rồng Tiên huyền ảo. Nhưng khảo cổ học đã đóng vai trò đầu mối và trung tâm, đã là chỗ dựa chính để công tác khoa học có nhiều ý nghĩa này được tiến hành có kết quả" [47, tr.4].

Những nghiên cứu về hang Con Moong, Trống đồng Đông Sơn, thời đại Hùng Vương của GS Phạm Huy Thông được đánh giá rất cao. Năm 2000, ông đã được truy nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về nghiên cứu khảo cổ với các công trình nghiên cứu này.

3.4.3. Phục vụ nhu cầu của các nhà nghiên cứu

Thời gian qua, tài liệu Phông cá nhân Phạm Huy Thông đã được khai thác sử dụng làm tư liệu để viết báo, luận văn thạc sỹ. Tác giả Phạm Hải Yến, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đã khai thác Phông cá nhân này và đã có bài viết : «Về khối tài liệu của Giáo sư - Viện sĩ Phạm Huy Thông đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III». Bài viết được đăng trên Website http://www.archives.gov.vn của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. Chúng tôi cũng đã nghiên cứu phông này để thực hiện đề tài luận văn : «Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III ».

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy trong thời gian tới, tài liệu trong các phông lưu trữ nói chung và trong phông lưu trữ cá nhân của GS Phạm Huy Thông nói riêng sẽ tiếp tục được khai thác để phục vụ cho những nhu cầu, mục đích mới phát sinh. Khi chúng tôi gặp gỡ GS Phạm Huy Dũng (giáo sư Trường Đại học Y Hà Nội, Phó Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Thăng

Long), ông đã cung cấp cho chúng tôi nhiều thông tin về các nghiên cứu của GS Phạm Huy Thông. Ông cho biết anh trai ông dành nhiều tâm huyết, trí tuệ nghiên cứu về lịch sử, khảo cổ học với thành tựu nổi bật là nghiên cứu về thời kỳ Hùng Vương dựng nước (nằm trong cụm công trình đã nhận được giải thưởng Hồ Chí Minh). Trong phông cá nhân của GS Phạm Huy Thông có nhiều nghiên cứu về thời kỳ Hùng Vương là bản viết tay, bài viết có bút tích của GS Thông. Từ đó, ông cũng chia sẻ với chúng tôi về một nguyện vọng cá nhân của mình. Ông nói trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của GS Phạm Huy Thông (23/6/1916 - 23/6/2016), ông muốn thực hiện một công việc, đó là lọc tìm đầy đủ những bài viết tay, bài có bút tích của GS Phạm Huy Thông về thời kỳ Hùng Vương hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III rồi tiến hành sắp xếp, in ấn.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi có gặp gỡ, trao đổi với nhà nghiên cứu Kiều Mai Sơn - phóng viên Báo Nông nghiệp Việt Nam (17A Tràng Thi, Hoàn Kiếm). Anh là người đã biên soạn tiểu sử của GS Phạm Huy Thông trong cuốn sách Phạm Huy Thông - Thơ; đồng thời là một nhà báo yêu thích tìm hiểu và viết về các nhân vật lịch sử, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Anh cũng rất quan tâm đến tài liệu của các cá nhân kiệt xuất hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Anh nói thời gian tới anh sẽ tìm đọc tài liệu của các cá nhân này làm tư liệu nghiên cứu và viết bài.

3.5. Giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

3.5.1. Nghiên cứu về cuộc đời của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn

Toàn bộ tài liệu trong phông cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, nhất là nhóm tài liệu về tiểu sử, nhật ký, sổ tay, thư từ trao đổi, những bài viết về ông sau khi qua đời là nguồn tư liệu có giá trị giúp chúng ta có thể tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời của ông. Chúng ta có thể tìm hiểu về cuộc đời

ông từ lúc thơ ấu (qua tài liệu Nguyễn Khánh Toàn: Hồi ký viết về thời thơ ấu đến năm 1925, bản đánh máy và bản viết tay của bà Đào Ngọc Bích, là vợ của ông hay qua bài "Một số kỷ niệm về thời bé"...) cho đến khi ông mất vào năm 1993. Chúng ta có thể biết về những nét chính trong cuộc đời hoạt động khoa học của ông qua tập tiểu sử của ông (bản viết tay của bà Đào Ngọc Bích cùng bản đánh máy bằng tiếng Việt và tiếng Pháp); cũng như những thời gian ông hoạt động ở nước ngoài (như ở Nga vào năm 1937), thời gian ông đi thăm quan Tiệp Khắc từ ngày 10 đến ngày 18 tháng 7 năm 1978...

Nhóm tài liệu về hoạt động xã hội và các tập thẻ có trong phông cá nhân của ông cho biết về những cơ quan, tổ chức mà ông đã tham gia như: Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Khoa học Nhà nước, Ủy ban Cải cách giáo dục và các kỳ đại hội Đảng, các hội nghị quốc tế... Chúng còn giúp chúng ta nắm được những vị trí, trọng trách, cương vị mà GS.VS Nguyễn Khánh Toàn đã từng đảm nhận như: đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Chủ nhiệm và Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Khoa học xã hội...

Những tài liệu này còn giúp chúng ta hiểu thêm về nhiều nét riêng trong đời sống riêng của ông như: việc ông được xếp lương chuyên viên bậc 9 năm 1982, về thu nhập kinh tế, sinh hoạt đời sống, y tế của ông và gia đình, biết được về lịch sử bệnh lý của ông; cũng như quá trình hoạt động, công tác của ông từ năm 1970 đến năm 1986 với các quyển sổ tay công tác trong các năm. Đồng thời còn cả quá trình đến với cách mạng, quá trình đi tìm chân lý cách mạng của ông. Trong Hồi ký viết về thời thơ ấu đến năm 1925 có đoạn viết: "Môi trường ấy, những sự việc ấy là những bài học vỡ lòng về tinh thần yêu nước đối với tôi. Tôi vẫn nhớ như in người thầy đầu tiên của tôi là nhân dân Huế, trong đó có mẹ tôi, chú tôi và anh tôi. Nhờ họ, tôi đã bắt đầu tập đọc trong cuốn sách của cuộc đời đau khổ của một dân tộc nô lệ; nhất là tôi đã bắt đầu biết yêu và biết ghét"[62, tr.6].

3.5.2. Nghiên cứu về lãnh tụ và Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong thời gian ở Liên Xô (từ năm 1930), Nguyễn Khánh Toàn đã được đào tạo một cách cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia vào Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Công hội đỏ. Do có những đóng góp tích cực, ông đã được Quốc tế Cộng sản giao trọng trách là Phó Ban Đông Dương. Chính trong thời gian này, ông có dịp được gặp gỡ, tiếp xúc gần gũi với đồng chí Nguyễn Ái Quốc và được Người dìu dắt, bồi dưỡng. Năm 1931, ông gia nhập Đảng Cộng sản và trở thành một trong những học trò ưu tú của của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Do vậy, ông có những hiểu biết sâu sắc về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ năm 1946 đến năm 1990, ông đã có nhiều bài viết có giá trị về Người. GS.VS Nguyễn Khánh Toàn là một trong những người đầu tiên đề xuất nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh với bản đề án về công tác nghiên cứu lãnh tụ. Năm 1969, ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, trong Dự thảo phương hướng nghiên cứu khoa học gửi lên Trung ương Đảng, ông đã đề nghị cần xây dựng một kế hoạch nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hệ thống, cơ bản và lâu dài, coi đó như là một tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam và của cả nhân loại. Ông khẳng định: "Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gắn liền với phong trào cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất và sau Cách mạng tháng 10 Nga"[66, tr.1].

Các bài viết của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn là nguồn tư liệu quý giá giúp chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu về: thiên tài của Nguyễn Ái Quốc trong việc sớm nhận rõ được một sự chuyển hướng, bước ngoặt có tính chất quyết định trong vận mệnh của nhân loại, nhìn thấy hướng mới của lịch sử để từ đó gắn liền nó với con đường của cách mạng Việt Nam; về quá trình đi từ chủ nghĩa quốc tế cộng sản của Người... Đồng thời, chúng còn góp phần về làm sáng tỏ vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là người cộng sản Việt Nam đầu tiên, là lãnh tụ thiên tài và là người thầy vĩ đại của giai cấp công

nhân Việt Nam; về công lao của Người trong cuộc đấu tranh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam...

Từ năm 1963 đến năm 1983, Nguyễn Khánh Toàn đã có 13 bài viết về Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo ông, "Trong giai đoạn mới này, cả nước tiến lên Chủ nghĩa xã hội (...), công tác xây dựng Đảng phải lấy vấn đề tổ chức làm trọng tâm (...) phân công nhiệm vụ rõ ràng, đồng thời vạch ra như là nguyên tắc đồng bộ, lấy việc phát huy dân chủ làm cơ sở" [65, tr.8]. Là người luôn gắn bó với Đảng, ông khẳng định: "Con đường mà Đảng ta đã trải qua trong nửa thế kỷ vừa qua là đầy thử thách, gian lao, phong ba bão táp, nhưng cực kỳ vinh quang, rực rỡ"[58, tr.10]. Những tài liệu này giúp chúng ta nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng năm 1976, về vai trò của Đảng như là người tổ chức và cổ vũ tất cả những thắng lợi của cách mạng Việt Nam, vai trò của Đảng với cuộc cách mạng Việt Nam...

3.5.3. Nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn

Trong phông cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, những tài liệu hoạt động của ông ở Ủy ban Khoa học Xã hội với tư cách là Chủ nhiệm và Bí thư Đảng đoàn cùng những bài viết về lịch sử, văn hóa, văn học, triết học, dân tộc học, luật, học, xã hội học, ngôn ngữ học,... là nguồn tư liệu có giá trị để nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Chúng phản ánh quá trình hoạt động và phát triển của ngành này sau những năm 60 của thế kỷ XX, qua những bài viết của ông như: Tình hình năm 1961 và sự hoạt động của các ngành khoa học xã hội, phương hướng hoạt động và kế hoạch 5 năm và năm 1962, bản gợi ý về lề lối làm việc và phương hướng phát triển của các ngành khoa học xã hội năm 1967, dự thảo phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội Việt Nam của Ủy ban Khoa học Xã hội năm 1969... Sự quan tâm của Nguyễn Khánh Toàn đối với khoa học xã hội là toàn diện. Ông nghiên cứu và có nhiều bài viết có giá trị về các lĩnh vực khác nhau như: lịch sử, văn học, triết học, ngôn ngữ, xã hội học, thông tin học, luật học...

3.5.4. Nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục

Trong phông cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, những bài viết về công tác xây dựng ngành giáo dục Việt Nam (gồm 64 ĐVBQ); những bài viết về công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và viết sách cho thiếu niên nhi đồng (gồm 14 ĐVBQ); những tài liệu về công tác đào tạo nghiên cứu sinh (gồm 9 ĐVBQ) và những tài liệu hình thành trong thời gian ông hoạt động ở Ủy ban cải cách giáo dục (16 ĐVBQ) giúp chúng ta nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục trong thời gian từ năm 1947 đến năm 1992. Trước hết, khối tài liệu này giúp chúng ta tìm hiểu về công tác xây dựng ngành giáo dục Việt Nam từ những năm 1947, chỉ chưa đầy 2 năm sau khi Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chúng là nguồn tư liệu chân thực, có giá trị để chúng ta tìm hiểu về: nền giáo dục kháng chiến, nền giáo dục dân chủ mới, về phong trào bình dân học vụ,... Đồng thời giúp chúng ta tìm hiểu về nền giáo dục phổ thông trong thời gian chuẩn bị cho việc thống nhất hệ thống giáo dục năm 1956, phục vụ cho cuộc cải cách giáo dục lần 2 năm 1960; về nền giáo dục đại học những năm 1950 và việc quy hoạch mạng lưới các trường đại học trong cả nước của Bộ Đại học và về cả công tác đào tạo trên đại học. Đây là những tư liệu để chúng ta có thể tìm hiểu về sự chuyển hướng quyết định của ngành giáo dục năm 1950, về phương hướng của ngành giáo dục trong tình hình mới, những nhiệm của nền giáo dục nước ta trước những bước ngoặt những lịch sử; đặc biệt là về hai cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (năm 1950) và lần thứ hai (năm 1960).

Trong cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất, Nguyễn Khánh Toàn cho rằng trong thời điểm hiện tại thì: "Giáo dục phải thỏa mãn nhu cầu kháng chiến và kiến quốc phục vụ nhân dân. Ở nước ta, Cách mạng Tháng 8 đã thiết lập chính thể dân chủ nhân dân. Nhưng từ ngày Cách mạng tháng 8 thành

công đến bây giờ, trong ngành giáo duc, chưa có sự thay đổi gì đáng kể, khiến nó trở thành một thứ công cụ để chân chính phục vụ nhân dân"[64, tr.78]. Ông cho rằng chúng ta không nên giữ mãi hệ thống giáo dục cũ và "Một nền giáo dục phải có hình thức (hệ thống tổ chức giáo dục) và nội dung. Hình thức phải phù hợp với nội dung vì nó không chỉ biểu hiện nội dung một cách bị động, mà nó có thể ảnh hưởng ngược lại nội dung. Nếu hệ thống tổ chức của một nền giáo dục mà hợp lý, thì nó làm cho mục đích và phương châm của giáo dục thực hiện được dễ dàng. Trái lại, nếu nó loạc choạc, cũ kỹ, không hợp lý, thời lại là một trở ngại cho việc thực hiện đường lối giáo dục (...) Sau khi đã định ra một đường lối, thì việc tổ chức thực hiện đường lối đó là khâu chính, là yếu tố quyết định của sự thành công"[64, tr.93].

Ông là người luôn dành nhiều tâm huyết để phát triển nền giáo dục nước nhà.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang ngày càng chú ý đến giáo dục, coi "giáo dục là quốc sách hàng đầu"; đang có rất nhiều nỗ lực trong công cuộc cải cách giáo dục. Vì thế, những bài viết, nghiên cứu, quan điểm của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn sẽ đóng góp nhiều cho công cuộc xây dựng ngành giáo dục cả về mặt lý luận và thực tiễn. Các cơ quan quản lý giáo dục, các nhà giáo dục khi tiến hành xây dựng và hoàn thiện nền giáo dục Việt Nam nên chú ý tìm hiểu và nghiên cứu những quan điểm, ý kiến trong các bài viết này của ông.

3.5.5. Phục vụ trưng bày, triển lãm tài liệu

Trong thời gian qua, tài liệu lưu trữ có xuất xứ cá nhân đã xuất hiện trong một số cuộc triển lãm do Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước tổ chức. Nhiều tài liệu thuộc sở hữu của các cá nhân có mối quan hệ đặc biệt với chủ đề triển lãm, nhất là tài liệu ảnh đã đưa ra các triển lãm. Tại triển lãm "Lịch sử hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật Việt Nam - Liên Xô, 1950 - 1990" tổ chức tại Hà Nội năm 2005, có khoảng 20 tài liệu do các cá nhân đã từng học

tập, công tác tại Liên Xô giai đoạn 1950 - 1990 như cố GS. VS Nguyễn Khánh Toàn, nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh, ông Lưu Văn Lợi (nguyên Tham tán Công sứ Việt Nam tại Liên Xô). Trong số đó, có sự góp mặt của bức ảnh Lễ ký Hiệp định trao đổi văn hóa - giáo dục giữa Việt Nam và Liên Xô, tháng 12 năm 1958. Đây là tài liệu thuộc sở hữu của gia đình GS.VS Nguyễn Khánh Toàn.

Trong phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III vẫn còn một khối lượng lớn các bức ảnh ghi lại các hoạt động của ông như khi bị thực dân Pháp bắt giam, dự hội nghị, ký kết hợp tác khoa học và đi tham quan các địa phương… Trong thời gian tới, những bức ảnh này có thể được sử dụng để phục vụ các triển lãm.

3.6. Các biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức khai thác sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy số lượng khai thác tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III còn ít, mục đích khai thác còn chưa đa dạng, hiệu quả thu được cũng chưa cao.

3.6.1. Hạn chế trong việc khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân

Hạn chế trong việc giới thiệu giá trị của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân. Hiện nay, nhiều độc giả không biết có các khối tài liệu của các cá nhân này đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Nhiều nhà nghiên cứu khi muốn tìm hiểu về các cá nhân này (cuộc đời, sự nghiệp, các sáng tác, sự kiện liên quan) đã tìm đến nhiều nguồn tài liệu khác (như ở cơ quan người đó đã công tác, các bảo tàng, thư viện) mà chưa biết đến các lưu trữ quốc gia.

Hạn chế trong việc tiếp cận chủ sở hữu của tài liệu. Đây cũng là hạn chế chủ yếu nhất khiến việc khai thác sử dụng tài liệu chưa đạt hiệu quả cao. Độc giả, nhà nghiên cứu có nhu cầu khai thác tài liệu và cũng biết được khối tài liệu này hiện đang được được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III nhưng không thể hoặc rất khó khăn để tiếp cận tài liệu. Khi thực hiện đề tài này, chúng tôi đã xin giấy giới thiệu của Trường để đến Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Đến đây, các cán bộ của phòng đọc đã cho chúng tôi đọc mục lục thống kê tài liệu của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS. Nguyễn Khánh Toàn. Để tiếp cận được với tài liệu cụ thể trong các phông lưu trữ cá nhân này, họ yêu cầu chúng tôi phải có được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu tài liệu. Trong khi họ không hề cho chúng tôi biết tên, địa chỉ nhà, cơ quan công tác hay số điện thoại của chủ sở hữu tài liệu với lý do là họ không biết những thông tin đó; chứ không phải là chủ sở hữu không đồng ý để họ cung cấp những thông tin đó cho độc giả.

Sau đó, qua quá trình tìm kiếm, chúng tôi đã có được những thông tin này. Chúng tôi không gặp nhiều khó khăn trong việc thuyết phục chủ sở hữu của các phông lưu trữ cá nhân này đồng ý cho chúng tôi nghiên cứu tài liệu. Nhưng chúng tôi lại gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm địa chỉ (tên, số điện thoại, nơi ở) của họ và có trường hợp dù đã rất cố gắng chúng tôi vẫn không thể tìm thấy. Khi chúng tôi tìm gặp chủ sở hữu phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt, qua nhiều kênh tìm kiếm, chúng tôi tìm đến được nhà Cụ. Nhưng sau khi Cụ qua đời, con cái của Cụ đã không còn sống ở đó nữa. Biết được con gái lớn của Cụ là bà Tôn Thị Kim Thanh, nguyên là Giám đốc Bệnh viện Mắt Trung ương và sau khi nghỉ hưu đã thành lập Bệnh viện Mắt Ánh Sáng ở đường Trần Cung, Cổ Nhuế, Hà Nội, chúng tôi đã đến

đây. Khi gặp được bà Thanh, bà cho chúng tôi địa chỉ của em trai mình (người hiện sở hữu tài liệu trong Phông cá nhân của cha bà) là ông Tôn Gia Huyên. Từ đó, chúng tôi mới hẹn gặp và có được sự đồng ý cho ông Huyên để đọc tài liệu. Chúng tôi còn gặp trở ngại lớn hơn khi nghiên cứu phông cá nhân của nhà nghiên cứu lịch sử Trần Văn Giáp. Ban đầu chúng tôi có ý định nghiên cứu phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu lịch sử Trần Văn Giáp. Tuy nhiên khi chúng tôi tìm đến nhà con cái của cụ Giáp ở số 26 Lý Thường Kiệt thì toàn bộ gia đình đã chuyển ra nước ngoài sinh sống. Chúng tôi đã cố gắng tiếp tục tìm kiếm nhưng không hề biết được thông tin gì liên quan đến con cháu Cụ. Vì thế, chúng tôi đã không thể tiếp cận, nghiên cứu tài liệu trong phông lưu trữ cá nhân này và phải chuyển sang nghiên cứu một phông khác.

Không chỉ có chúng tôi, nhà nghiên cứu Kiều Mai Sơn - phóng viên Báo Nông nghiệp Việt Nam cũng chia sẻ với chúng tôi là rất khó khăn để tìm được chủ sở hữu của những khối tài liệu này; trong khi đó anh có thể dễ dàng đọc tài liệu liên quan đến các cá nhân này ở những nguồn khác như bảo tàng hay thư viện.

3.6.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân

Đối với hạn chế trong việc giới thiệu giá trị của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân: Chúng tôi cho rằng nguyên nhân của hạn chế này là do các nhà quản lý, cán bộ làm công tác lưu trữ có sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức để giới thiệu về các trung tâm lưu trữ quốc gia nói chung và giá trị khối tài liệu các phông lưu trữ cá nhân nói riêng đang được bảo quản tại đây. Vì thế, một số hình thức giới thiệu về trung tâm lưu trữ và tài liệu lưu trữ đã được thực hiện nhưng đạt hiệu quả chưa cao. Trong thời gian qua, độc giả, các nhà nghiên cứu biết đến các bảo tàng, thư viện nhiều hơn là các trung tâm lưu trữ.

Đối với hạn chế trong việc tiếp cận chủ sở hữu của tài liệu: là do các cán bộ làm công tác lưu trữ vẫn còn thực hiện quy định một cách rập khuân, máy móc. Việc sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân được quy định tại Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ. Điều 17, chương IV quy định thẩm quyền cho phép sử dụng tài liệu lưu trữ liên quan đến cá nhân; cụ thể muốn khai thac sử dụng tài liệu lưu trữ của cá nhân ký gửi vào Lưu trữ lịch sử còn phải được cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của cá nhân đó cho phép. Quy định này là đúng và cần thiết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các quy định và chuyên môn nghiệp vụ của mình, các cán bộ làm công tác lưu trữ vẫn còn thực hiện một cách cứng nhắc, máy móc, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho độc giả, người nghiên cứu.

3.6.3. Biện pháp khắc phục hạn chế trong việc khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân

Từ việc tìm ra nguyên nhân như trên, chúng tôi muốn đưa ra một số đề xuất như sau:

Đối với hạn chế trong việc giới thiệu giá trị của tài liệu các phông lưu trữ cá nhân: Các cơ quan lưu trữ cần có nhiều hình thức, biện pháp tích cực hơn để giới thiệu, quảng bá về các trung tâm Lưu trữ Quốc gia, cũng như khối tài liệu đang bảo quản tại đây, trong đó có tài liệu các phông lưu trữ cá nhân. Thời gian qua, Trung tâm III đã tổ chức một số cuộc trưng bày, triển lãm tài liệu cá nhân; đã đăng tải thông tin lên Website của Cục, đã có Sách chỉ dẫn. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các cơ quan lưu trữ cần có thêm nhiều bài viết tuyên truyền, giới thiệu đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; liên kết với các bảo tàng, trường học để thu hút thêm nhiều đoàn thăm quan, đi thực tế của học sinh, sinh viên; để tổ chức nhiều cuộc trưng bày, triển lãm quy mô lớn, thu hút được sự quan tâm của nhiều người hơn nữa.

Đối với hạn chế trong việc tiếp cận chủ sở hữu của tài liệu:

Một là, trong khi thực hiện quy định và chuyên môn, nghiệp vụ của mình, các cán bộ làm công tác lưu trữ nên có sự vận dụng linh hoạt hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế; bởi họ chính là cầu nối giữa chủ sở hữu tài liệu và độc giả. Theo chúng tôi, khi tiếp nhận tài liệu của các cá nhân, gia đình, dòng họ, các cán bộ làm công tác lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III nên khuyến khích, đề nghị các chủ sở hữu tài liệu cho Trung tâm được phép cung cấp một số thông tin liên quan đến họ (như tên, địa chỉ gia đình, cơ quan công tác...) cho những người có nhu cầu khai thác khối tài liệu này để những người này có cơ hội tiếp cận được với chủ sở hữu của tài liệu.

Hai là, các cán bộ lưu trữ, cụ thể là cán bộ được giao phụ trách bộ phận tài liệu xuất xứ cá nhân cần thường xuyên giữ mối liên hệ và cập nhật sự thay đổi thông tin của chủ sở hữu tài liệu cá nhân. Cùng với thời gian, nhiều thông tin về chủ sở hữu tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân cũng có sự thay đổi. Ví dụ, trong quá trình thực hiện đề tài, lần đầu tiên chúng tôi gặp GS Đặng Thanh Lê là ở ngôi nhà tại phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nhưng thời gian gần đây, bà đã chuyển về ở cùng con gái tại khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính. Do tuổi cao, sức khỏe suy yếu, bà đã chuyển quyền sở hữu khối tài liệu của cha mình (GS Đặng Thai Mai) cho em gái là bà Đặng Thị Hạnh. Khi chúng tôi mang thư tay của bà Đặng Thanh Lê đến Trung tâm III thì các cán bộ ở đây cũng mới biết đến sự thay đổi này. Nếu không làm tốt điều này thì ngay cả các cán bộ phụ trách tài liệu xuất xứ cá nhân cũng sẽ không có được thông tin về chủ sở hữu tài liệu. Điều này sẽ khiến cho cơ hội tiếp cận với chủ sở hữu cũng như tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của độc giả, các nhà nghiên cứu ngày càng khó khăn hơn.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi đã gặp gỡ trao đổi với chủ sở hữu của các phông lưu trữ cá nhân này. Chúng tôi đã gặp gỡ và trao đổi

với nhà nghiên cứu văn học Từ Sơn (con trai đầu của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh); ông Tôn Gia Huyên - nguyên là cán bộ Tổng Cục địa chất (con trai của cụ Tôn Quang Phiệt); ông Nguyễn Khánh Thái - cán bộ đã nghỉ hưu (con trai của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn); GS Đặng Thanh Lê - nguyên giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (con gái của GS Đặng Thai Mai) và GS Phạm Huy Dũng (em trai của GS Phạm Huy Thông). Chúng tôi đã trình bày nguyện vọng, lý do vì sao chúng tôi muốn khai thác khối tài liệu này cũng như mục đích, ý nghĩa đề tài luận văn thạc sỹ của mình. Họ đã vui vẻ viết thư gửi Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đồng ý cho chúng tôi được phép khai thác các khối tài liệu này.

Khi chúng tôi tìm gặp nhà nghiên cứu văn học Từ Sơn, ông đã tặng chúng tôi cuốn sách Hoài Thanh với khát vọng chân - thiện - mỹ (do Từ Sơn và Phan Hồng Giang biên soạn), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2000 và còn gợi ý tôi tìm đọc cuốn Hoài Thanh - Về tác gia và tác phẩm (Đoàn Đức Phương tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007) và sau này là một số cuốn sách mới xuất bản nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà văn Hoài Thanh. Từ Sơn còn nói: hiện nay, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III đang bảo quản một khối tài liệu rất có giá trị của nhiều cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trên nhiều lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, không có nhiều người biết đến khối tài liệu này cũng như giá trị của chúng. Vì vậy, theo ông, việc chúng tôi thực hiện đề tài này là rất có ý nghĩa. Khi chúng tôi gặp gỡ và trao đổi với ông Nguyễn Khánh Thái, ông nói: ông và gia đình rất hoan nghênh công việc nghiên cứu mà chúng tôi đang thực hiện. Công việc này không chỉ giúp xã hội biết đến một khối tài liệu có giá trị mà cha ông đã để lại và hiện đang được bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III; mà còn là một sự ghi nhận nữa về những cống hiến và đóng góp của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn đối với đất nước. Bên cạnh việc đồng ý cho chúng tôi khai thác khối tài liệu này, ông còn

kể cho chúng tôi nghe về nhiều điều trong cuộc đời của cha ông, một số kỷ niệm của ông về cha mình. Những câu chuyện của ông giúp chúng tôi có thêm nhiều hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động khoa học của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn.

Trong quá trình gặp gỡ và trao đổi với ông ông Tôn Gia Huyên, chúng tôi còn biết thêm một số thông tin lý thú. Ông Huyên nói khối tài liệu mà cho ông để lại, đang được Trung tâm lưu trữ Quốc gia III bảo quản có nhiều giá trị. Vì thế, nó cần được mọi người biết đến và cần được các nhà nghiên cứu khai thác, sử dụng trong nhiều công trình. Khi chúng tôi gặp gỡ với GS Đặng Thanh Lê, bà đã vui vẻ đồng ý cho và viết thư cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III để tôi được đến đọc tài liệu. Bà còn cho tôi địa chỉ, thông tin của em trai mình (là PGS Đặng Thai Hoàng) để chúng tôi có thể liên lạc phòng khi chúng tôi không liên lạc được với bà. Khi chúng tôi gặp gỡ GS Phạm Huy Dũng (giáo sư Trường Đại học Y Hà Nội, Phó Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Thăng Long), ông đã rất vui vẻ đồng ý cho chúng tôi khai thác khối tài liệu trong phông của GS Phạm Huy Thông. Ông còn cung cấp cho chúng tôi nhiều thông tin về các nghiên cứu của anh trai mình.

Chúng tôi không gặp nhiều khó khăn trong việc thuyết phục chủ sở hữu của các phông lưu trữ cá nhân này đồng ý cho chúng tôi nghiên cứu tài liệu. Gia đình của các cá nhân mà chúng tôi đã gặp đều cho rằng những khối tài liệu này có giá trị cao, cần được bảo quản tốt và cần được khai thác, sử dụng phục vụ các mục đích khác nhau.

Tiểu kết chương 3: Tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân ghi chép chân thực thân thế và sự nghiệp của các cá nhân. Vì họ đều đã từng đảm nhận những vị trí, chức danh, công việc quan trọng trong Bộ máy nhà nước, trong các tổ chức chính trị và nhiều ngành hoạt động nên tài liệu trong phông cá nhân của họ có nhiều ý nghĩa. Qua việc nghiên cứu các phông lưu trữ cá nhân

của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai, đồng chí Tôn Quang Phiệt, nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh, GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông và GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, chúng ta có thể khẳng định tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân là những nguồn tư liệu có giá trị cao, có thể được khai thác sử dụng với nhiều mục đích khác nhau.

Qua khảo sát thực tế, các phông này đã được khai thác, sử dụng vào các mục đích như: phục vụ nhu cầu nghiên cứu của các nhà khoa học, phục vụ viết bài cho tạp chí, cung cấp tư liệu để xây dựng các tuyển tập, phục vụ triển lãm... Tuy nhiên, số lượng và các mục đích khai thác sử dụng trong thực tế thời gian qua vẫn còn khá khiêm tốn so với giá trị của khối tài liệu này. Chúng tôi nhận thấy nhiều nhu cầu, mục đích khai thác, sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân sẽ còn xuất hiện trong thời gian tới. Chúng tôi mong rằng với những biện pháp khắc phục hạn chế trong việc khai thác sử dụng tài liệu nêu trên, khối tài liệu này sẽ ngày càng được khai thác, sử dụng với nhiều mục đích hơn; khi đó giá trị của tài liệu sẽ ngày càng được nâng cao.

KẾT LUẬN

Ngày 02 tháng 3 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg về việc tăng cường và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ. Theo Chỉ thị này thì hiện nay: "Một số cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác lưu trữ và giá trị của tài liệu lưu trữ (...); việc xây dựng, bố trí kho tàng để bảo vệ, bảo quản an toàn tài liệu và đầu tư kinh phí để phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác lưu trữ còn nhiều hạn chế; công tác quản lý, khai thác giá trị tài liệu lưu trữ chưa được phát huy đầy đủ để phục vụ có hiệu quả hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lịch sử". Như vậy, chúng ta có thể thấy một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác lưu trữ trong thời gian này cũng như trong những giai đoạn tiếp theo là phải làm sao để có thể bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ.

Hiện nay, ở nước ta có 4 Trung tâm Lưu trữ quốc gia (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, II, III và IV). Các Trung tâm Lưu trữ này đang bảo quản một khối tài liệu lưu trữ có giá trị rất cao. Đây là di sản quý giá của quốc gia. Nhiều tài liệu trong số đó có giá trị sử liệu và có ý nghĩa to lớn trong việc nghiên cứu. Chúng đang ngày càng đóng góp nhiều hơn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thành phần tài liệu được bảo quản tại các trung tâm lưu trữ có một loại phông lưu trữ đặc biệt là phông lưu trữ cá nhân của những cá nhân xuất sắc hay có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực văn học nghệ, hoạt động chính trị xã hội, hoạt động khoa học... Trong các phông cá nhân này, phần lớn tài liệu được bảo quản đều là bản gốc (bản thảo, bản viết tay của tác giả), bản đánh máy có chữ ký và bút tích của các tác giả. Vì thế, chúng có giá trị và độ tin cậy cao, rất cần được khai thác và sử dụng trong các mục đích nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên qua khảo sát thực tế, chúng tôi

nhận thấy số lượng khai thác các phông này còn ít, mục đích khai thác còn chưa đa dạng, hiệu quả thu được cũng chưa cao.

Qua việc khảo sát, nghiên cứu các phông lưu trữ cá nhân hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, chúng tôi càng thấy được giá trị, ý nghĩa to lớn của tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu xuất xứ cá nhân nói riêng trong đời sống xã hội. Là học viên cao học theo học chuyên ngành Lưu trữ học, chúng tôi càng nhận thấy bản thân phải có trách nhiệm "bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ" vì đây là di sản của dân tộc có giá trị đặc biệt đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Vì thế, chúng tôi đã đưa ra một số đề xuất để việc tiếp cận, khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân trở nên dễ dàng, có hiệu quả hơn.

Trong khuôn khổ phạm vi nghiên cứu của đề tài, những nội dung nghiên cứu trên chỉ là những nghiên cứu bước đầu. Bên cạnh đó còn có nhiều vấn đề cần tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu trong thời gian tới. Chúng tôi cũng rất mong vấn đề khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ cá nhân sẽ nhận được sự quan tâm của các nhà quản lý, các cơ quan có trách nhiệm, cũng như các nhà nghiên cứu để khối tài liệu này có thể phát huy hết giá trị của chúng phục vụ cho đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU LƯU TRỮ

I. Phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai:

1. Đặng Thai Mai: Bài viết được đăng trên các báo: Văn nghệ, Người Giáo viên, Nhân dân, Tác phẩm mới, Tạp chí Văn học từ năm 1956 - 1984, hồ sơ số 137.
2. Đặng Thai Mai: Bài viết tản mạn về Hồi ký và viết hồi ký, hồ sơ số 03.
3. Đặng Thai Mai: Bản thảo cuốn nghiên cứu về "Văn thơ Phan Bội Châu", hồ sơ số 99.
4. Đặng Thai Mai: Bản thảo nháp những vấn đề nghiên cứu về văn học nghệ thuật Việt Nam, hồ sơ số 99.
5. Đặng Thai Mai: Giảng văn Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm, Ấn thư tư tưởng, Thanh Hóa, 1950.
6. Đặng Thai Mai: Điều kiện chủ quan trong công trình sáng tác, hồ sơ số 24.
7. Đặng Thai Mai: Ghi chép về Đoàn Thị Điểm và tác phẩm "Chinh phụ ngâm", hồ sơ số 54.
8. Đặng Thai Mai: Giảng văn Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm của GS Đặng Thai Mai, in tại ấn thư tư tưởng, Thanh Hóa, 1950, hồ sơ số 92.
9. Đặng Thai Mai: Hồi ký "Quá trình rèn luyện nghề viết văn của tôi", hồ sơ số 07.
10. Đặng Thai Mai: Lỗ Tấn, gương tranh đấu, Báo Văn nghệ, số 143, hồ sơ số 137.
11. Đặng Thai Mai: Nghiên cứu về "Tình hình xã hội và văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945 ", hồ sơ số 60.
12. Đặng Thai Mai: Sổ ghi chép, tập 01, hồ sơ số 14.
13. Đặng Thai Mai: Văn thơ Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX, NXB Văn hóa, 1961 (kèm bản viết tay), hồ sơ số 94.

14. Đặng Thai Mai: Về việc dạy văn học nhà trường, hồ sơ số 42.
15. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III: Mục lục hồ sơ tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của GS nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai.
16. Name card, tờ khai xin thị thực, giấy khai hải quan và một số giấy tờ của GD Đặng Thai Mai, hồ sơ số 01.

II. Phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt:

17. Bản báo cáo công tác của Ban Thường trực Quốc hội năm 1952, hồ sơ số 30.
18. Bản dự thảo báo cáo tình hình và công tác chi bộ Quốc hội trong 6 tháng cuối năm 1957, hồ sơ số 21.
19. Dự thảo báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội tại kỳ họp thứ 4 nước VNDCCH khóa I tháng 3-1955, hồ sơ số 51.
20. Tôn Quang Phiệt: Bản báo cáo thành tích công tác trong 8 năm kháng chiến năm 1954, hồ sơ số 04.
21. Tôn Quang Phiệt: Bản góp ý về việc xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức Quốc hội ngày 08-11-1956, hồ sơ số 74.
22. Tôn Quang Phiệt: Bản thảo bài nói chuyện nhân dịp ngày toàn Á Phi đoàn kết với Angiêri tại Câu lạc bộ Thống Nhất ngày 30-3-1958, hồ sơ số 154.
23. Tôn Quang Phiệt: Bản thảo bài viết "Trên đường đấu tranh của nhân dân Việt Nam", năm 1948, ĐVBQ số 254.
24. Tôn Quang Phiệt: Bản thảo tác phẩm "Sau những đấu tranh bền bỉ và lâu dài, người nông dân Việt Nam đã trông thấy con đường thắng lợi", hồ sơ số 255.
25. Tôn Quang Phiệt: Lý lịch đảng viên khai năm 1952, hồ sơ số 01.
26. Tôn Quang Phiệt: Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, hồ sơ số 275
27. Tôn Quang Phiệt: Thư gửi đồng chí Lê Văn Lương nói về lý do và nội dung đồng chí Trường Chinh tuyên bố truy nhận đồng chí Tôn Quang Phiệt vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1953, hồ sơ số 11.
28. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III: Mục lục hồ sơ tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của đồng chí Tôn Quang Phiệt.

III. Phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh:

29. Biên bản sinh hoạt lý luận phê bình trao đổi về thơ Bác ngày 2-10 và ngày 7-11 năm 1969 (gồm nhiều người tham gia: Hoài Thanh, Khương Hữu Dung, Hồng Phương, Ngô Linh Ngọc, Khái Vinh, Hà Minh Đức...), hồ sơ số 35.
30. Hoài Thanh: Bài phát biểu về công tác phê bình văn học tại Đại hội các nhà văn lần thứ 2 tháng 01-1963, hồ sơ số 76.
31. Hoài Thanh: Bài tham luận "Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu văn học của ta" tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 3, tháng 11-1962, hồ sơ số 74.
32. Hoài Thanh: Bài viết về phong trào Thơ Mới và quyển Thi nhân Việt Nam, tháng 11-1964, hồ sơ số 81.
33. Hoài Thanh: Đề cương bài nói chuyện nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-1966, hồ sơ số 19.
34. Hoài Thanh: Một số nét lớn về văn học Việt Nam, hồ sơ số 92.
35. Hoài Thanh: Một vài nét về con người Bác qua thơ Bác, bài nói chuyện ở Sở Giáo dục ngày 12-5-1967 và ở Bộ Tư lệnh phòng không ngày 18-5-1967, hồ sơ số 20.
36. Hoài Thanh: Một vài suy nghĩ về thơ, hồ sơ số 108.
37. Hoài Thanh: Học tập Bác qua thơ Bác, Tác phẩm mới tháng 5-1970, hồ sơ số 23.
38. Hoài Thanh: Ôn lại một ít đoạn văn thơ Hồ Chủ tịch, Báo Văn nghệ số 72 ngày 31-5-1955, hồ sơ số 16.
39. Hoài Thanh: Thơ Sóng Hồng và những bản nhận xét, góp ý của Sóng Hồng (Trường Chinh) cho các bản thảo của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh năm 1969, hồ sơ số 41.

40. Tài liệu về tiểu sử của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh năm 1958 - 1982, hồ sơ số 01.

41. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III: Mục lục hồ sơ tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh.

IV. Phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông:

42. Bản tóm tắt lý lịch của GS Phạm Huy Thông, hồ sơ số 01.

43. Phạm Huy Thông: Bản báo cáo thành tích trong công tác xây dựng ngành khảo cổ học Việt Nam và trong hợp tác khoa học khảo cổ với Cộng hòa Dân chủ Đức, hồ sơ số 04.

44. Phạm Huy Thông: Đất nước các vua Hùng: Một trung tâm văn minh, hồ sơ số 148.

45. Phạm Huy Thông: Ghi chép tại Hội nghị khoa học về «Trống đồng Việt Nam» ngày 21/02/1985, hồ sơ số 158.

46. Phạm Huy Thông: Hang Con Moong: Một bước ngoặt của văn minh (nhân khai quật ở Vườn quốc gia Cúc Phương), hồ sơ số 47.

47. Phạm Huy Thông: Khảo cổ học và thời kỳ Hùng Vương trong lịch sử dân tộc, hồ sơ 143.

48. Phạm Huy Thông: Khoa học, dân tộc, đại chúng - Những tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học Việt, hồ sơ số 254.

49. Phạm Huy Thông: Thừa khai sinh nền văn minh Việt Nam: Văn hóa khảo cổ Đông Sơn, hồ sơ số 161.

50. Phạm Huy Thông: Tìm hiểu thời Hùng Vương dựng nước, một hành trình khoa học đầy thơ mộng, Báo Văn nghệ năm 1972, hồ sơ số 135.

51. Phạm Huy Thông: Tóm tắt báo cáo tham luận về Hang Con Moong, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam tại Hội nghị UISPP lần thứ 9 được tổ chức tại Nice, Pháp, hồ sơ số 49.

52. Phạm Huy Thông: Tổng kết sơ bộ về hoạt động khảo cổ ở Việt Nam, Báo Thông tấn xã Việt Nam ngày 02/9/1976, hồ sơ số 17.

53. Phạm Huy Thông: Văn hóa Hòa Bình: Một bước tiến vĩ đại của con người, hồ sơ số 29.

54. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III: Mục lục hồ sơ tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của GS.TS.VS lịch sử - xã hội học Phạm Huy Thông.

V. Phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn:

55. Tập tiểu sử, lý lịch của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn, ĐVBQ số 01.

56. Bùi Đình Thanh: Người gắn bó với Khoa học xã hội và Nhân văn Việt Nam (Kỷ niệm 10 năm ngày mất của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn), Báo Xưa nay, số 153, tháng 12/2003, ĐVBQ số 863.

57. Nguyễn Cảnh Toàn: Nguyễn Khánh Toàn, kiến trúc sư những thắng lợi trong giai đoạn đầu của sự nghiệp giáo dục cách mạng ở nước ta, Báo Giáo dục và Thời đại, số 99/1430, ngày 10 tháng 12 năm 1996, ĐVBQ số 825.

58. Nguyễn Khánh Toàn: Bài viết nhân lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1980), ĐVBQ số 376.

59. Nguyễn Khánh Toàn: Bản gợi ý về lề lối làm việc và phương hướng phát triển của các ngành khoa học xã hội năm 1967, ĐVBQ số 27.

60. Nguyễn Khánh Toàn: Bản góp ý cho dự thảo báo cáo về cải cách giáo dục phổ thông của Ban Nghiên cứu cải cách giáo dục phổ thông năm 1971, bản viết tay của tác giả (kèm theo báo cáo của Ban Nghiên cứu cải cách giáo dục), ĐVBQ số 68.

61. Nguyễn Khánh Toàn: Giáo dục kháng chiến, ĐVBQ số 179.

62. Nguyễn Khánh Toàn: Hồi ký viết về thời thơ ấu đến năm 1925, ĐVBQ số 84.

63. Nguyễn Khánh Toàn: Mấy bài học kinh nghiệm của ngành giáo dục Việt Nam 20 năm qua, Tạp chí Học tập số 12/1965, ĐVBQ số 223.
64. Nguyễn Khánh Toàn: Một cuộc cải cách lớn về giáo dục năm 1950, ĐVBQ số 186.
65. Nguyễn Khánh Toàn: Phát biểu về công tác xây dựng Đảng năm 1970, ĐVBQ số 374.
66. Nguyễn Khánh Toàn: Thiên tài của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, năm 1960, ĐVBQ số 320.
67. Nguyễn Khánh Toàn: Tình hình năm 1961 và sự hoạt động của các ngành Khoa học Xã hội, phương hướng hoạt động trong kế hoạch 5 năm và năm 1962, ĐVBQ số 24.
68. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III: Mục lục hồ sơ tài liệu trong Phông lưu trữ cá nhân của GS.VS Nguyễn Khánh Toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

69. Đinh Ngọc Bảo, Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu…,Trần Khánh Thành tuyển chọn và giới thiệu (2007), *Đặng Thai Mai - Về tác giả và tác phẩm*, Nhà xuất bản (Nxb) Giáo dục, Hà Nội.
70. Đào Ngọc Bích tuyển chọn và biên soạn (2002), *Nguyễn Khánh Toàn năm tháng, cuộc đời*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
71. Trung Ngọc Châu, Nguyễn Thị Thùy Linh (2007), *Bước đầu tìm hiểu về tài liệu lưu trữ nhân dân*, BCKH tại Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ XI, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.
72. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg của ngày 02 tháng 3 năm 2007 về việc tăng cường và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ*, Hà Nội.

73. Nguyễn Lan Chiên (2005), *Công tác bổ sung tài liệu Phông lưu trữ cá nhân tại trung tâm lưu trữ Quốc gia III nhận xét và kiến nghị*, khóa luận tốt nghiệp cử nhân khoa học ngành Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.

74. Trương Chính giới thiệu (1982), *Tuyển tập Hoài Thanh*, Tập I, Nxb Văn học, Hà Nội.

75. Đào Xuân Chúc, Nguyễn Văn Hàm, Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Thâm (1990), *Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.

76. Phạm Bích Hải (1999), Hoài Thanh và những tài liệu sáng tác văn học của ông đang bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ*, (số 5).

77. Phạm Bích Hải (2007), Một số nét về công tác lưu trữ tài liệu xuất xứ cá nhân trong thời gian qua, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ*, (số 9).

78. Nhật Hồng (2005), Nguyễn Khánh Toàn: nhà khoa học xã hội lớn, *Tạp chí Toàn cảnh dư luận*, (số 181).

79. Phạm Hồng, Nguyễn Mạnh Hảo, Phong Lê (2002), *Những người cùng thời*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

80. Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Hoàng Xuân Chinh, *Hội thảo kỷ niệm 80 năm ngày sinh cố GS Viện sĩ Phạm Huy Thông* (1916 - 1996), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

81. Phạm Thị Hồng Liên (1999), *Vấn đề thu thập và quản lý tài liệu Phông lưu trữ cá nhân của Trung tâm Lưu trữ quốc gia III*, khóa luận tốt nghiệp cử nhân khoa học ngành Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.

82. Lời điếu đồng chí Tôn Quang Phiệt, *Báo Nhân dân*, (số 7106 ngày 5 tháng 12 năm 1973).

83. Quốc hội (2012), *Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 01-7-2012*, Hà Nội.

84. Phạm Thị Ngân (2009), *Giá trị sử liệu của một số phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III*, BCKH dự thi Giải thưởng "Sinh viên Nghiên cứu khoa học" do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, Hà Nội.

85. Phạm Thị Ngân (2010), *Giá trị, ý nghĩa của tài liệu xuất xứ cá nhân - những biện pháp tiếp cận và quản lý nhằm phát huy giá trị của chúng*, khóa luận tốt nghiệp cử nhân khoa học ngành Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.

86. Phạm Thị Ngân (2009), *Phông lưu trữ cá nhân của nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh - nguồn sử liệu về tinh thần học tập tấm gương Hồ Chí Minh*, BCKH tại Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ XIII, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.

87. Phạm Thị Ngân (2010), *Tìm hiểu những quy định trong pháp luật của một số nước về tài liệu lưu trữ cá nhân*, BCKH tại Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ XIV, Tư liệu Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Hà Nội.

88. Chính phủ (2013), *Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ*, Hà Nội.

89. Đoàn Đức Phương tuyển chọn và giới thiệu (2007) *Hoài Thanh - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

90. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định 644/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2012 phê duyệt nội dung Đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam*, Hà Nội.

91. Từ Sơn, Phan Hồng Giang biên soạn (2000), *Hoài Thanh với khát vọng chân - thiện - mỹ*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.

92. Từ Sơn sưu tầm và biên soạn (1998), *Toàn tập Hoài Thanh*, Tập I, Nxb Văn học, Hà Nội.
93. Chương Thâu (2003), *Góp phần tìm hiểu một số nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
94. Minh Văn (1992), Lưu trữ tài liệu văn học nghệ thuật qua chặng đường hình thành và phát triển, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ*, (số 1).
95. Minh Văn (1986), Bước đầu tìm hiểu vị trí, ý nghĩa của tài liệu văn học nghệ thuật trong phông lưu trữ quốc gia, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ*, (số 1).
96. Minh Văn (2000), *Về khối tài liệu của các cá nhân được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hiện bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III*, Tạp chí Văn thư - Lưu trữ, (số 4).

Bản sao
TTLTQG III

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

PHÔNG: Giáo sư, Nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai

HỒ SƠ

Bản thảo cuốn sách nghiên cứu về "Văn thơ Phan Bội Châu" của Giáo sư Đặng Thai Mai

Từ ngày ..... đến ngày .....

Gồm 171 tờ

Phông số.....

Mục lục số.....

Hồ sơ số 99

THỜI HẠN BẢO QUẢN

Vĩnh viễn

Bản sao
TTLTQG III

yêu nhân dân Việt-nam. Ghét quân thực dân cướp nước với lũ tôi đòi của chúng. Và cả một pho tượng tượng rất đẹp đẽ : tiền đồ của nước Việt-nam nhất định sẽ độc lập, thống nhất và vinh quang.

Nhiều người đã nói đến tác động của văn thơ Phan Bội Châu. Tình cảm và tưởng tượng của nhà thi sĩ đã quyến dỗ, khuyến khích, thúc dục mấy thế hệ độc giả, xô đẩy họ, kêu gọi họ lên đường tranh đấu. Vào khoảng hai mươi năm đầu thế kỷ này, chỉ vì đọc Phan Bội Châu mà hàng nghìn thanh niên đã cắt cụt tóc bím, vất hết sách vở văn chương nghề cử tử cùng cái mộng công danh nhục nhã gắn trên đó, lìa bỏ làng mạc, nhà cửa vợ con, rồi băng ngàn, lội nước, bất chấp mọi nỗi đói thiếu, nguy hiểm, khó sở, để qua Xiêm, qua Tàu, qua Nhật mà học hỏi và trù tính việc đánh Tây. Đó là một thành công vĩ đại. Đó là một điều mà lịch sử sẽ ghi nhớ. Đầu thế kỷ này, có những vần thơ, những bài văn đã làm cho người nghe cảm hờn, suy nghĩ và phấn khởi..... "vạch giời xanh mà tuốt gươm ra". Phan Bội Châu là một người đã dẫn đầu và thành công rõ rệt hơn ai hết về lối thơ ca yêu nước đó. Xét về mặt đó, Phan Bội Châu có thể xem như là nhà văn, nhà thi sĩ đầu tiên, đã sáng tác theo tinh thần (tôi không nói : theo phương pháp) lãng mạn cách mạng trong văn học nước nhà.

Tinh thần lãng mạn cách mạng là đặc điểm và cũng là phần thành công, là giá trị của văn thơ Phan Sào Nam. Một lối nhận định nông nổi gần đây trong văn học là cho rằng văn lãng mạn, toàn thể văn học lãng mạn - phải đem ném vào một sọt với nhau, không có gì là đáng để ý. Đây là một quan điểm quá khích. Chúng ta chỉ nên xem nó là một phản ứng để chống lại một quan điểm phê bình văn học rất nguy hiểm và cũng đã khá thịnh hành trong giới văn nghệ sĩ tiểu tư sản. Quan điểm phản động đó cho rằng : ngoài văn thơ lãng mạn, cốt yếu là chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực theo tinh thần cá nhân chủ nghĩa cực đoan ra thì không thể có thứ văn thơ nào khác. Quan điểm nghệ thuật bịnh hoạn ấy đã hướng dẫn văn thơ đi tới chỗ thở than khóc lóc,

Bản sao
TTLTQG III

trong tình yêu ủy mị; đầm đìa những giọt lệ chua cay của chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối, ích kỷ; hững hờ trước mọi vấn đề sinh tử, tồn vong của nước nhà, với cuộc tranh đấu của giai cấp cần lao, của phần tối đại đa số và phần ưu tú nhất của giống người; dửng dưng với đau khổ của nhân loại, bất lực trước những nỗi bất bình trong cuộc thế, để lại đầu vào cái khoái lạc khét rẹt những mùi nhục dục đồi trụy nếu không đi vào cõi viển vông của một thiên đường giả dối, hay một "dã dài" lố nhố những bóng "ma làm loạn", nếu không đi tới chỗ "kín mít" vào chỗ bế tắc - của quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật : chỉ có thằng tôi và cái "nghệ thuật" vô dụng của thằng tôi là cao siêu nhất ! đẹp đẽ nhất ! Chính quan điểm sai lầm như thế đã xuốc lên luồng phản ứng quá "tả" trên kia.

Sự thực thì dòng văn học lãng mạn phải đâu chỉ hoàn toàn là một loại văn ươn.hèn, đau yếu, sặc sụa một mùi khổ ải, tuyệt vọng, và chết chóc ! Có một lối văn lãng mạn vẫn được nhân dân yêu chuộng, là vì nó xuất phát từ một cơ sở hiện thực, từ một tình yêu vĩ đại : yêu dân tộc, yêu Tổ quốc, yêu nhân loại trong phần ưu tú nhất của nhân loại; từ một nỗi ghét chính đáng : ghét cái giả dối, hống hách, sự bóc lột, áp chế vô nhân đạo của bọn thiểu số ích kỷ, tàn ác, thù địch của nhân loại chân chính. Văn lãng mạn đó cũng có tác dụng tố cáo cái hiện thực xấu xa cần phải tiêu diệt. Cao hơn một mức nữa, và cũng xuất phát từ tình hình đấu tranh, văn lãng mạn tích cực còn có thể hé cho người đời một chân giời mới, một hi vọng đẹp đẽ, để củng cố lòng tin vào sự sống, vào tương lai, và do đó mà bồi dưỡng cho con người một tinh thần lạc quan, đối với cõi sống, và một ý chí tranh đấu kiên cường, bất chấp mọi nguy hiểm thực tế. Văn bản hiện thực, và tinh thần tích cực là giá trị chân chính của văn học cách mạng lãng mạn. Văn thơ của Phan Bội Nam, trong một thời kỳ, quả có những yếu tố trữ tình hiện thực và tích cực đó. Nó là của nhân dân, nó phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân, nó góp sức vào cuộc tranh đấu cho dân tộc. Trong những thời kỳ mà con người cần hi vọng, cần giữ vững lòng tin tưởng ở tương lai, ở mình, ở đồng loại,

Bản sao
TTLTQG III

khi con người cần có đủ nghị lực để "thực hiện những kỳ tích thần thánh" với bàn tay và tâm trí của con người, văn học lãng mạn cách mạng có một ý nghĩa tiến bộ. Đối với tâm hồn của con người, nó có tác dụng thúc dục mọi người cố gắng, bằng những vần thơ những hình tượng kích thích, quyến dỗ..... tiến lên ! tiến lên mãi ! Thiên đường trong cõi người chỉ có thể xây dựng với thiện chí của những con người quyết tâm hi sinh vì yêu cái đẹp của chân lý, vì muốn thực hiện chân lý. Giá trị của văn thơ Phan Bội Châu là ở chỗ đó.

Nói như vậy không phải nói là trong toàn bộ văn chương của Phan Bội Châu không có khá nhiều nhược điểm. Vận mạng của thơ Phan Bội Châu chứng minh điều đó. Có một thời kỳ, người trong nước, cũng như kiều bào "hải ngoại" đã khoái chá, ân cần truyền tụng cùng nhau từng vần thơ, từng câu văn của Phan Bội Châu. Cả một thế hệ thanh niên sung sướng nhận thấy trong đó một tia hi vọng, một ngọn đuốc soi đường. Ấy là những bài thơ, những tập sách của Sào Nam viết trước khi bị bắt về nước. Nhưng từ 1925 về sau, đối với ba chữ tên Phan Sào Nam, quốc dân vẫn quý mến; những phần tử ưu tú trong đám thanh niên, vẫn nhìn thấy ở đấy một gương hi sinh, một tượng trưng cho tinh thần ái quốc. Thế mà thi ca, văn chương của nhà chí sĩ hồi này quả là có phần không được độc giả trong nước, đặc biệt là lớp độc giả thanh niên xem trọng lắm nữa. Trên một chương trên đây chúng tôi cũng đã có đả động đến vấn đề này. Tuy vậy, cũng cần nói rõ hơn những khuyết điểm chủ quan và những lý do khách quan đã gây nên sự cách biệt giữa độc giả với nhà chí sĩ.

Về phương diện hình thức, những ưu điểm vừa nêu trên đây tự nó cũng đã bao hàm ít nhiều khuyết điểm.

Vì văn thơ chữ Hán, Phan Bội Châu quả là một người lỗi lạc bậc nhất trong làng khoa bảng. Nhưng cũng chính vì vậy mà có một thời gian Phan Phan đã để ý đến sáng tác văn thơ chữ Hán nhiều hơn văn thơ tiếng Việt. Chúng tôi đã nói trong chương

Bản sao
TTLTQG III

trên những lý do có thể giải thích sự lựa chọn từ ngữ ngước ngoài để diễn đạt tư tưởng cách mạng Việt-nam : Phan là một nhà văn quen cầm bút lông hơn bút sắt; Phan sáng tác văn chương trong hoàn cảnh một nhà chí sĩ bôn ba ở ngoại quốc, không có phương tiện ấn loát chữ quốc ngữ; Phan nhằm đối tượng đọc giả chính trong đám nhà nho và không biết rằng sau 1910 thì chữ Nho ở trong nước không còn là phương tiện chính để truyền đạt tư tưởng nữa. Bấy nhiêu lý do kể cũng dễ hiểu. Tuy vậy, một sự thực vẫn tồn tại là từ 1913-1914 về sau thì lớp thanh niên học sinh tiểu tư sản trong nước càng ngày lại càng xa cách với văn chương Phan Bào Nam. Bọn đế quốc và tôi tớ của chúng đã đem hết thế lực thống trị của chúng ra mà cấm chỉ truyền bá văn thơ Phan Bội Châu. Trường học của chúng sẽ đem chữ Pháp, đem văn học Pháp để thay thế cho chữ Nho và chữ Quốc-ngữ. Học sinh thanh niên Việt-nam trong một thời gian sẽ bị quyến dỗ bởi cái mà bọn "trí thức mãi bản" vẫn tuyên truyền là "quốc hồn quốc túy" trong các bài văn viết bằng quốc-ngữ của Phạm Quỳnh và đồ đệ của y. Một mặt nữa, trực tiếp trong các lớp học và gián tiếp qua các sách vở dịch thuật báo chí, các hoạt động văn nghệ, chính sách thực dân đã có thể dùng đủ mọi phương tiện để thủ tiêu ảnh hưởng của chữ Nho đối với văn học nước nhà. Lớp thanh niên trí thức thời đại mới sẽ cảm thấy rằng : văn thơ phú lục quả tình là một lối chơi quá cũ kỹ rồi ! Những "danh từ mới" của thời đại mươi mười lăm năm trước hồi nầy nghe ra cũng không có gì là "lạ tai" nữa, mà có kẻ lại cho là gần dở nữa là khác ! Trong khi đó, thì dần dần trong tiếng nói Việt-nam, khi nói đến những khái niệm khoa học, nghệ thuật, chính trị, trước kia ta vay mượn của Trung-quốc (ít ra các từ ngữ đó cũng còn có cái lợi là do những tiếng đơn âm ghép lại !) thì ngày nay nó chỉ đi vào đầu óc và qua cửa miệng người trí thức Việt-nam bằng những từ ngữ tiếng Pháp ! Ối thế thôi đâu ! Dần dần kỹ thuật, phương pháp nghệ thuật và tư tưởng phương Tây, với các hào nhoáng và phần nào cái minh bạch và khúc chiết của nó sẽ làm cho người ta chán với cái gò bó, lắt léo, trong hình thức văn chương cổ từ ngày xưa ! Giữa lại lối văn nghệ

Bản sao
TTLTQG III

đều vay mượn ở ngoài, hồi này, lớp trí thức tiểu tư sản Việt-nam phần lớn đã chọn hẳn con đường "âu hóa" và càng ngày càng đâm đầu vào cái "cống hôm" đó ! Cái mà họ cho là "cao" trong tư tưởng, trong kỹ thuật văn nghệ (sĩ) là những cái hoặc đã cũ rích như chủ nghĩa lãng mạn ốm yếu tiêu cực, hoặc vô nghĩa lý như lối chủ nghĩa tượng trưng Pháp trong những hình thức quái gở mà bọn tư sản phương Tây vẫn hết sức đề cao và đem phổ biến khá rộng rãi trên đất Nước "đã có bốn nghìn năm văn hiến" này!

Rồi đến ngày Sào Nam bị bắt về nước. Trong thời gian mười lăm năm cuối đời người, nhà chí sĩ nhìn rõ yêu cầu của thời đại mới và cũng chú ý viết tiếng Việt nhiều hơn. Tuy vậy, Phan Sào Nam cũng vẫn không dứt tình được với lối thơ Đường, và lối văn biền ngẫu. Đó vẫn là một trạng thái lạc hậu đối với thời đại. Từ 1928 giờ đi thì văn mới thơ mới dần dần sẽ ngự trị trên văn đàn của giai cấp tiểu tư sản. Xu hướng mới đó, quả tình có bao hàm một tính chất hèn yếu : ấy là cái thái độ phục sát đất trước hình thức kỹ thuật phương Tây. Nhưng muốn chống lại xu hướng đó, thì giờ về với thơ Đường, với văn biền ngẫu quyết không thể có công hiệu được ! Nghệ thuật "cổ điển" đó trước cặp mắt của thời đại, có vẻ cổ lỗ quá rồi ! Với những quy luật gò bó của nó, tư tưởng của thời đại cảm thấy bị thúc phược quá nhiều và không thể dùng nó làm phương tiện diễn đạt được nội dung mới nữa. Từ liệu và khuyên sáo của nó hồi này cũng ít ai hiểu. Đó cũng là một lý do mà trong mười mấy năm đó, khi nói đến văn học không ai nhắc đến tên tuổi Phan Sào Nam.

Hồi đó, dưới đầu đề "Quảng cáo bán văn chương", Phan Sào Nam có viết những câu như là :

"Thưa các anh em, các chị em,
"Chữ tôi hay lắm chẳng ai thèm,
"Lời e sao đỗ ngán người đọc,
"Đặt sợ sông xiêu ít kẻ xem...!
".....(1)

Thiệt "không còn giời đất gì nữa !". Đáng buồn ! Nhưng nào phải là trước sức tiến của văn mới và thơ mới, Phan Sào Nam,

(1) Phan Sào Nam Thi Tập q. I - Bản thảo, chưa xuất bản.

Bản sao
TTLTQG III

III

(1)

ĐIỀU KIỆN CHỦ QUAN TRONG CÔNG TRÌNH SÁNG TÁC

của Đặng Thai Mai

Nói đến văn nghệ là phải nói đến sáng tác, là phải nghĩ đến giá trị của sáng tác.

Không có tác phẩm thì cũng không thể có văn nghệ. Không có những tác phẩm thành công thì văn nghệ chỉ là một hy vọng, chưa phải là một sự thực.

Sự thành công trong văn nghệ sưa nay vẫn yêu cầu những điều kiện khách quan và chủ quan thuận tiện cho sự phát triển của thiên tài và nghệ thuật.

Cuộc hội nghị của chúng ta lần này cũng sẽ có dịp thảo luận về đề án của ông bạn Xuân Sanh về vấn đề đó.

Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ tóm tắt một vài ý kiến mà chúng tôi đa có dịp nói đến trước đây hoặc những bài thảo luận khác.

Đại khái chúng ta có thể nói rằng : lịch sử tranh đấu của dân tộc đa cung cấp cho văn nghệ si những đề tài mới, những chủ đề rất rời rạc, một lớp sống chưng mới. nhưng trong tình thế tác chiến ngay nay nghệ thuật cung vấp phải rất nhiều trở lực khach quan. Ông Tô Ngọc Vân đã nêu ra một ít nhằm xét về mọi nỗi (1) khó khăn của hội họa trong hồi nay, chúng tôi cung phát biểu một vài ý nghĩa riêng về vấn đề thời gian, sự yên tĩnh và dụng cụ cần cho nghệ thuật. Theo ý chúng tôi thì lịch sự vẫn phải chịu một phần trách nhiệm trong cái khuyết điểm của thiên tài, nhưng một câu hoi cần phải nêu ra vẫn là: trong mọi trường hợp lịch sử, chu quan có thể khắc phục được một phần nào các trở lực khách quan hay không ? (2)

Trong công trình sáng tác văn nghệ chủ quan có một địa vị một công dụng rất quan trọng. Trước mọi sự thành công của văn học và nghệ thuật tương không ai có thể phủ nhận phần công lao cua ca tính cụa thiên tài. Trái lại một tác phẩm thất bại, thì trách nhiệm của tác gia cung không thể chối cãi được. Sự thành công của nghệ thuật bao giờ cũng phối hợp đề tài với kỹ thuật. Nói theo lời phê bình ngày nay thì đấy là sự thống nhất nội dung và hình thức. Một áng kiệt tác văn nghệ cũng là một hình tượng đẹp để biểu hiện một chân lý mỹ thuật hay là nói như các nhà giao: một thứ chân lý chủ quan, một thứ chân lý thực hơn sự thực.

Thự nhiên (sự thực) sản xuất bao nhiêu là màu sắc, bao nhiê nhiêu là hoa, bao nhiêu là dòng suối, bao nhiêu ngôi sao, bao nhiêu bộ mặt con người. Tuy vậy : hoa tàn, nước chảy, núi lở, sao băng cho đến cái đẹp của con người cũng vì tất cả mọi phương diện nưa nó cũng hiện ra một lúc rồi tiêu diệt mà thôi. Duy chỉ có hình thức mà nghệ thuật đã cung cấp cho sự thực là có thể để lại những hình ảnh lâu dài ! Nghệ thuật kháng chiến ngày nay của chúng ta nên chú ý đến cái đó. Hiện giờ đây, ngoài ta ra, ai hiểu, ai yêu, ai quý nghệ thuật của ta như ta không ? Và rồi đây khi hoa bình trở về với dân tộc, khi một thế hệ mới, đọc và xem tác phẩm của chúng ta ngày nay với những niềm thắc mắc mới, họ còn có rung động trước cái thắc mắc của chúng ta ngày nay như chúng ta ngày nay không ?

---

(1) Tạp chí tự do số 1 tháng 7 năm 1947
(2) Vài ý kiến về nghệ thuật - Đ.T.M - Cứu quốc khu IV

Bản sao
TTLTQG III

Trong cái điều kiện chủ quan cần thiết cho nghệ thuật, trước hết ta phai nói đến tình cảm. Tình cảm là xuất phát điểm trong công trình sáng tác. Văn nghệ phảo có phát sinh từ một tình cảm chắc chắn mới có thể có tác dụng đến tình cảm của công chúng. Giới hội họa còn nhớ câu chuyện Fra Angelico (1)mỗi một lực ngồi vẽ chúa cứu thế chết là là nước mắt lại lai láng. Thi sĩ Á Đông thường nói đến cảm xúc, đến cái rung động thành thực của buồng tim. Từ ngữ phê bình hiện đại có chữ thông cảm. Tâm trạng đó là một tâm trạng cần thiết cho nghệ thuật. Không thông cảm với đề tài, với công chúng, tác phẩm cũng không thể nào có những nét cảm động chan chứa dồi dào để gây ở tâm hồn công chúng cái mỹ cảm mà nghệ sĩ muốn truyền cho họ. Một nhà văn hào Pháp đa nói : "anh muốn làm cho tôi khóc, tự anh,anh phai khóc đã" chính là vì thế.

Tôi sã không nói rằng: văn nghệ sĩ khi sáng tác cho dân tộc kháng chiến cần phai có một lòng yêu nước, yêu dân tộc cho thành thực. Trong khi cả một dân tộc đang đem xương máu mà chuộc lại cái quyền sống thì nhà văn nghệ sĩ nào mà không cảm động, không yêu đương, buồn tủi, căm hờn, cố gắng chịu đựng và hy vọng với dân tộc ? Phai là một tâm hồn hư thối lắm mới nghĩ rằng: người ta không ai có những tình cảm cao quý . Phai là một nhân cách kiêu ngạo, ngu xuẩn lam mới đi hoài nghi tất cả mọi người.

Tôi chỉ muốn nói rằng: mối cảm tình yêu nước, yêu dân tộc đó, trong tâm hồn nhà nghệ sĩ phai nung đốt lên, ủ ấp vào cho nó nồng nàn thấm thía, mạnh mẽ hơn ở một tâm hồn nào hết. Tình cảm là chung cho cả mọi người mà nhà nghệ sĩ phai là đại biểu cho một đám công chúng, một thời đại. Tác phẩm của họ muốn là cái điển hình của cả một tầng lớp xãhội thì cảm tình của họ phải phản ánh được tất cả mầu sắc, tâm trạng của nhân quan của xã hội. Không có một cơ sở tình cảm thiết tha, sâu sắc, bền bỉ, thì nghệ thuật chỉ là một thứ rượu không có men.

Có nhiều người vẫn nghĩ rằng : trong công cuộc sáng tác văn nghệ lý tính không phai cần thiệp. Nói thế cũng không đúng. Đành rằng: khởi ở điểm của một tác phẩm thường thường vẫn là một sức động mạnh mẽ của một mối tình cảm sâu xa. Nhưng không thể nói rằng tác phẩm mỹ thuật không cần đến lý tính. Trước hết lý tính nhà sáng tác phai hoạt động trước khi suy nghĩ về đề tài, sắp đặt tư tưởng, phân tích tài liệu của cảm tình, của giác quan, nghiên cứu hình thức thích nghi cho một đề tài, vận dụng những kinh nghiệm về bút pháp ..... bấy nhiêu công việc đều không thể hoàn toàn phó mặc cảm hứng cho tình tự. Lý tính vẫn phai luôn luôn tỉnh táo để làm cho hình thức thích nghi với nội dung phân lượng cân xứng với ý tứ, mạch lạc phân minh trong một bài văn mầu sắc, âm điệu đều hòa, trong một bài thơ, một bức họa, một bản nhạc. Nói đến nội dung của tác phẩm thì một quan niệm đứng đắn về nhân sinh lại có quan hệ đặc biệt đến sự thành công của tác phẩm. Nếu ta nhận xét kỹ càng thì mỗi một tác phẩm văn ch chương mỹ thuật đều có một ý nghĩa xã hội, đều có gây dựng trên một nhân sinh quan. Thí dụ như vấn đề si tình trong thi ca trữ tình, trong văn học Pháp chẳng hạn quan niệm của Ronsard hay Du Bellay khác hẳn với Lafontaine hay Mohen và từ Mohen, La Fotaine cho đến Andre Gide trải qua Rousseau, Chateaubrillant, La Martine, Hugo, Musset, Vigni, Beaudelaire, Verlaine, Stephan Mallarme ..v.v..

(1) Tập kiệt tác đầu tiên của J.J Rousseau là một áng văn sản sản xuất trong một phút say sưa với một xã hội lý tưởng xa xăm.

Bản sao
TTLTQG III

... mỗi một thời đại, mỗi một văn sĩ, thi sĩ cũng đều có một quan niệm riêng về vấn đề đó. Trong văn nghệ kháng chiến ngày nay, nếu không có một nhân sinh quan chắc chắn thì nhà nghệ sĩ có thể lầm lẫn tinh thần dân tộc với tinh thần chủng tộc, hoà bình dân chủ với thuyết chủ ..... rồi nghệ thuật sẽ đưa đến những kết quả trái hẳn với ý muốn.

Cho nên sự thành công của nghệ thuật vẫn yêu cầu một nhân sinh quan lành mạnh, một hệ thống tư tưởng đứng đắn về vũ trụ, về nhân sinh và những kiến thức chắc chắn về kỹ thuật. Không có một hệ thống lý luận, một lập trường tư tưởng vững chắc, những bút pháp tinh xảo thì nghệ thuật cũng chập chững trên phần hình thức và bấp bênh trong nội dung.

Trong lĩnh vực nghệ thuật, thiên tài là một công cuộc tự tu luyện lâu dài. Cho nên nghệ thuật vẫn yêu cầu ở nghệ sĩ những đức tính cần thiết cho sự tu luyện.

Đức tính cần thiết là phải chịu khó, đừng bao giờ nản chí trước sự thất bại cũng như đừng bao giờ tự túc với một thành công đầu tiên quá dễ dàng.

Thù địch của tinh thần nghệ thuật là tính tự ái, tính kiêu căng.

Trong sinh hoạt nghệ thuật ngày nay, nhà nghệ sĩ cần phải có một tinh thần khiêm tốn, dám tự trì trích và chịu nghe lời phê bình. Không hại gì cho nghệ thuật bằng cái tính kiêu căng đưa mình đến chỗ nghĩ mình là ông thánh trong lĩnh vực của mình rồi nhắm mắt bịt tai không thèm nghe ai, học hỏi với ai nữa.

Vấn đề tập luyện phải là một vấn đề thường xuyên. Chúng ta cần suy nghĩ luôn luôn về vấn đề nghệ thuật, về nhân sinh quan, thế giới quan của chúng ta. Chúng ta lại cần kiểm điểm kỹ thuật của chúng ta với tất cả sự công bình của lý tính.

Lịch sử dân tộc đang giành cho văn nghệ một cơ hội vô cùng thuận tiện để phát triển nhân tài đến lên đến trình độ độc đáo. Sứ mạng của nghệ thuật dân tộc chúng ta ngày nay là một sứ mạng cao quý. Thành công hay không trách nhiệm phần lớn vẫn gác trên vai văn nghệ sĩ. Tính cách cao quý của sứ mạng đó không cho phép một ai được chần nản, cao đạo ngơ vực với mình, với công chúng, với nghệ thuật.

Sáng tác là bổn phận của toàn thể. Sáng tác cho thành công là trách nhiệm của mỗi người./.

Bản sao
TTLTQG III

KHẢO CỔ HỌC VÀ THỜI KỲ HÙNG VƯƠNG TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Phạm Duy Thông

Về ý nghĩa và tác dụng của khảo cổ học trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta, tạp chí Học tập đã có đề cập đến từ năm 1966 (1). Nhưng đó mới là lý luận, là nói về khả năng tiềm tàng của ngành khoa học trẻ tuổi, đầy sức sống đó. Từ năm 1967 đến nay, khảo cổ học đã chứng minh bằng thành tựu cụ thể năng lực hiện thực " có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc ta và những cống hiến quý báu vào kho tàng tri thức khảo cổ tiến bộ của thế giới" . Và như thế là đồng thời xác minh đường lối khoa học đúng đắn của Đảng ta, xác nhận dân tộc ta đã có một lịch sử và một nền văn hoá lâu đời, rực rỡ.

Hoạt động sưu tầm cổ vật, thăm dò cổ tích đã có từ lâu ở nhiều nước, song chỉ ở nửa cuối thế kỷ trước, khảo cổ học mới xuất hiện với tư cách là một môn khoa học. Mác và En-ghen đã nhận thức được những khả năng to lớn của khảo cổ học chính khi môn khoa học này đang thành hình. Tới nay, do được ánh sáng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử soi rọi mà khảo cổ học đã thu được những kết quả quan trọng bậc nhất về: xác định được nguồn gốc và quá trình xuất hiện của con người, phát hiện được sự thật về xã hội nguyên thuỷ, khám phá được quy luật tiến triển của xã hội loài người.

Mới đối với thế giới; đối với chúng ta, khảo cổ học càng là mới. Nó ra đời trong lúc thực dân cướp nước ta, âm mưu tiêu diệt mọi nguồn tự hào dân tộc trong nhân dân ta, không muốn cho nhân dân ta được bằng con đường khoa học thênh thang này tiếp cận với quá khứ quật cường, truyền thống vẻ vang của dân tộc. Cho nên phải chờ đến ngày Cách mạng tháng Tám thành công, chúng ta mới nắm được trong tay môn khoa học khảo cổ. Giới công tác khảo cổ Việt Nam rất đỗi tự hào đã được Hồ Chủ tịch, chỉ mấy tuần sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân, ngày 23 - 11 - 1945, ký Sắc lệnh số 65 quy định chức năng và nhiệm vụ của ngành khảo cổ.

Bản sao
TTLTQG III

Phải nói rằng công cuộc đấu tranh cách mạng gay gắt , khẩn trương , không cho phép chúng ta thực sự bắt tay ngay vào công việc tìm tòi và nghiên cứu khảo cổ được . Chỉ từ ngày 3 - 9 -1958 với sự thành lập Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam , chúng ta mới tiến hành thiết thực công tác này được . Nhưng được yêu cầu cấp thiết cuả cách mạng thúc đẩy , do đó được Đảng quan tâm lãnh đạo và được quần chúng nhiệt tình giúp đỡ , ngành khảo cổ học Việt Nam đã mau chóng trưởng thành .

Không phải là từ đó đến nay , trên bước đường tiến lên , chúng ta không ~~vấp~~ phải trải qua những khó khăn , ~~mắc những sai lầm khuyết điểm đáng kể~~ . Nhưng hoạt động gần đây, ~~trong~~ giữa những năm chống ~~trả chiến tranh phá hoại cuả giặc~~ Mỹ ác liệt nhất , trong tinh thần phấn đấu ~~đoàn kết~~ đem khoa học phục vụ ~~nhân dân , đẩy mạnh~~ cách mạng, ~~tiến lên ,~~ đã đưa đến những thành tựu đáng phấn khởi , mở ra trước ngành khảo cổ học những triển vọng tươi đẹp và lớn rộng hơn bao giờ hết . Những thành tựu ~~cuả chúng ta~~ này rất phong phú , bao gồm nhiều mặt ; chúng ta đã ~~đáp ứng~~ giải quyết được không ít những vấn đề khoa học thuộc hay góp phần ~~đáp ứng~~ giải quyết ~~những~~ nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau . Nhưng thành tựu nổi nét nhất ~~cuả chúng ta~~ trong những năm qua là đã chứng minh được rằng thời kỳ Hùng Vương là có thật trong lịch sử dân tộc ,nhờ đó soi sáng được ngọn nguồn cuả lịch sử dân tộc và rọi được cả những ánh sáng mới lên những giai đoạn lịch sử nối tiếp theo , kể cả chặng đường lịch sử sống động và huy hoàng ngày nay .

Không phải tình cờ mà , năm năm qua , hưởng ứng lời kêu gọi cuả Đảng đối với các ngành khoa học : chọn những đề tài thiết thực mà tập trung sức tiến hành nghiên cứu dứt điểm , một tập thể rộng rãi cán bộ khảo cổ học và những môn khoa học khác có liên quan đã sát cánh nhau chung sức nghiên cứu vấn đề "Hùng Vương dựng nước" . Đó là những năm mà đế quốc Mỹ hung bạo ~~, nhằm chia xâm lược và chia cắt đất nước chúng ta , đe dọa - không mảy may nói bóng gió -~~ đoa ném bom đưa miền Bắc chúng ta "trở lại thời đại đế đá" ; ~~và~~ đứng trước thách thức cuả quân thù , chúng ta không có con đường nào khác là nâng cao quyết tâm gìn giữ , bằng bất cứ giá nào , độc lập , tự do . Chúng ta đã ra sức ~~tìm hiểu bình minh cuả~~ tiến hành nghiên cứu khoa học nhằm

Bản sao
TTLTQG III

Đã có thể nói được chắng rằng ngành khảo cổ học Việt Nam , trong những năm đầu hoạt động , đã đáp ứng những kỳ vọng và trí tuệ ngày nay trông chờ ở môn khoa học tổi tân này , - môn khoa học mà , theo một học giả nổi tiếng , đã đến với sự hiểu biết về lịch sử , như kính viễn vọng đã đến với thiên văn học , kính hiển vi đã đến với sinh vật học , sự khám phá ra hiện tượng phóng xạ đã đến với hoá học ?

Hoặc quần chúng nhân dân hiện càng quan tâm bảo vệ vết tích khảo cổ học , đồng bào miền Nam cũng như thức giả ở nhiều nước chú ý theo dõi công tác khảo cổ ở miền Bắc , phải chăng chính vì nền văn minh Việt cổ vừa được sống trở lại đẹp , lạ , hấp dẫn vô cùng do bản thân nó đặc sắc và do mọi người nhận ra nó ~~đang còn~~ tiếp tục tồn tại và phát huy trong con người Việt Nam đang đấu tranh cách mạng ngàynay ?

Nhưng nhận thức sâu sắc nhất của những người làm công tác khảo cổ trong những ngày đạt được những kết quả đầu tiên hiện nay , là hiểu rằng thành tích đó gắn liền với ý thức ~~phục vụ hướng theo yêu cầu của Đảng~~ , phục vụ cách mạng , phục vụ nhân dân . Không đi con đường đó của Đảng , không vì những mục đích đó mà phấn đấu , thì , vẫn với những phương pháp hiện đại đã sử dụng , vẫn với những tài năng trí tuệ đã được huy động , chúng ta có thể thu thập được hàng loạt những nhận xét nhận định hay , lạ , tỉ mỉ , về từng khía cạnh của cuộc sống đã qua , mà không nhất thiết nhận thức được tầm vóc của dân tộc , chiều sâu ~~của~~ và sức mạnh của truyền thống dân tộc ./.

Bản nhận xét Luận văn Thạc sĩ:

- "Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III."
- Chuyên ngành: Lưu trữ học. Mã số: 60 32 24.
- Học viên: Phạm Thị Ngân.

---

1. Công tác lưu trữ của cả nước nói chung và của từng lưu trữ lịch sử nói riêng đều nhằm thực hiện tốt hai mục đích cơ bản là:

Thứ nhất: tổ chức bảo quản an toàn tất cả các tài liệu sau khi đã được thu thập bổ sung đầy đủ tài liệu thuộc khu vực thẩm quyền của cơ lưu trữ.

Thứ hai: tổ chức khoa học các tài liệu đó để phục vụ khai thác sử dụng có hiệu quả cho mọi nhu cầu khác nhau của xã hội phù hợp với những quy định của pháp luật.

Đề tài luận văn Thạc sĩ: "Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III" của học viên Phạm Thị Ngân, sẽ có ý nghĩa thực tiễn cao khi thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ đã đặt ra. Đề tài phù hợp với mã ngành Lưu trữ học, mã số 60 32 24.

2. Kết quả nghiên cứu của đề tài thể hiện ở mấy điểm sau đây:

2.1. Về các mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra cho đề tài cần giải quyết là phù hợp. Một số phương pháp sử dụng để nghiên cứu như khảo sát, thu thập và xử

lý thông tin, phương pháp phân tích, tổng hợp là cần thiết. Nguồn tài liệu tham khảo tương đối phong phú.

2.2. Về nội dung, luận văn đã trình bày được một số vấn đề cơ bản dưới đây:

- Một là: Luận văn đã nêu được một số nét tổng quát về Trung tâm lưu trữ Quốc gia III và số lượng các phông lưu trữ cá nhân được thu thập bảo quản tại Trung tâm, đặc biệt là 5 cá nhân tiêu biểu mà tác giả lựa chọn để trình bày trong luận văn này (từ trang 14 đến trang 28).

- Hai là: Luận văn đã trình bày tương đối rõ thành phần, nội dung, đặc điểm về hình thức và vật mang tin tài liệu của 5 cá nhân là Hoài Thanh, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thai Mai và Phạm Huy Thông (từ trang 33 đến trang 53 của Luận văn).

- Ba là: điểm nổi bật của luận văn là đã trình bày được những nét cơ bản về giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu của các phông lưu trữ cá nhân tiêu này, vấn đề sau:

  - Nghiên cứu về cuộc đời của mỗi cá nhân.
  - Nghiên cứu về sự nghiệp sáng tác, sáng tạo của mỗi cá nhân.
  - Nghiên cứu về những đóng góp của cá nhân cho công tác quản lý, hoạt động chính trị - xã hội.
  - Phục vụ cho việc tuyên truyền, quảng bá về những đóng góp của mỗi cá nhân cho sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc (trưng bày triển lãm, xuất bản các tuyển tập ...)
  - Là nguồn tư liệu gốc phục vụ cho các nhà nghiên cứu, cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ theo chương trình đào tạo.

(từ trang 55 đến trang 87 của luận văn).

2.3. Về bố cục: luận văn chia thành 3 chương về cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên, ở các mục và tiểu mục của mỗi chương cần phải điều chỉnh sắp xếp lại cho lôgích hơn sẽ lưu ý ở mục 3.

Về hành văn và in ấn nhìn chung rõ ràng, mạch lạc.

3. Để luận văn có thể đạt được kết quả tốt hơn, tác giả cần lưu ý thêm những điểm sau đây:

3.1. Ở chương 1 cần trình bày rõ một số vấn đề lý luận chung về phông cá nhân: khái niệm, các nhóm tài liệu phổ biến của phông lưu trữ cá nhân, giá trị tổng quan tài liệu lưu trữ của phông lưu trữ cá nhân... để người đọc có cái nhìn khái quát, sau đó lấy ví dụ tài liệu của từng cá nhân để minh họa thì tốt hơn.

3.2. Ở chương 2 và chương 3 nên được khái quát theo các vấn đề:

- Thành phần tài liệu,
- Nội dung tài liệu,
- Đặc điểm tài liệu,

và như nhận xét ở điểm 3 mục 2.2 của bản nhận xét này thì sẽ hấp dẫn người đọc hơn.

3.3. Về sắp xếp thứ tự các cá nhân nêu trong luận văn và ở thư mục tài liệu tham khảo theo cách nào thì phải thống nhất.

4 - Kết luận chung: Mặc dầu luận văn còn một vài hạn chế (chủ yếu là sắp xếp các mục, tiểu mục) nhưng về cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của một luận văn Thạc sĩ ngành Lưu trữ học. Trân trọng đề nghị Hội đồng thông qua.

Ngày 12.12.2015

Phản biện 1

PGS. Nguyễn Văn Hàm

Nhận xét Luận văn Thạc sĩ

Đề tài: ***Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác sử dụng tài liệu các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ quốc gia III***

Học viên: Phạm Thị Ngân

1) Về đề tài:

- Phù hợp với mã ngành đào tạo.

- Nếu được thực hiện tốt, kết quả nghiên cứu sẽ có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn đối với các lưu trữ lịch sử trong công tác tổ chức khai thác, sử dụng/phát huy giá trị tài liệu lưu trữ của các cá nhân nổi tiếng/danh nhân của Việt Nam trong thời kì hiện đại.

2) Về ưu điểm của luận văn:

- Luận văn đã đạt được một số kết quả cơ bản sau:

+ Đã khái quát được thân thế và sự nghiệp của 05 học giả/chính trị gia là Hoài Thanh, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thai Mai và Phạm Huy Thông;

+ Bước đầu phân tích được thành phần, nội dung, đặc điểm cũng như giá trị và mục đích sử dụng tài liệu của các phông lưu trữ các cá nhân trên;

+ Danh mục tài liệu tham khảo phong phú với nhiều hồ sơ lưu trữ hiện đang bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội (thể hiện sự chăm chỉ của học viên).

3) Các góp ý khác:

- Bên cạnh đó, luận văn còn một số hạn chế sau, đề nghị học viên nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung/làm rõ thêm trong luận văn:

+ Mục tiêu nghiên cứu thứ 2 "..tìm hiểu những bất cập, hạn chế trong việc khai thác và sử dụng khối tài liệu của các phông (05) cá nhân" và mục tiêu thứ 3 "đưa ra một số đề xuất để có thể tăng cường và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ cá nhân..." cần xem xét lại vì nếu giữ nguyên 02 mục tiêu này thì luận văn chưa đạt được do kết quả nghiên cứu hướng

tới 02 mục tiêu này chưa được đầu tư xứng đáng nếu như hiện nay chỉ nằm trong phần Kết luận của luận văn. Nếu giữ nguyên mục tiêu nghiên cứu thì kết cấu của luận văn cần được xem xét cấu trúc lại;

+ Các phương pháp nghiên cứu (hiện chỉ được liệt kê tên một số phương pháp như quy nạp, khảo sát...) chưa được phân tích rõ được sử dụng như thế nào khi tiến hành triển khai đề tài, chưa kể thiếu vắng các phương pháp nghiên cứu cơ bản của lưu trữ học;

+ Luận văn thiếu tính khái quát khi chỉ thiên về mô tả nội dung thông tin tài liệu cũng như trong chừng mực có thể là giá trị thông tin của các tài liệu lưu trữ của các phông cá nhân mà việc khái quát, nâng tầm giá trị và mục đích sử dụng tài liệu của các cá nhân này còn yếu (thể hiện ở chương 2 và chương 3, tên và nội dung của một số mục và tiểu mục bị trùng lặp, ví dụ mục 2.2 và 2.3...);

+ Phần lịch sử nghiên cứu vấn đề còn thiếu nhiều thông tin về nguồn tư liệu, danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp chưa đúng quy cách...;

+ Một số nhận thức còn nhầm lẫn như tại trang 13 có đoạn "...sau khi Luật Lưu trữ được Quốc hội ban hành ngày 01/7/2012..." vì đó là thời điểm của Luật Lưu trữ có hiệu lực chứ không phải là thời điểm ban hành Luật (năm 2011);

+ Một số nhận định còn chưa tới, gây tiếc nuối cho người đọc, ví dụ khi viết về giá trị Di bút của Hoài Thanh (tr.56); hoặc nhận định/bình luận chưa có minh họa (tr.63)...

+ Một số nhầm lẫn không đáng có như tên nhà nghiên cứu Peter Zinoman (chuyên gia nghiên cứu về lịch sử Đông Nam Á) được ghi nhầm là Zinoman Peter (tr.79)

5) Kết luận:

Đề nghị Hội đồng chấm luận văn xem xét và quyết định.

Hà nội, ngày tháng 12 năm 2015

Người nhận xét

TS. Đào Anh Thuận

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 2835/SĐH ngày 23/11/2015 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ của học viên cao học: Phạm Thị Ngân; sinh ngày: 11/11/1988

Tên đề tài luận văn: Nghiên cứu giá trị và mục đích khai thác, sử dụng tài liệu trong các phông lưu trữ cá nhân tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III

Ngành Lưu trữ Chuyên ngành Lưu trữ Mã số 60.32.24

Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ đã họp vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2015 tại ĐHKHXHNV - ĐHQGHN

Sau khi nghe học viên trình bày tóm tắt luận văn thạc sĩ, các phản biện đọc nhận xét, học viên trả lời các câu hỏi, Hội đồng đã họp, trao đổi ý kiến và thống nhất kết luận:

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài luận văn.

- Hướng nghiên cứu phù hợp với mã ngành đào tạo
- Nếu thực hiện tốt, đề tài sẽ mang tính lý luận và thực tiễn cao.

2. Bố cục, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo, ... của luận văn.

Ưu:
- Luận văn chia 3 chương là trình bày hợp lý
- Phương pháp nghiên cứu trình bày phù hợp
- Tài liệu tham khảo phong phú, có độ tin cậy

Hạn chế: Tuy nhiên cần chỉnh sửa lại một số mục và tiểu mục trong luận văn; kết cấu của luận văn phải gắn với mục tiêu của đề tài

3. Kết quả nghiên cứu:

- Tổng quát được về TTLTQG III, về cuộc đời và sự nghiệp của 5 cá nhân và 1/10 phông lưu trữ cá nhân bảo quản tại TTLTQG III
- Giới thiệu rõ thành phần, nội dung, đặc điểm tài liệu
- Trưng bày được những nét cơ bản về giá trị và mục đích KTSD TL phông lưu trữ cá nhân

4. Hạn chế của luận văn *(nếu có)*: Tính khái quát của luận văn còn hạn chế.

- Một số mục và tiểu mục trong L/văn cần được chỉnh sửa
- Trưng bày rõ hơn về khái niệm "phông cá nhân, TL cá nhân, ...; mục tiêu của luận văn cần làm rõ hơn
- Xem lại cách sắp xếp danh mục tài liệu tham khảo.
- Phần lịch sử nc v/đề thiếu tính dẫn
- Nhận định riêng của tác giả về đặc điểm riêng của từng phông chưa được trưng bày.

5. Đánh giá chung:

- Luận văn đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sĩ khoa học chuyên ngành lưu trữ học
- Đề nghị Trường ĐHKHXHNV-ĐHQGHN cấp bằng Thạc sỹ cho Học viên Phạm Thị Ngân sau khi HV sửa chữa L/văn theo yêu cầu của Hội đồng.

Luận văn đạt...8,2.../10 điểm.

Quyết nghị này được ...5.../...5..... thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

Thư kí hội đồng

TS. Nguyễn Lệ Nhung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GS. TSKH Nguyễn Văn Nhật

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC